

Số: 124 /KH-MNHĐ

Thanh Khê, ngày tháng 9 năm 2023

KẾ HOẠCH
Phát triển giáo dục nhà trường
Năm học 2023-2024

Căn cứ Thông tư 51/2020/TT-BGDĐT ngày 31/12/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành thông sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Chương trình Giáo dục mầm non ban hành kèm theo Thông tư số 17/2009/TT-BGDĐT ngày 25 tháng 7 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, đã được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 28/2016/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Công văn số 956/PGDĐT-MN ngày 23/08/2023 của Phòng GD&ĐT quận Thanh Khê về việc hướng dẫn khung kế hoạch thời gian năm học 2023-2024 đối với giáo dục mầm non;

Căn cứ Công văn số 973/PGDĐT-MN, ngày 29/8/2023 của phòng Giáo dục và Đào tạo Thanh Khê về hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ Giáo dục mầm non năm học 2023-2024;

Căn cứ tình hình thực tế của nhà trường, Trường Mầm non Hồng Đào xây dựng Kế hoạch phát triển chương trình giáo dục nhà trường trong năm học 2023-2024 như sau:

I. PHÂN TÍCH BỐI CẢNH NHÀ TRƯỜNG

1. Bối cảnh bên trong

1.1. Điểm mạnh

a) Truyền thống

Trường Mầm non Hồng Đào nằm trên địa bàn phường An Khê, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng được thành lập năm 1997. Trong 26 năm qua, nhà trường đã có bề dày thành tích đáng tự hào, đã tạo được uy tín với Đảng uỷ, chính quyền địa phương và nhân dân. Từ ngôi trường này biết bao thế hệ học sinh được giáo dục, trưởng thành và đã có nhiều đóng góp xứng đáng cho công cuộc xây dựng và phát triển giáo dục địa phương.

- Trong nhiều năm xây dựng và phát triển, nhà trường đã có nhiều đóng góp tích cực, hiệu quả vào sự nghiệp giáo dục của địa phương. Nhà trường đã được công nhận là cơ sở giáo dục đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 1 tháng 8/2017.

Đội ngũ CB- GV- NV là CSTĐ cơ sở, GVG Thành phố và GVG Quận. Số CB- GV đạt chuẩn trở lên là 100%. Chính sự nỗ lực và tinh thần trách nhiệm cao trong công việc của đội ngũ CB-GV- NV nên 26 năm qua nhà trường đạt được những danh hiệu thi đua cao quý như: Bằng khen của thành phố, tập thể

lao động xuất sắc, Chi bộ trong sạch vững mạnh, Tổ chức Công đoàn luôn đạt danh hiệu Công đoàn vững mạnh, xuất sắc. Chi đoàn đạt nhiều năm danh hiệu Chi đoàn xuất sắc. Năm học 2022-2023, trường đạt tập thể Lao động xuất sắc, bằng khen của Chủ tịch UBND thành phố.

b) Nguồn lực

Trường mầm non Hồng Đào có 2 điểm trường, điểm trường 1 nằm tại số 323 đường Nguyễn Phước Nguyên, phường An Khê, quận Thanh Khê với tổng diện tích đất 801.3m², điểm trường 2 nằm tại 311/9 đường Trường Chinh, phường An Khê, quận Thanh Khê với tổng diện tích đất 331 m². 2 điểm trường được đầu tư xây dựng với kiến trúc 3 tầng, kang trang hiện đại, môi trường sạch sẽ, thoáng mát, an toàn, đi lại thuận lợi, đảm bảo an toàn giao thông.

- Nhà trường có tổng số phòng là: 20 phòng (trong đó có 12 phòng học, 04 phòng hiệu bộ, 02 bếp ăn và 01 hội trường, 01 phòng y tế bán kiến cố), các phòng đều đảm bảo kiên cố. Có hệ thống nước sạch cung cấp cho giáo viên và học sinh hoạt động hàng ngày.

- Năm học này trường tiếp nhận thêm 1 điểm trường tại số 283 Lý Triện, phường An Khê, quận Thanh Khê. Dự kiến sau khi bàn giao, sửa chữa nhà trường sẽ mở thêm 2 nhóm lớp tại cơ sở này.

- Tài chính, ngân sách đáp ứng đảm bảo nhu cầu cho các hoạt động trong nhà trường.

c) Đội ngũ giáo viên nhân viên và cán bộ quản lý

- Toàn trường có 39 CBGVNV (CBQL: 02; GV: 27; NV: 10), trong đó:

+ Ban Giám hiệu trường có 02 đồng chí đều có trình độ chuyên môn cao: 02 đại học. BGH được quy hoạch tại chỗ Hàng năm hiệu trưởng, phó hiệu trưởng đều được đánh giá, xếp loại tốt theo Quy định Chuẩn hiệu trưởng, phó hiệu trưởng. Ban giám hiệu đều tham gia đầy đủ các lớp bồi dưỡng chính trị, chuyên môn nghiệp vụ quản lý trường học, có kinh nghiệm trong công tác quản lý, luôn thống nhất trong kế hoạch chỉ đạo công tác chăm sóc giáo dục của nhà trường; đoàn kết, sáng tạo, hỗ trợ nhau trong công tác để cùng nhau hoàn thành nhiệm vụ.

+ Đội ngũ giáo viên của trường có 27 người trong đó có 27 biên chế với trình độ chuyên môn đạt chuẩn 100% và trên chuẩn 96,4% (01 GV đang tham gia học Đại học Sư phạm mầm non). Lực lượng giáo viên nhà trường luôn vững vàng về tư tưởng chính trị, có phẩm chất đạo đức tốt, lối sống lành mạnh, đoàn kết, giản dị, yêu nghề mến trẻ, tôn trọng và đối xử công bằng với trẻ. Tập thể giáo viên luôn hòa đồng, thể hiện tinh thần sáng tạo, giúp đỡ nhau tận tình qua học tập các chuyên đề, sinh hoạt chuyên môn; tích cực tham gia các phong trào thi đua do Đảng, Nhà nước, Ngành giáo dục, nhà trường phát động và đạt nhiều thành tích cao.

+ Đội ngũ nhân viên của trường: 10 người (01 viên chức, 04 HĐNS, 5

HĐLĐ). Trình độ chuyên môn: 01 nhân viên kế toán – đại học, 01 nhân viên y tế - trung cấp y sĩ kiêm thủ quỹ, 03 bảo vệ - nghiệp vụ bảo vệ, 05 Cấp dưỡng- sơ cấp nấu ăn.

- Cơ cấu, phân bổ đội ngũ giáo viên nhân viên cho các nhóm/lớp và các bộ phận đảm bảo chức năng và vị trí việc làm trong nhà trường. Đặc biệt phân công giáo viên có trình độ chuyên môn, nhiều kinh nghiệm và tâm huyết đứng lớp với các cô ít kinh nghiệm để hỗ trợ, giúp đỡ nhau làm việc.

- Các tổ chức Đảng, đoàn thể : Trường Mầm non Hồng Đào có 01 Chi bộ Đảng (14 Đảng viên), 01 tổ chức Công đoàn cơ sở (38 đoàn viên), 01 tổ chức Đoàn TNCS (17 đoàn viên) và 03 tổ chuyên môn nghiệp vụ (Mẫu giáo Lớn-Nhỡ, Mẫu giáo Bé - Nhà trẻ- nuôi, Văn phòng)

d) Học sinh và nhóm lớp

- Tỷ lệ huy động trẻ đến trường ở độ tuổi mẫu giáo đạt tỷ lệ 90%; trẻ 5 tuổi đạt 100%; trẻ em đến trường đều có sức khỏe ổn định, cân nặng và chiều cao phát triển bình thường, thích nghi tốt với chế độ sinh hoạt tại trường, hứng thú trong các hoạt động chăm sóc giáo dục.

- Trong năm học 2023-2024 nhà trường đã sử dụng 12 phòng học với tổng số học sinh được giao là 340 cháu. Bình quân 28.3 trẻ/1 lớp. Tỷ lệ trẻ học bán trú tại 2 cơ sở đạt 100% theo kế hoạch.

1.2. Điểm yếu

- Về cơ sở vật chất:

+ Mặc dù 2 điểm trường của nhà trường được đầu tư sửa chữa, hiện đại nhưng thiếu về một số đồ dùng phục vụ cho việc chăm sóc trẻ như chưa có đủ thiết bị công nghệ hiện đại cho các nhóm lớp và các phòng hiệu bộ (máy tính, tivi...)

+ Khuôn viên tại 2 điểm trường đã xây dựng lâu, nên không có môi trường ngoài trời, môi trường cây xanh cho trẻ khi trẻ tham gia hoạt động ngoài trời cũng gây trở ngại khi tổ chức các hoạt động ngoài trời.

+ Các đồ dùng đồ chơi ngoài trời tại 2 điểm trường nhanh hư hỏng, bạc màu. Hệ thống ti vi, máy vi tính do thời gian cấp phát và đưa vào sử dụng đã lâu nên đã bị hư hỏng nhiều.

- Về đội ngũ:

+ Hiện nay nhà trường đủ số lượng giáo viên định biên tại các lớp tuy nhiên sự năng động sáng tạo trong công tác chăm sóc giáo dục vẫn chưa phát huy tích cực, một số giáo viên ngại thay đổi nội dung, hình thức, phương pháp giáo dục; không chịu khó tìm tòi tự học, tự nghiên cứu để nâng cao tay nghề.

+ Một số lượng nhỏ giáo viên của nhà trường, tuy có kiến thức chuyên môn song vẫn chưa có năng lực nổi trội khi tham gia các hoạt động để góp phần xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nhà trường.

+ Một số giáo viên vẫn chưa bám sát cách đánh giá những điểm cơ bản của trẻ trong hoạt động, còn đánh giá một số nội dung không trọng tâm.

+ Giáo viên biết ứng dụng công nghệ thông tin để soạn giảng tuy nhiên việc thực hiện ứng dụng công nghệ 4.0, công nghệ số còn hạn chế đối với giáo viên lớn tuổi. Một số giáo viên còn thiếu sự linh hoạt trong việc xây dựng và tổ chức các hoạt động giáo dục lấy trẻ làm trung tâm.

- Về học sinh: Nhiều trẻ đến trường chưa thật sự mạnh dạn và tự tin trong giao tiếp, chưa tích cực tham gia các hoạt động của lớp, của nhà trường.

- Về phụ huynh: Nhà trường nằm trên địa bàn khu chung cư đa số phụ huynh là lao động phổ thông, công việc không ổn định nên việc quan tâm và phối hợp cùng giáo viên trong công tác chăm sóc giáo dục trẻ còn nhiều hạn chế, một số phụ huynh đưa đón trẻ tại trường chưa đảm bảo đúng thời gian quy định làm ảnh hưởng đến các hoạt động của trẻ.

2. Bối cảnh bên ngoài

2.1. Thời cơ

- Sau đại hội Đảng các cấp lần thứ XIII, Đà Nẵng chú trọng tiếp tục đẩy mạnh hơn nữa việc thực hiện chủ trương về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo nhằm thực hiện tích cực Quyết định số 131/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt Đề án “Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030”; đổi mới căn bản, toàn diện Giáo dục và Đào tạo, đáp ứng nhu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế. Với tinh thần này, Quận ủy, UBND và Phòng Giáo dục đào tạo quận Thanh Khê lại tiếp tục rà soát các trường có điều kiện tiến xa hơn lộ trình trường chuẩn và trong đó có trường Mầm non **Hồng Đào**.

- Nhà trường là 1 trường Mầm non công lập duy nhất đóng trên địa bàn phường An Khê, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng nên rất thuận lợi cho việc tuyển sinh hằng năm và là sự lựa chọn hàng đầu của phụ huynh ở địa phương.

- Tình hình chính trị xã hội tại địa phương ổn định, các chủ trương chính sách về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo cũng như triển khai thực hiện các chuyên đề “Xây dựng trường mầm non lấy trẻ làm trung tâm” các giai đoạn của chương trình giáo dục mầm non đã dần đi vào cuộc sống, giúp nâng cao nhận thức, chung tay hành động của gia đình, xã hội và cộng đồng.

- Thành phố Đà Nẵng là thành phố môi trường, thân thiện, đáng sống với nhiều danh lam thắng cảnh nổi tiếng, đây cũng chính là điều kiện của nhiều trường mầm non của quận Thanh Khê, một quận trung tâm với nhiều cảnh đẹp, nhiều di tích lịch sử được phong tặng cấp thành phố, quốc gia; đây là những điểm đến có thể giúp cho trẻ, giáo viên và nhà trường có nhiều cơ hội được tham quan, học tập, vận dụng phù hợp vào kế hoạch phát triển chương trình và đáp ứng được mục tiêu giáo dục của nhà trường đề ra một cách hợp lý và hiệu quả nhất.

2.2. Thách thức

- Là trường mầm non Công lập đóng trên địa bàn phường An Khê, dân cư chủ yếu buôn bán nhỏ và dân lao động nhập cư, do đó đời sống kinh tế của phụ huynh đa phần khó khăn, thu nhập thấp, không ổn định nên gây khó khăn trong việc đảm bảo các khoản thu hay trong công tác xã hội hóa.

- Phụ huynh bận rộn lo kinh tế không có thời gian tham gia các hoạt động với nhà trường.

- Dân số trẻ trong độ tuổi thấp, PCGD cho thấy tỉ lệ trẻ trong độ tuổi tuyển sinh rất thấp đặc biệt trẻ nhà trẻ ở độ tuổi 12-18 tháng theo PCGD năm 2022.

- Vẫn còn nhiều phụ huynh học sinh nhất là đối với trẻ 5-6 tuổi, đều có nguyện vọng cho trẻ học trước chương trình lớp 1 và cho trẻ học dự thính ở các cơ sở bên ngoài không đảm bảo các điều kiện.

- Xã hội ngày càng phát triển và hội nhập vì thế đòi hỏi chất lượng chăm sóc giáo dục trong nhà trường phải luôn được nâng cao. Điều này đòi hỏi, CBQL nhà trường cần đổi mới quan điểm quản lý, chỉ đạo; các mối quan hệ xã hội, trong cách nghĩ, cách làm; trong thực hiện chính sách và động viên, khen thưởng kịp thời.

- Chất lượng đào tạo, bồi dưỡng nhà giáo và CBQL tại trường MN cần phải đảm bảo nâng cao năng lực, chuẩn hóa về chuyên môn, nghiệp vụ, phẩm chất nghề nghiệp và các kỹ năng về công nghệ thông tin để đáp ứng yêu cầu đổi mới chương trình GDMN, góp phần thực hiện đổi mới căn bản, toàn diện GDĐT nhằm nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên và CBQL trên địa bàn quận Thanh Khê nói riêng và thành phố Đà Nẵng nói chung

2.3. Tầm nhìn, sứ mệnh, giá trị cốt lõi

a) Tầm nhìn

Xây dựng nhà trường đạt chuẩn về việc chăm sóc giáo dục và phát triển trẻ một cách toàn diện năm 2025-2025.

Khuyến khích trí tò mò tìm hiểu thế giới xung quanh của trẻ sẽ giúp các con tiếp thu kiến thức một cách tự nhiên, giúp các con có khả năng tư duy độc lập, phát triển về kiến thức lẫn nhân cách một cách toàn diện, đáp ứng nhu cầu và mong đợi ngày càng nâng cao của đông đảo phụ huynh trong và ngoài địa bàn, là sự lựa chọn đầu tiên cho các bậc cha mẹ có con trong độ tuổi mầm non.

b) Sứ mệnh

Tạo môi trường giáo dục an toàn, tràn đầy tình yêu thương; mỗi trẻ đều được chăm sóc chu đáo, được tôn trọng, được vui vẻ thể hiện bản thân; Để các con trở thành những người ham học, biết cách học và biết cư xử phải phép.

Tạo dựng một đội ngũ giáo viên đạo đức, nhân ái, giỏi chuyên môn - là người giữ trọng trách hướng dẫn, khuyến khích, thúc đẩy khả năng khám phá của trẻ; giúp trẻ hình thành tích cách tự lập, có bản lĩnh, suy nghĩ độc lập và biết cách ứng xử trong xã hội.

c) Giá trị cốt lõi

Tâm: Chăm sóc, giáo dục trẻ bằng tình thương yêu, sự công bằng, tôn trọng và trách nhiệm “cô giáo là người mẹ thứ hai của trẻ”.

Trí: Luôn đổi mới và vận dụng các phương pháp giáo dục hiện đại; Thái độ đúng mực và đáp ứng nguyện vọng chính đáng của bậc phụ huynh.

Đức: Đề cao và phát huy đạo đức nhà giáo, tuân thủ quy chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non.

II. MỤC TIÊU CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC NHÀ TRƯỜNG

Phần một: NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG

A. MỤC TIÊU CỦA GIÁO DỤC MẦM NON

Mục tiêu của giáo dục mầm non là giúp trẻ em phát triển về thể chất, tình cảm, trí tuệ, thẩm mỹ, hình thành những yếu tố đầu tiên của nhân cách, chuẩn bị cho trẻ em vào lớp một; hình thành và phát triển ở trẻ em những chức năng tâm sinh lý, năng lực và phẩm chất mang tính nền tảng, mạnh dạn, tự tin, hạnh phúc, biết hợp tác và chia sẻ, những kỹ năng sống cần thiết phù hợp với lứa tuổi, khơi dậy và phát triển tối đa những khả năng tiềm ẩn, đặt nền tảng cho việc học ở các cấp học tiếp theo và cho việc học tập suốt đời.

B. QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC MẦM NON

1. Chương trình giáo dục mầm non là chương trình khung, có tính chất mở, thể hiện mục tiêu giáo dục mầm non, quy định các yêu cầu về nội dung, phương pháp giáo dục mầm non và đánh giá sự phát triển của trẻ, làm căn cứ cho việc quản lý, chỉ đạo và tổ chức nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em ở tất cả các cơ sở giáo dục mầm non trên phạm vi cả nước; đồng thời là cam kết của Nhà nước nhằm bảo đảm chất lượng cho cả hệ thống và từng cơ sở giáo dục mầm non.

Chương trình giáo dục mầm non được xây dựng trên cơ sở quan điểm của Đảng, Nhà nước về đổi mới căn bản, toàn diện về giáo dục và đào tạo, có kế thừa những ưu việt của Chương trình chăm sóc, giáo dục trẻ trước đây, được phát triển trên quan điểm bảo đảm đáp ứng sự đa dạng của các vùng miền, các đối tượng trẻ, hướng đến sự phát triển toàn diện và tạo cơ hội cho trẻ phát triển.

2. Chương trình giáo dục mầm non bảo đảm kết nối chặt chẽ giữa các độ tuổi nhà trẻ và mẫu giáo với nhau, liên thông với Chương trình giáo dục phổ thông. Chương trình thể hiện quan điểm giáo dục toàn diện, tích hợp, lấy trẻ làm trung tâm với phương châm giáo dục “chơi mà học, học bằng chơi”.

3. Chương trình quy định những nội dung giáo dục áp dụng đối với mọi trẻ em mầm non, đồng thời trao quyền chủ động cho địa phương, cơ sở giáo dục mầm non, giáo viên trong việc lựa chọn, bổ sung một số nội dung giáo dục và triển khai kế hoạch giáo dục phù hợp với trẻ em mầm non và điều kiện của địa phương, của cơ sở giáo dục mầm non.

C. YÊU CẦU VỀ NỘI DUNG, PHƯƠNG PHÁP GIÁO DỤC MẦM NON VÀ ĐÁNH GIÁ SỰ PHÁT TRIỂN CỦA TRẺ

I. YÊU CẦU VỀ NỘI DUNG GIÁO DỤC MẦM NON

1. Bảo đảm tính khoa học, tính vừa sức và nguyên tắc đồng tâm phát triển từ dễ đến khó; bảo đảm tính liên thông giữa các độ tuổi, giữa nhà trẻ, mẫu giáo và cấp tiểu học; thống nhất giữa nội dung giáo dục với cuộc sống hiện thực, gắn với cuộc sống và kinh nghiệm của trẻ, chuẩn bị cho trẻ từng bước hòa nhập vào cuộc sống.

2. Phù hợp với sự phát triển tâm lý, sinh lý của trẻ em, hài hòa giữa nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục; giúp trẻ em phát triển cơ thể cân đối, khỏe mạnh, nhanh nhẹn; cung cấp kỹ năng sống phù hợp với lứa tuổi; giúp trẻ em biết kính trọng, yêu mến, lễ phép với ông bà, cha mẹ, thầy giáo, cô giáo; yêu quý anh, chị, em, bạn bè; thật thà, mạnh dạn, tự tin và hồn nhiên, yêu thích cái đẹp; ham hiểu biết, thích đi học.

II. YÊU CẦU VỀ PHƯƠNG PHÁP GIÁO DỤC MẦM NON

1. Đối với giáo dục nhà trẻ, phương pháp giáo dục phải chú trọng giao tiếp thường xuyên, thể hiện sự yêu thương và tạo sự gắn bó của người lớn với trẻ; chú ý đặc điểm cá nhân trẻ để lựa chọn phương pháp giáo dục phù hợp, tạo cho trẻ có cảm giác an toàn về thể chất và tinh thần; tạo điều kiện thuận lợi cho trẻ được tích cực hoạt động giao lưu cảm xúc, hoạt động với đồ vật và vui chơi, kích thích sự phát triển các giác quan và các chức năng tâm lý, sinh lý; tạo môi trường giáo dục gần gũi với khung cảnh gia đình, giúp trẻ thích nghi với nhà trẻ.

2. Đối với giáo dục mẫu giáo, phương pháp giáo dục phải tạo điều kiện cho trẻ được trải nghiệm, tìm tòi, khám phá môi trường xung quanh dưới nhiều hình thức đa dạng, đáp ứng nhu cầu, hứng thú của trẻ theo phương châm “chơi mà học, học bằng chơi”. Chú trọng đổi mới tổ chức môi trường giáo dục nhằm kích thích và tạo cơ hội cho trẻ tích cực khám phá, thử nghiệm và sáng tạo ở các khu vực hoạt động một cách vui vẻ. Kết hợp hài hòa giữa giáo dục trẻ trong nhóm bạn với giáo dục cá nhân, chú ý đặc điểm riêng của từng trẻ để có phương pháp giáo dục phù hợp. Tổ chức hợp lý các hình thức hoạt động cá nhân, theo nhóm nhỏ và cả lớp, phù hợp với độ tuổi của lớp, với khả năng của từng trẻ, với nhu cầu và hứng thú của trẻ và với điều kiện thực tế.

3. Nhà trường khuyến khích giáo viên linh hoạt, áp dụng các mô hình học tập phương pháp giáo dục mới như: phương pháp Montessori, phương pháp giáo dục Steam vào tổ chức hoạt động cho trẻ có hiệu quả.

III. YÊU CẦU VỀ ĐÁNH GIÁ SỰ PHÁT TRIỂN CỦA TRẺ

Đánh giá sự phát triển của trẻ (bao gồm đánh giá trẻ hằng ngày và đánh giá trẻ theo giai đoạn) nhằm theo dõi sự phát triển của trẻ, làm cơ sở cho việc xây dựng và điều chỉnh kế hoạch giáo dục. Trong đánh giá phải có sự phối hợp nhiều phương pháp, hình thức đánh giá; coi trọng đánh giá sự tiến bộ của từng trẻ, đánh giá trẻ thường xuyên qua quan sát hoạt động hằng ngày.

D. ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

I. TỔ CHỨC VÀ QUẢN LÝ CƠ SỞ GIÁO DỤC MẦM NON

1. Nhà trường có sứ mệnh hình thành và phát triển toàn diện nhân cách cho trẻ em. Tạo dựng được môi trường giáo dục có nề nếp, kỷ cương, có chất lượng giáo dục cao, để mỗi trẻ em đều có cơ hội phát triển tối đa năng lực của bản thân. Xây dựng trường học, lớp học hạnh phúc ; được giao quyền tự chủ theo quy định của pháp luật.

2. Cơ cấu tổ chức bộ máy và hoạt động của cơ sở giáo dục mầm non theo quy định của Điều lệ trường mầm non do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành và theo quy định của pháp luật hiện hành có liên quan.

II. CÁN BỘ QUẢN LÝ, GIÁO VIÊN, NHÂN VIÊN

1. Số lượng và cơ cấu đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên bảo đảm tối thiểu theo quy định. Tổng số cán bộ giáo viên, nhân viên: 39 người (Nữ: 37, Nam: 02)

2. Cán bộ quản lý, giáo viên, có trình độ được đào tạo đạt chuẩn trở lên; giáo viên được xếp loại Đạt trở lên theo Chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non; cán bộ quản lý được xếp loại Đạt trở lên theo Chuẩn hiệu trưởng cơ sở giáo dục mầm non; cán bộ quản lý, giáo viên được bồi dưỡng về chuyên môn nghiệp vụ liên quan đến nhiệm vụ để đáp ứng yêu cầu phát triển chương trình giáo dục nhà trường.

Cán bộ quản lý: 02 Trình độ: Trên chuẩn: 2/2 - Tỷ lệ: 100%. (ĐH: 2)

Giáo viên: 27 (Biên chế: 27. Đảm bảo định mức 02 giáo viên/nhóm, lớp). Trình độ: Đạt chuẩn 27/27 - tỷ lệ đạt 100 %, trên chuẩn 25/27, đạt 92,6% (25 đại học, 02 Cao đẳng)

3. Nhân viên có trình độ chuyên môn bảo đảm theo quy định, được bồi dưỡng về chuyên môn nghiệp vụ liên quan đến nhiệm vụ theo vị trí việc làm trong cơ sở giáo dục mầm non.

Nhân viên: 10 (Biên chế: 01; Hợp đồng ngân sách: 04, HĐ trường: 05).

Trình độ chuyên môn của kế toán: Đại học

Số cấp dưỡng có chứng chỉ sơ cấp nấu ăn: 5/5

Số cấp dưỡng qua lớp bồi dưỡng có chứng nhận VSATTP: 5/5

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT, ĐỒ DÙNG, ĐỒ CHƠI, HỌC LIỆU, THIẾT BỊ DẠY HỌC

- Trường mầm non Hồng Đào có 2 điểm trường, tổng diện tích đất 2 cơ sở: 1.132,4 m².

- Tổng số có: 20 phòng (12 phòng học, 04 phòng hiệu bộ, 02 bếp ăn và 01 hội trường, 01 phòng y tế bán kiên cố), các phòng đều đảm bảo kiên cố. Có hệ thống nước sạch cung cấp cho giáo viên và học sinh hoạt động hàng ngày.

- Cơ sở vật chất và đồ dùng, đồ chơi, học liệu, thiết bị dạy học bảo đảm theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, các quy định có liên quan và đáp ứng yêu cầu phát triển chương trình giáo dục nhà trường.

IV. XÃ HỘI HÓA GIÁO DỤC

1. Quán triệt quan điểm phát triển giáo dục là sự nghiệp của Đảng, của Nhà nước và của toàn dân, cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương có trách nhiệm lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện có hiệu quả Chương trình giáo dục mầm non; bảo đảm điều kiện thực hiện chương trình; thực hiện nghiêm túc các chính sách của Đảng, Nhà nước đối với cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên trong các cơ sở giáo dục mầm non. Nhà trường chủ động tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp với các cá nhân, tổ chức ở địa phương để huy động đa dạng các nguồn lực tham gia các hoạt động giáo dục và hỗ trợ kinh phí, cơ sở vật chất nhà trường, xây dựng môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện.

2. Gia đình, cộng đồng được hướng dẫn và có trách nhiệm phối hợp với cơ sở giáo dục mầm non bảo đảm điều kiện để thực hiện chế độ sinh hoạt cho trẻ và chế độ làm việc đối với giáo viên, nâng cao chất lượng thực hiện chương trình giáo dục mầm non.

Phần hai

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC NHÀ TRẺ

A. MỤC TIÊU

Chương trình giáo dục nhà trẻ nhằm giúp trẻ từ 6 tháng tuổi đến 3 tuổi phát triển hài hòa về các mặt thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, tình cảm, kỹ năng xã hội và thẩm mỹ. Trẻ mạnh dạn, tự tin và hạnh phúc.

I. PHÁT TRIỂN THỂ CHẤT

- Khỏe mạnh, cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi.
- Thích nghi với chế độ sinh hoạt ở nhà trẻ.
- Thực hiện được vận động cơ bản theo độ tuổi.
- Có một số tố chất vận động ban đầu (nhanh nhẹn, khéo léo, thăng bằng cơ thể).
- Có khả năng phối hợp khéo léo cử động bàn tay, ngón tay.
- Có khả năng làm được một số việc tự phục vụ trong ăn, ngủ và vệ sinh cá nhân.

II. PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC

- Thích tìm hiểu, khám phá thế giới xung quanh.
- Có sự nhạy cảm của các giác quan.
- Có khả năng quan sát, nhận xét, ghi nhớ và diễn đạt hiểu biết bằng những câu nói đơn giản.

- Có một số hiểu biết ban đầu về bản thân và các sự vật, hiện tượng gần gũi quen thuộc.

III. PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ

- Nghe hiểu được các yêu cầu đơn giản bằng lời nói.
- Biết hỏi và trả lời một số câu hỏi đơn giản bằng lời nói, cử chỉ.
- Sử dụng lời nói để giao tiếp, diễn đạt nhu cầu.
- Có khả năng cảm nhận vần điệu, nhịp điệu của câu thơ và ngữ điệu của lời nói.
- Hồn nhiên trong giao tiếp.

IV. PHÁT TRIỂN TÌNH CẢM, KỸ NĂNG XÃ HỘI VÀ THẨM MỸ

- Có ý thức về bản thân, mạnh dạn giao tiếp với những người gần gũi.
- Có khả năng cảm nhận và biểu lộ cảm xúc với con người, sự vật gần gũi.
- Thực hiện được một số quy định đơn giản trong sinh hoạt.
- Thích nghe hát, hát và vận động theo nhạc; thích vẽ, xé dán, xếp hình; thích nghe đọc thơ, kể chuyện....[4]

B. KẾ HOẠCH THỰC HIỆN

I. PHÂN PHỐI THỜI GIAN[5]

Chương trình thiết kế cho 35 tuần, mỗi tuần làm việc 5 ngày, áp dụng trong các cơ sở giáo dục mầm non. Kế hoạch chăm sóc, giáo dục hằng ngày thực hiện theo chế độ sinh hoạt cho từng độ tuổi phù hợp với sự phát triển của trẻ và điều kiện của cơ sở giáo dục mầm non.

Thời điểm nghỉ hè, lễ tết, nghỉ học kỳ theo quy định chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

II. CHẾ ĐỘ SINH HOẠT

Chế độ sinh hoạt là sự phân bổ thời gian và các hoạt động trong ngày một cách hợp lý ở các cơ sở giáo dục mầm non nhằm đáp ứng nhu cầu về tâm lý và sinh lý của trẻ, qua đó giúp trẻ hình thành những nền nếp, thói quen tốt và thích nghi với cuộc sống ở nhà trẻ.[6]

1. Trẻ 18-24 tháng

Chế độ sinh hoạt cho trẻ 18-24 tháng tuổi

- Ăn: 2 bữa chính, 1 bữa phụ
- Ngủ: 1 giấc

Chế độ sinh hoạt cho trẻ 18- 24 tháng tuổi

Thời lượng	Thời gian	Hoạt động
30 phút	7h00-7h30	Đón trẻ, tắm nắng
30 phút	7h30-8h00	Ăn sáng
120 phút	8h00-10h00	Chơi - Tập
60 phút	10h00-11 00	Ăn chính
30 hút	11h-11h30	Vệ sinh
150 phút	11h30-14h00	Ngủ
30 phút	14h00-14h20	Ăn phụ
50 phút	14h20-15h10	Chơi - Tập
50 phút	15h10-16h00	Ăn chính
60 phút	16h00-17h00	Chơi/Trả trẻ

2. [9] Trẻ 24 - 36 tháng tuổi

- Ăn 2 bữa chính và 1 bữa phụ.
- Ngủ: 1 giấc trưa.

Chế độ sinh hoạt cho trẻ 24 - 36 tháng tuổi

Thời lượng	Thời gian	Hoạt động
30 phút	7h00-7h30	Đón trẻ, tắm nắng
30 phút	7h30-8h00	Ăn sáng
120 phút	8h00-10h00	Chơi - Tập
60 phút	10h00-11h00	Ăn chính
30 phút	11h-11h30	Vệ sinh
150 phút	11h30-14h00	Ngủ
30 phút	14h00-14h20	Ăn phụ
50 phút	14h20-15h10	Chơi - Tập

50 phút	15h10-16h00	Ăn chính
60 phút	16h00-17h00	Chơi/Trà trẻ

C. NỘI DUNG

I. NUÔI DƯỠNG VÀ CHĂM SÓC SỨC KHỎE

1.[10] Tổ chức ăn

- Xây dựng chế độ ăn, khẩu phần ăn phù hợp với độ tuổi

Nhóm tuổi	Chế độ ăn	Nhu cầu khuyến nghị năng lượng/ngày/trẻ	Nhu cầu khuyến nghị năng lượng tại cơ sở giáo dục mầm non/ngày/trẻ (chiếm 60 - 70% nhu cầu cả ngày)
18 - 24 tháng	Cơm nát + Sữa mẹ	930 - 1000 Kcal	600 - 651 Kcal
24 - 36 tháng	Cơm thường		

- Số bữa ăn tại cơ sở giáo dục mầm non: Hai bữa chính và một bữa phụ.

+ Năng lượng phân phối cho các bữa ăn: Bữa ăn buổi trưa cung cấp từ 30% đến 35% năng lượng cả ngày. Bữa ăn buổi chiều cung cấp từ 25% đến 30% năng lượng cả ngày. Bữa phụ cung cấp khoảng 5% đến 10% năng lượng cả ngày.

+ Tỷ lệ các chất cung cấp năng lượng được khuyến nghị theo cơ cấu:

Chất đạm (Protit) cung cấp khoảng 13% - 20% năng lượng khẩu phần.

Chất béo (Lipit) cung cấp khoảng 30% - 40% năng lượng khẩu phần

Chất bột (Gluxit) cung cấp khoảng 47% - 50% năng lượng khẩu phần.

- Nước uống: khoảng 0,8 - 1,6 lít/trẻ/ngày (kể cả nước trong thức ăn).

- Xây dựng thực đơn hằng ngày, theo tuần, theo mùa.

2. Tổ chức ngủ

Tổ chức cho trẻ ngủ theo nhu cầu độ tuổi:

- Trẻ từ 18 đến 36 tháng ngủ 1 giấc trưa khoảng 150 phút.

3. Vệ sinh

- Vệ sinh cá nhân.

- Vệ sinh môi trường: Vệ sinh phòng nhóm, đồ dùng, đồ chơi. Giữ sạch nguồn nước và xử lý rác, nước thải.

4. Chăm sóc sức khỏe và an toàn

- Khám sức khỏe định kỳ. Theo dõi, đánh giá sự phát triển của cân nặng và chiều cao theo lứa tuổi. Phòng chống suy dinh dưỡng, béo phì.
- Phòng tránh các bệnh thường gặp. Theo dõi tiêm chủng.
- Bảo vệ an toàn và phòng tránh một số tai nạn thường gặp.

II. GIÁO DỤC

1. Giáo dục phát triển thể chất

a) Phát triển vận động

- [11] Động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp.
- [12] Các vận động cơ bản và phát triển tố chất vận động ban đầu.
- [13] Các cử động bàn tay, ngón tay.

b) Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe

- Tập luyện nền nếp, thói quen tốt trong sinh hoạt.
- Làm quen với một số việc tự phục vụ, giữ gìn sức khỏe.
- Nhận biết và tránh một số nguy cơ không an toàn.

NỘI DUNG GIÁO DỤC THEO ĐỘ TUỔI

a) Phát triển vận động

Nội dung	18 - 24 tháng tuổi	24- 36 tháng
1. [14] Động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp	Hô hấp: tập hít thở.	Hô hấp: tập hít vào, thở ra.
	- Tay: giơ cao, đưa phía trước, đưa sang ngang, đưa ra sau.	- Tay: giơ cao, đưa ra phía trước, đưa sang ngang, đưa ra sau kết hợp với lắc bàn tay.
	- Lưng, bụng, lườn: cúi về phía trước, nghiêng người sang 2 bên.	- Lưng, bụng, lườn: cúi về phía trước, nghiêng người sang 2 bên, vắn người sang 2 bên.
	- Chân: dang sang 2 bên, ngồi xuống, đứng lên.	- Chân: ngồi xuống, đứng lên, co duỗi từng chân.
2. [15] Các vận động cơ bản và phát triển tố chất vận động ban đầu	- Tập bò, trườn: + Bò, trườn tới đích. + Bò chui (dưới dây/gậy kê cao).	- Tập bò, trườn: + Bò thẳng hướng và có vật trên lưng. + Bò chui qua cổng. + Bò, trườn qua vật cản.

	<ul style="list-style-type: none"> - Tập đi, chạy: + Đi theo hướng thẳng. + Đi trong đường hẹp. + Đi bước qua vật cản. 	<ul style="list-style-type: none"> - Tập đi, chạy: + Đi theo hiệu lệnh, đi trong đường hẹp. + Đi có mang vật trên tay. + Đi trong đường ngoằn ngoèo có mang vật trên tay + Đi kết hợp với chạy + Đi bước vào các ô + Chạy theo hướng thẳng. + Chạy đổi hướng + Đứng co 1 chân. + Bước lên xuống bậc có vịn + Bước xuống bậc cao 15cm (5-7 bậc) + Bước qua gậy có vịn
	<ul style="list-style-type: none"> - Tập bước lên, xuống bậc thang. - Tập tung, ném: + Ngồi lăn bóng. + Đứng ném, tung bóng. 	<ul style="list-style-type: none"> - Tập nhún bật: + Bật tại chỗ. + Bật qua vạch kẻ. - Tập lăn, tung, ném, bắt: + Lăn bóng về phía trước + Tung - bắt bóng cùng cô (trẻ tung sang cô, cô bắt bóng và lăn bóng cho trẻ, trẻ lại tiếp tục, khoảng cách 1,2-1,5m) + Tung, bắt bóng cùng cô: Tung bóng qua dây; Tung bắt bóng bằng 2 tay. + Ném bóng về phía trước (ném xa bằng 1 tay (túi cát, bóng)) + Ném bóng vào đích (đích xa 70-100cm)
<p>3. [16] Các cử động của bàn tay, ngón tay và</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Co, duỗi ngón tay, đan ngón tay. - Cầm, bóp, gõ, đóng đồ vật. 	<ul style="list-style-type: none"> - Xoa tay, chạm các đầu ngón tay với nhau, rót, nhào, khuấy, đảo, vò xé.

phối hợp tay - mắt	<ul style="list-style-type: none"> - Đóng mở nắp có ren. - Tháo lắp, lồng hộp tròn, vuông. - Xếp chồng 4 - 5 khối. - Vạch các nét nguệch ngoạc bằng ngón tay. 	<ul style="list-style-type: none"> - Đóng cọc bàn gỗ. - Nhón nhặt đồ vật. - Tập khâu, luồn dây, cài, cởi cúc, buộc dây. - Chắp ghép hình. - Chồng, xếp 6 - 8 khối. - Tập cầm bút tô, vẽ. - Lật mở trang sách.
---------------------------	---	--

b) Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe

Nội dung	18 - 24 tháng tuổi	24 - 36 tháng
1. Cân nặng, chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi.	<ul style="list-style-type: none"> + Cân nặng của trẻ trai : 9,7- 15,3 kg ; Trẻ gái : 9,1- 14,8 kg + Chiều cao của trẻ trai : 81,7- 93,9 cm ; Trẻ gái : 80,0- 92,9 cm 	<ul style="list-style-type: none"> + Cân nặng của trẻ trai : 11,3 - 18, 3 kg ; trẻ gái : 10,8 - 18,1 kg + Chiều cao của trẻ trai : 88,7 – 103,65 cm ; trẻ gái : 88,7 – 102,7 cm.
2. Tập luyện nề nếp, thói quen tốt trong sinh hoạt	<ul style="list-style-type: none"> - Làm quen với chế độ ăn cơm nát và các loại thức ăn khác nhau. 	<ul style="list-style-type: none"> - Làm quen với chế độ ăn cơm và các loại thức ăn khác nhau. - Tập luyện nề nếp thói quen tốt trong ăn uống.
	<ul style="list-style-type: none"> - Làm quen chế độ ngủ 1 giấc. 	<ul style="list-style-type: none"> - Luyện thói quen ngủ 1 giấc trưa.
	<ul style="list-style-type: none"> - Tập một số thói quen vệ sinh tốt: + Rửa tay trước khi ăn, sau khi đi vệ sinh. + “Gọi” cô khi bị ướt, bị bẩn. 	<ul style="list-style-type: none"> - Luyện một số thói quen tốt trong sinh hoạt: ăn chín, uống chín; rửa tay trước khi ăn; lau mặt, lau miệng, uống nước sau khi ăn; vứt rác đúng nơi quy định.
3. Làm quen	<ul style="list-style-type: none"> - Tập tự xúc ăn bằng thìa, uống 	<ul style="list-style-type: none"> - Tập tự phục vụ:

với một số việc tự phục vụ, giữ gìn sức khỏe	nước bằng cốc. - Tập ngồi vào bàn ăn. - Tập thể hiện khi có nhu cầu ăn, ngủ, vệ sinh.	+ Xúc cơm, uống nước. + Mặc quần áo, đi dép, đi vệ sinh, cởi quần áo khi bị bẩn, bị ướt. + Chuẩn bị chỗ ngủ. - Tập nói với người lớn khi có nhu cầu ăn, ngủ, vệ sinh.
	- Tập ra ngồi bô khi có nhu cầu vệ sinh.	- Tập đi vệ sinh đúng nơi quy định.
		- Tập một số thao tác đơn giản trong rửa tay, lau mặt.
4. Nhận biết và tránh một số nguy cơ không an toàn	- Nhận biết một số vật dụng nguy hiểm, những nơi nguy hiểm không được phép sờ vào hoặc đến gần. - Nhận biết một số hành động nguy hiểm và phòng tránh.	- Nhận biết một số vật dụng nguy hiểm, những nơi nguy hiểm không được phép sờ vào hoặc đến gần. - Nhận biết một số hành động nguy hiểm và phòng tránh.

2. Giáo dục phát triển nhận thức

a) Luyện tập và phối hợp các giác quan:

Thị giác, thính giác, xúc giác, khứu giác, vị giác.

b) Nhận biết:

- [17] Một số bộ phận cơ thể của con người.
- [18] Một số đồ dùng, đồ chơi, phương tiện giao thông quen thuộc với trẻ.
- [19] Một số con vật, hoa, quả quen thuộc với trẻ.
- Một số màu cơ bản[20], kích thước[21], hình dạng[22], số lượng[23], vị trí trong không gian[24] so với bản thân trẻ.
- Bản thân và những người gần gũi.

NỘI DUNG GIÁO DỤC THEO ĐỘ TUỔI

Nội dung	18- 24 tháng tuổi	24 - 36 tháng tuổi
1. Luyện tập và phối hợp các giác quan: <i>Thị giác, thính giác, xúc giác, khứu giác,</i>	- Tìm đồ chơi vừa mới cất giấu. - Nghe âm thanh <i>có số lượng và tốc độ (Nhanh, chậm)</i> có và tìm nơi phát	- Tìm đồ vật vừa mới cất giấu. - Nghe và nhận biết âm thanh của một số đồ vật, tiếng kêu của một số con

vị giác	ra âm thanh. - Nhận biết sự đối lập: <i>To- nhỏ, trên-dưới</i>	vật quen thuộc có số lượng và tốc độ (Nhanh, chậm) khác nhau. - Sờ nắn, nhìn, ngửi... đồ vật, hoa, quả để nhận biết đặc điểm nổi bật. - Nhận biết sự đối lập: <i>To-nhỏ, trên-dưới, cao-thấp, dài-ngắn.</i>
	- Sờ nắn, lắc, gõ đồ chơi và nghe âm thanh. - Ngửi mùi của một số hoa, quả quen thuộc, gần gũi - Ném vị của một số quả, thức ăn	- Sờ nắn đồ vật, đồ chơi để nhận biết cứng - mềm, trơn (nhẵn) - xù xì. - Ném vị của một số thức ăn, quả (ngọt - mặn - chua)
2. Nhận biết: - Một số bộ phận của cơ thể con người - Một số đồ dùng, đồ chơi.	- Tên một số bộ phận của cơ thể: mắt, mũi, miệng, tai, tay, chân.	- Tên, chức năng chính một số bộ phận của cơ thể: mắt, mũi, miệng, tai, tay, chân.
	- Tên, đặc điểm nổi bật của đồ dùng, đồ chơi quen thuộc.	- Tên, đặc điểm nổi bật, công dụng và cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi quen thuộc. - Nhận biết sự chìm/nổi của đồ vật - Phân loại đồ dùng, đồ chơi có kích cỡ khác nhau.
- Một số phương tiện giao thông quen thuộc - Một số con vật, hoa, quả quen thuộc	- Tên của phương tiện giao thông gần gũi.	- Tên, đặc điểm nổi bật và công dụng của phương tiện giao thông gần gũi.
	- Tên và một vài đặc điểm nổi bật của con vật, quả quen thuộc.	- Tên và một số đặc điểm nổi bật của con vật, rau, hoa, quả quen thuộc. - Chăm sóc cây trồng, con vật nuôi

<p>- Một số màu cơ bản, kích thước, hình dạng, số lượng, vị trí trong không gian</p>	<p>- Màu đỏ, xanh. - Kích thước to - nhỏ. - Vị trí trong không gian (trên - dưới) - Hình tròn, hình vuông.</p>	<p>- Màu đỏ, vàng, xanh (Màu của các loại quả, đồ dùng, đồ chơi) - Kích thước to - nhỏ (đồ vật xung quanh) - Hình tròn, hình vuông. - Vị trí trong không gian (trên - dưới, trước - sau) so với bản thân trẻ. - Số lượng một - nhiều (của đồ vật xung quanh) - Cho trẻ đếm theo khả năng của trẻ và bắt chước.</p>
<p>- Bản thân, người gần gũi</p>	<p>- Tên của bản thân. - Hình ảnh của bản thân trong gương. - Đồ chơi, đồ dùng của bản thân.</p>	<p>- Tên và một số đặc điểm bên ngoài của bản thân. - Đồ dùng, đồ chơi của bản thân và của nhóm/lớp.</p>
	<p>- Tên của một số người thân gần gũi trong gia đình, nhóm lớp.</p>	<p>- Tên và công việc của những người thân gần gũi trong gia đình. - Tên của cô giáo, các bạn, nhóm/lớp.</p>

3. Giáo dục phát triển ngôn ngữ

a) Nghe:

- Nghe các giọng nói khác nhau.
- Nghe, hiểu các từ và câu chỉ đồ vật, sự vật, hành động quen thuộc và một số loại câu hỏi đơn giản.
- Nghe kể chuyện, đọc thơ, ca dao, đồng dao có nội dung phù hợp với độ tuổi.

b) Nói:

- Phát âm các âm khác nhau.
- Trả lời và đặt một số câu hỏi đơn giản.
- Thể hiện nhu cầu, cảm xúc, hiểu biết của bản thân bằng lời nói.

c) Làm quen với sách:

- Mở sách, xem và gọi tên sự vật, hành động của các nhân vật trong tranh.

NỘI DUNG GIÁO DỤC THEO ĐỘ TUỔI

Nội dung	18 - 24 tháng tuổi	24 - 36 tháng tuổi
1. Nghe	- Nghe lời nói với sắc thái tình cảm khác nhau.	- Nghe lời nói với sắc thái tình cảm khác nhau.
	- Nghe các từ chỉ tên gọi đồ vật, sự vật, hành động quen thuộc.	- Nghe các từ chỉ tên gọi đồ vật, sự vật, hành động quen thuộc.
	- Nghe và thực hiện một số yêu cầu bằng lời nói. - Nghe các câu hỏi: ở đâu?, con gì?,... thế nào? (gà gáy thế nào?), cái gì? làm gì?	- Nghe và thực hiện các yêu cầu bằng lời nói. - Nghe các câu hỏi: cái gì? làm gì? để làm gì? ở đâu? như thế nào?
	- Nghe các bài hát, bài thơ, đồng dao, ca dao, chuyện kể đơn giản theo tranh.	- Nghe các bài thơ, đồng dao, ca dao, hò vè, câu đố, bài hát và truyện ngắn.
2. Nói	- Phát âm các âm khác nhau. - Phát âm các âm khác nhau (Giảm vì bị trùng)	- Phát âm các âm khác nhau. - Phát âm các âm khác nhau. (Giảm vì bị trùng)
	- Gọi tên các đồ vật, con vật, hành động gần gũi.	- Sử dụng các từ chỉ đồ vật, con vật, đặc điểm, hành động quen thuộc trong giao tiếp.
	- Trả lời và đặt câu hỏi: con gì?, cái gì?, làm gì?	- Trả lời và đặt câu hỏi: cái gì?, làm gì?, ở đâu?, thế nào?, để làm gì?, tại sao?...
	- Thể hiện nhu cầu, mong muốn của mình bằng câu đơn giản.	- Thể hiện nh-u cầu, mong muốn và hiểu biết bằng 1 - 2 câu đơn giản và câu dài.
	- Đọc theo, đọc tiếp cùng cô tiếng cuối của câu thơ.	- Đọc các đoạn thơ, bài thơ ngắn có câu 3 - 4 tiếng.
		- Kể lại đoạn truyện được nghe nhiều lần, có gợi ý.
		- Sử dụng các từ thể hiện sự lễ phép khi nói chuyện với người lớn.

3. Làm quen với sách	Mở sách, xem tranh và chỉ vào các nhân vật, sự vật trong tranh.	<ul style="list-style-type: none"> - Lắng nghe khi người lớn đọc sách. - Xem tranh và gọi tên các nhân vật, sự vật, hành động gần gũi trong tranh.
-----------------------------	---	--

4. Giáo dục phát triển tình cảm, kỹ năng xã hội và thẩm mỹ

a) Phát triển tình cảm :

- Ý thức về bản thân.
- Nhận biết và thể hiện một số trạng thái cảm xúc.

b) Phát triển kỹ năng xã hội :

- Mối quan hệ tích cực với con người và sự vật gần gũi.
- Hành vi văn hóa và thực hiện các quy định đơn giản trong giao tiếp, sinh hoạt.

c) Phát triển cảm xúc thẩm mỹ :

- Nghe hát, hát và vận động đơn giản theo nhạc.
- Vẽ, nặn, xé dán, xếp hình, xem tranh[28].

NỘI DUNG GIÁO DỤC THEO ĐỘ TUỔI

Nội dung	18- 24 tháng tuổi	24-36 tháng
1. Phát triển tình cảm <i>Ý thức về bản thân</i>	Nhận biết tên gọi, hình ảnh bản thân.	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết tên gọi, một số đặc điểm bên ngoài bản thân. - Nhận biết một số đồ dùng, đồ chơi yêu thích của mình. - Thực hiện yêu cầu đơn giản của giáo viên.
<i>- Nhận biết và thể hiện một số trạng thái cảm xúc</i>	Biểu lộ cảm xúc khác nhau với những người xung quanh.	- Nhận biết và thể hiện một số trạng thái cảm xúc: vui, buồn, tức giận.
2. Phát triển kỹ năng xã hội <i>- Mối quan hệ tích cực với con người và sự vật gần gũi.</i>	<ul style="list-style-type: none"> - Giao tiếp với cô và bạn. Chơi với bạn, không tranh giành đồ chơi với bạn. - Tập sử dụng đồ dùng, đồ chơi. 	<ul style="list-style-type: none"> - Giao tiếp với những người xung quanh. - Chơi thân thiện với bạn: chơi cạnh bạn, không tranh giành đồ chơi với bạn. - Tập sử dụng đồ dùng, đồ chơi.

	- Quan tâm đến các vật nuôi.	- Quan tâm đến các vật nuôi.
- <i>Hành vi văn hóa giao tiếp đơn giản</i>	- Tập thực hiện một số hành vi giao tiếp, như: chào, tạm biệt, cảm ơn. Nói từ “ạ”, “dạ”.	- Thực hiện một số hành vi văn hóa và giao tiếp: chào tạm biệt, cảm ơn, nói từ “ạ”, “vâng ạ”; chơi cạnh bạn, không cầu bạn. - Thực hiện một số quy định đơn giản trong sinh hoạt ở nhóm, lớp: xếp hàng chờ đến lượt, để đồ chơi vào nơi quy định.
3. Phát triển cảm xúc thẩm mỹ - <i>Nghe hát, hát và vận động đơn giản theo nhạc</i>	- Nghe hát, nghe nhạc, nghe âm thanh của các nhạc cụ. - Hát theo và tập vận động đơn giản theo nhạc.	- Nghe hát, nghe nhạc với các giai điệu khác nhau; nghe âm thanh của các nhạc cụ. - Hát và tập vận động đơn giản theo nhạc.
- <i>Vẽ, nặn, xé dán, xếp hình, xem tranh</i> [29]	- Tập cầm bút vẽ. - Xem tranh.	- Vẽ các đường nét khác nhau, di màu, nặn[30], xé, vò, xếp hình. - Xem tranh.

D. KẾT QUẢ MONG ĐỢI

I. GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN THỂ CHẤT

a) Phát triển vận động

Kết quả mong đợi	18- 24 tháng tuổi	24- 36 tháng tuổi
1. Thực hiện động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp	Bắt chước một số động tác theo cô: giơ cao tay - đưa về phía trước - sang ngang.	Thực hiện được các động tác trong bài tập thể dục: hít thở, tay, lưng/bụng và chân.
2. Thực hiện vận động cơ bản và phát triển tố chất vận động ban đầu	2.1. Giữ được thăng bằng cơ thể khi đi theo đường thẳng (ở trên sàn) hoặc cầm đồ vật nhỏ trên hai tay và đi hết đoạn đường 1,8 - 2m.	2.1. Giữ được thăng bằng trong vận động đi/chạy thay đổi tốc độ nhanh - chậm theo cô hoặc đi trong đường hẹp có bề vật trên tay.
	2.2. Thực hiện phối hợp vận động tay - mắt: biết lăn - bắt	2.2. Thực hiện phối hợp vận động tay - mắt: tung - bắt bóng, lăn bóng với cô ở khoảng cách

	bóng với cô.	1m; ném vào đích xa 1 - 1,2m.
	2.3. Phối hợp tay, chân, cơ thể trong bò, trườn chui qua vòng, qua vật cản.	2.3. Phối hợp tay, chân, cơ thể trong khi bò, trườn để giữ được vật đặt trên lưng.
	2.4. Thể hiện sức mạnh của cơ bắp trong vận động ném, đá bóng: Ném bằng một tay lên phía trước được khoảng 1,2m; đá bóng lăn xa lên trước tối thiểu 1,5m.	2.4. Thể hiện sức mạnh của cơ bắp trong vận động ném, đá bóng: ném xa lên phía trước bằng một tay (tối thiểu 1,5m).
		2.5. Trẻ tập các vận động nhún bật theo sự hướng dẫn, giúp đỡ.
3. Thực hiện vận động cử động của bàn tay, ngón tay	3.1. Nhặt được các vật nhỏ bằng 2 ngón tay.	3.1. Vận động cổ tay, bàn tay, ngón tay - thực hiện “múa khéo”.
	3.2. Tháo lắp, lồng được 3 - 4 hộp tròn, xếp chồng được 2 - 3 khối trụ.	3.2. Phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay và phối hợp tay - mắt trong các hoạt động: nhào đất nặn; vẽ tổ chim; khâu vòng tay, chuỗi đeo cổ.

b) Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe

Kết quả mong đợi	18 - 24 tháng tuổi	24-36 tháng tuổi
1. Có cân nặng chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi.	Trẻ khỏe mạnh, có cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo độ tuổi.	Trẻ khỏe mạnh, có cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo độ tuổi.
2. Có một số nền nếp, thói quen tốt trong sinh hoạt	1.1. Thích nghi với chế độ ăn cơm nát, có thể ăn được các loại thức ăn khác nhau.	1.1. Thích nghi với chế độ ăn cơm, ăn được các loại thức ăn khác nhau.
	1.2. Ngủ 1 giấc buổi trưa.	1.2. Ngủ 1 giấc buổi trưa.
	1.3. Biết “gọi” người lớn khi có nhu cầu đi vệ sinh.	1.3. Đi vệ sinh đúng nơi quy định.
3. Thực hiện	Làm được một số việc với	2.1. Làm được một số việc với

một số việc tự phục vụ, giữ gìn sức khỏe	sự giúp đỡ của người lớn (ngồi vào bàn ăn, cầm thìa xúc ăn, cầm cốc uống nước).	sự giúp đỡ của người lớn (lấy nước uống, đi vệ sinh...).
	2.2. Tập đội mũ, đeo khẩu trang khi ra nắng, đi học...; đi giày dép; mặc quần áo ấm khi trời lạnh....	2.2. Chấp nhận: đội mũ khi ra nắng; đi giày dép; mặc quần áo ấm khi trời lạnh.
4. Nhận biết và tránh một số nguy cơ không an toàn	3.1. Biết tránh vật dụng, nơi nguy hiểm (phích nước nóng, bàn là, bếp đang đun..) khi được nhắc nhở.	3.1. Biết tránh một số vật dụng, nơi nguy hiểm (bếp đang đun, phích nước nóng, xô nước, giếng) khi được nhắc nhở.
	3.2. Biết tránh một số hành động nguy hiểm (sờ vào ổ điện, leo trèo lên bàn, ghế..) khi được nhắc nhở.	3.2. Biết và tránh một số hành động nguy hiểm (leo trèo lên lan can, chơi nghịch các vật sắc nhọn,...) khi được nhắc nhở.

II. GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC

Kết quả mong đợi	18 - 24 tháng tuổi	24 - 36 tháng tuổi
1. Khám phá thế giới xung quanh bằng các giác quan	Sờ nắn, nhìn, nghe, ném, ngửi... để nhận biết đặc điểm nổi bật của đối tượng.	Sờ nắn, nhìn, nghe, ngửi, ném để nhận biết đặc điểm nổi bật của đối tượng.
2. Thể hiện sự hiểu biết về các sự vật, hiện tượng gần gũi[31]	2.1. Bắt chước hành động đơn giản của những người thân.	2.1. Chơi bắt chước một số hành động quen thuộc của những người gần gũi. Sử dụng được một số đồ dùng, đồ chơi quen thuộc.
	2.2. Chỉ hoặc nói được tên của mình, những người gần gũi khi được hỏi.	2.2. Nói được tên của bản thân và những người gần gũi khi được hỏi.
	2.3. Chỉ vào hoặc nói tên một vài bộ phận cơ thể của người khi được hỏi.	2.3. Nói được tên và chức năng của một số bộ phận cơ thể khi được hỏi.
	2.4. Chỉ/lấy/nói tên đồ dùng,	2.4. Nói được tên và một vài

	đồ chơi, phương tiện giao thông, hoa quả, con vật quen thuộc theo yêu cầu của người lớn.	đặc điểm nổi bật của các đồ vật, sự vật, hiện tượng, PTGT, hoa quả, con vật quen thuộc.
	2.5. Chỉ hoặc lấy được đồ chơi có màu đỏ hoặc xanh theo yêu cầu hoặc gợi ý của người lớn.	2.5. Chỉ/nói tên hoặc lấy hoặc cất đúng đồ chơi màu đỏ/vàng/ xanh theo yêu cầu.
	2.6. Chỉ hoặc lấy đồ chơi có kích thước to/nhỏ theo yêu cầu.	2.6. Chỉ hoặc lấy hoặc cất đúng đồ chơi có kích thước to/nhỏ theo yêu cầu.
		2.7. Trẻ có thể chỉ/nói tên hoặc lấy, hoặc cất đồ chơi có hình dạng: Hình tròn, vuông theo yêu cầu
		2.8. Trẻ có thể chỉ/nói tên hoặc lấy, hoặc cất đồ dùng đồ chơi ở vị trí không gian (trên- dưới, trước- sau) so với bản thân trẻ theo yêu cầu.
		2.9. Trẻ có thể chỉ/nói tên hoặc lấy, hoặc cất đồ dùng đồ chơi có số lượng một – nhiều theo yêu cầu.

III. GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ

Kết quả mong đợi	18 – 24 tháng tuổi	24 – 36 tháng tuổi
1. Nghe hiểu lời nói	1.1. Thực hiện được các yêu cầu đơn giản: đi đến đây; đi rửa tay...	1.1. Thực hiện được nhiệm vụ gồm 2 - 3 hành động. Ví dụ: Cháu cất đồ chơi lên giá rồi đi rửa tay.
	1.2. Hiểu được từ “không”: dùng hành động khi nghe “Không được lấy!”;	1.2. Trả lời các câu hỏi: “Ai đây?”, “Cái gì đây?”, “... làm gì?”, “..... thế nào?” (ví

	“Không được sờ”,...	dụ: con gà gáy thế nào?”, ...)
	1.3. Trả lời được câu hỏi đơn giản: “Ai đây?”, “Con gì đây?”, “Cái gì đây?”, ...	1.3. Hiểu nội dung truyện ngắn đơn giản: trả lời được các câu hỏi về tên truyện, tên và hành động của các nhân vật.
2. Nghe, nhắc lại các âm, các tiếng và các câu	2.1. Nhắc lại được từ ngữ và câu ngắn: con vịt, vịt bơi, bé đi chơi, ...	2.1. Phát âm rõ tiếng.
	2.2. Đọc tiếp tiếng cuối của câu thơ khi nghe các bài thơ quen thuộc.	2.2. Đọc được bài thơ, ca dao, đồng dao với sự giúp đỡ của cô giáo.
3. Sử dụng ngôn ngữ để giao tiếp	3.1. Nói được câu đơn 2 - 3 tiếng: con đi chơi; bóng đá; mẹ đi làm; ...	3.1. Nói được câu đơn, câu có 5 - 7 tiếng, có các từ thông dụng chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm quen thuộc.
	3.2. Chủ động nói nhu cầu, mong muốn của bản thân (cháu uống nước, cháu muốn...).	3.2. Sử dụng lời nói với các mục đích khác nhau: - Chào hỏi, trò chuyện. - Bày tỏ nhu cầu của bản thân. - Hỏi về các vấn đề quan tâm như: con gì đây? cái gì đây?, ...
	3.3. Nói to, đủ nghe, lễ phép	3.3. Nói to, đủ nghe, lễ phép.
4. Thực hiện được lật, mở và chỉ đối tượng trong tranh	4.1. Mở sách, xem tranh, xem ảnh chỉ vào và nói được tên nhân vật, sự vật trong tranh, ảnh theo khả năng	4.1. Trẻ hình thành các kỹ năng ban đầu với việc làm quen với sách (mở sách, lật trang sách,....
	4.2. Thích nghe người lớn đọc sách	4.2. Thích nghe người lớn đọc sách, biết các nhân vật, sự vật gắn gũi trong sách theo khả năng

IV. GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN TÌNH CẢM, KỸ NĂNG XÃ HỘI VÀ THẨM MỸ

Kết quả mong đợi	18 – 24 tháng tuổi	24 – 36 tháng tuổi
1. Biểu lộ sự nhận thức về bản thân	Nhận ra bản thân trong gương, trong ảnh (chỉ vào hình ảnh của mình trong gương khi được hỏi).	1.1. Nói được một vài thông tin về mình (tên, tuổi).
		1.2 Thể hiện điều mình thích và không thích.
2. Nhận biết và biểu lộ cảm xúc với con người và sự vật gần gũi	2.1. Biểu lộ sự thích giao tiếp bằng cử chỉ, lời nói với những người gần gũi.	2.1. Biểu lộ sự thích giao tiếp với người khác bằng cử chỉ, lời nói.
	2.2. Cảm nhận và biểu lộ cảm xúc vui, buồn, sợ hãi của mình với người xung quanh.	2.2. Nhận biết được trạng thái cảm xúc vui, buồn, sợ hãi.
	2.3. Thích chơi với đồ chơi, có đồ chơi yêu thích và quan sát một số con vật.	2.3. Biểu lộ cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi qua nét mặt, cử chỉ.
		2.4. Biểu lộ sự thân thiện với một số con vật quen thuộc/gần gũi: bắt chước tiếng kêu, gọi.
3. Thực hiện hành vi xã hội đơn giản	3.1. Chào tạm biệt khi được nhắc nhở. Nói từ “ạ”, “dạ”.	3.1. Biết chào, tạm biệt, cảm ơn, ạ, vâng ạ.
	3.2. Bắt chước được một vài hành vi xã hội (bế búp bê, cho búp bê ăn, nghe điện thoại...).	3.2. Biết thể hiện một số hành vi xã hội đơn giản qua trò chơi giả bộ (trò chơi bế em, khuấy bột cho em bé, nghe điện thoại...).
	3.3. Làm theo một số yêu cầu đơn giản của người lớn.	3.3. Thực hiện một số yêu cầu của người lớn.
		3.4. Chơi thân thiện cạnh trẻ

		khác.
4. Thể hiện cảm xúc qua hát, vận động theo nhạc/tô màu, vẽ, nặn, xếp hình, xem tranh	4.1. Thích nghe hát và vận động theo nhạc (dậm chân, lắc lư, vỗ tay...).	4.1. Biết hát và vận động đơn giản theo một vài bài hát/bản nhạc quen thuộc.
	4.2. Thích vẽ, xem tranh.	4.2. Thích tô màu, vẽ, nặn, xé, xếp hình, xem tranh (cầm bút di màu, vẽ nguệch ngoạc).

E. CÁC HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC, HÌNH THỨC TỔ CHỨC VÀ PHƯƠNG PHÁP GIÁO DỤC

I. CÁC HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

1. Hoạt động giao lưu cảm xúc

Hoạt động này đáp ứng nhu cầu gắn bó của trẻ với người thân, tạo cảm xúc hơn hờ, luyện tập và phát triển các giác quan, hình thành mối quan hệ ban đầu với những người gần gũi. Đây là hoạt động chủ đạo của trẻ dưới 12 tháng tuổi.

2. Hoạt động với đồ vật

Hoạt động này đáp ứng nhu cầu của trẻ về tìm hiểu thế giới đồ vật xung quanh, nhận biết công dụng và cách sử dụng một số đồ dùng, đồ chơi, phát triển lời nói, phát triển các giác quan,... Đây là hoạt động chủ đạo của trẻ từ 12 đến 36 tháng tuổi.

3. Hoạt động chơi

Hoạt động này đáp ứng nhu cầu của trẻ về vận động và khám phá thế giới xung quanh, hình thành mối quan hệ với những người gần gũi. Ở độ tuổi này, trẻ có thể chơi thao tác vai (chơi phản ánh sinh hoạt), trò chơi có yếu tố vận động, trò chơi dân gian.

4. Hoạt động chơi - tập có chủ định

Đây là hoạt động kết hợp yếu tố chơi với luyện tập có kế hoạch dưới sự hướng dẫn trực tiếp của giáo viên. Hoạt động này được tổ chức nhằm phát triển thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, tình cảm, kỹ năng xã hội và những yếu tố ban đầu về thẩm mỹ.

5. Hoạt động ăn, ngủ, vệ sinh cá nhân

Đây là hoạt động nhằm đáp ứng nhu cầu sinh lý của trẻ, đồng thời tập cho trẻ một số nền nếp, thói quen tốt trong sinh hoạt hằng ngày và tạo cho trẻ trạng thái sáng khoái, vui vẻ.

II. HÌNH THỨC TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

1. Theo mục đích và nội dung giáo dục, có các hình thức

- Tổ chức hoạt động có chủ định của giáo viên và theo ý thích của trẻ.

- Tổ chức lễ, hội: Tổ chức kỷ niệm các ngày lễ hội, các sự kiện quan trọng trong năm liên quan đến trẻ có ý nghĩa giáo dục và mang lại niềm vui cho trẻ (Tết Trung thu, Ngày hội đến trường, lễ hội haloween, ngày hội đọc sách, ngày PNVN 20/10, ngày nhà giáo VN, ngày thành lập QĐNDVN 22/12, Tết cổ truyền, sinh nhật của trẻ, Ngày hội của các bà, các mẹ, các cô, các bạn gái (8.3), Lễ ra trường, Tết thiếu nhi (ngày 01/6), Lễ hội nước...

2. Theo vị trí không gian, có các hình thức

- Tổ chức hoạt động trong phòng nhóm.
- Tổ chức hoạt động ngoài trời.
- Tổ chức hoạt động vườn trường.

3. Theo số lượng trẻ, có các hình thức

- Tổ chức hoạt động cá nhân.
- Tổ chức hoạt động theo nhóm nhỏ.
- Tổ chức hoạt động theo nhóm lớn.

Đối với trẻ lứa tuổi nhà trẻ nên chú trọng sử dụng hình thức tổ chức hoạt động cá nhân và theo nhóm nhỏ.

III. PHƯƠNG PHÁP GIÁO DỤC

1. Nhóm phương pháp tác động bằng tình cảm

Dùng cử chỉ vỗ về, vuốt ve gần gũi cùng với những điệu bộ, nét mặt, lời nói âu yếm để tạo cho trẻ những cảm xúc an toàn, tin cậy, thỏa mãn nhu cầu giao tiếp, gắn bó, tiếp xúc với người thân và môi trường xung quanh.

2. Nhóm phương pháp trực quan - minh họa

Dùng phương tiện trực quan (vật thật, đồ chơi, tranh ảnh, phim ảnh), hành động mẫu (lời nói và cử chỉ) cho trẻ quan sát, rèn luyện sự nhạy cảm của các giác quan, thỏa mãn nhu cầu tiếp nhận các thông tin từ thế giới bên ngoài. Phương tiện trực quan và hành động mẫu cần sử dụng đúng lúc và kết hợp với lời nói với các minh họa phù hợp.

3. Nhóm phương pháp thực hành

a) Hành động, thao tác với đồ vật, đồ chơi:

Tổ chức cho trẻ thao tác trực tiếp với đồ chơi, đồ vật dưới sự hướng dẫn của giáo viên (sờ mó, cầm nắm, lắc, mở đóng, xếp cạnh nhau, xếp chồng lên nhau) để tiếp nhận thông tin, nhận thức và hình thành các hành vi, kỹ năng.

b) Trò chơi:

Sử dụng các yếu tố chơi, các trò chơi đơn giản thích hợp để kích thích trẻ hoạt động, mở rộng hiểu biết về môi trường xung quanh và phát triển lời nói và vận động phù hợp.

c) Luyện tập:

Tổ chức cho trẻ thực hiện lặp đi lặp lại các câu nói, động tác, hành vi, cử chỉ, điều bộ phù hợp với yêu cầu nội dung giáo dục và hứng thú của trẻ. Lời nói của cô cần hướng đến giúp trẻ dễ dàng thực hiện các hành động, động tác luyện tập.

4. Nhóm phương pháp dùng lời nói (trò chuyện, kể chuyện, giải thích)

Sử dụng lời nói, lời kể diễn cảm, câu hỏi gợi mở phối hợp cùng với các cử chỉ, điều bộ phù hợp nhằm khuyến khích trẻ tiếp xúc với đồ vật và giao tiếp với người xung quanh; bộc lộ ý muốn, chia sẻ những cảm xúc với người khác bằng lời nói và hành động cụ thể. Lời nói và câu hỏi của người lớn cần ngắn gọn, rõ ràng, dễ hiểu phù hợp với kinh nghiệm của trẻ.

Đối với trẻ ở lứa tuổi nhà trẻ dùng tiếng mẹ đẻ khi giao tiếp là chủ yếu.

5. Nhóm phương pháp đánh giá, nêu gương

Ở lứa tuổi nhỏ, người lớn khen, nêu gương, tỏ thái độ đồng tình, khích lệ những việc làm, hành vi, lời nói tốt của trẻ là chủ yếu. Có thể tỏ thái độ không đồng tình, nhắc nhở khi cần thiết nhưng cần nhẹ nhàng, khéo léo.

Giáo viên phối hợp các phương pháp tạo ra sức mạnh tổng hợp tác động đến các mặt phát triển của trẻ, khuyến khích trẻ sử dụng các giác quan (nghe, nhìn, sờ...), sử dụng lời nói và tích cực hoạt động để phát triển; tăng cường giao tiếp, hướng dẫn cá nhân bằng lời nói, cử chỉ và hành động; chú trọng sử dụng phương pháp tác động bằng tình cảm và thực hành. Giáo viên luôn là tấm gương cho trẻ noi theo.

6. Khuyến khích giáo viên linh hoạt, áp dụng các mô hình học tập, phương pháp giáo dục mới như phương pháp Steam, Montessori tổ chức hoạt động cho trẻ có hiệu quả.

IV. TỔ CHỨC MÔI TRƯỜNG CHO TRẺ HOẠT ĐỘNG

1. Môi trường vật chất

a) Môi trường cho trẻ hoạt động trong phòng nhóm/lớp:

- Trang trí tạo môi trường: Lớp học hạnh phúc, lớp học có các đồ dùng, đồ chơi đa dạng có màu sắc sặc sỡ, hình dạng phong phú, hấp dẫn, phát ra tiếng kêu và có thể di chuyển được.

- Sắp xếp, bố trí đồ vật an toàn, hợp lý, đảm bảo thẩm mỹ và đáp ứng mục đích giáo dục.

- Có khu vực để bố trí chỗ ăn, chỗ ngủ cho trẻ đảm bảo yêu cầu quy định.

- Các khu vực hoạt động bố trí phù hợp, linh hoạt có tính mở[32], tạo điều kiện dễ dàng cho trẻ tự lựa chọn và sử dụng đồ vật, đồ chơi, tham gia vào hoạt động[33], đồng thời thuận lợi cho sự quan sát của giáo viên.

+ Trẻ 18 - 24 tháng tuổi có thêm khu vực cho trẻ hoạt động với đồ vật, với sách tranh, bút sáp, giấy, các vật dụng và thiết bị, đồ chơi vận động đơn giản. có khu vực tắm nắng cho trẻ.

+ Trẻ 24 - 36 tháng tuổi có thêm khu vực chơi thao tác vai, chơi với đất nặn, bút vẽ.

b) Môi trường cho trẻ hoạt động ngoài trời:

- Sân chơi, thiết bị đồ chơi ngoài trời được trang bị phù hợp với độ tuổi nhà trẻ và sắp xếp ở khu vực gần phòng nhóm/lớp.

- Có vườn cây, bồn hoa, cây cảnh, khu vực nuôi các con vật.

- Cải tạo khu phát triển vận động tinh, khu sáng tạo với màu sắc.

2. Môi trường xã hội

Môi trường chăm sóc, giáo dục trong trường mầm non cần phải đảm bảo an toàn về mặt tâm lý, tạo thuận lợi giáo dục các kỹ năng xã hội cho trẻ. Hành vi, cử chỉ, lời nói, thái độ của giáo viên đối với trẻ và những người khác luôn mẫu mực để trẻ noi theo.

G. ĐÁNH GIÁ SỰ PHÁT TRIỂN CỦA TRẺ [34]

Đánh giá sự phát triển của trẻ là quá trình thu thập thông tin về trẻ một cách có hệ thống và phân tích, đối chiếu với mục tiêu của Chương trình Giáo dục mầm non, nhận định về sự phát triển của trẻ nhằm điều chỉnh kế hoạch chăm sóc, giáo dục trẻ một cách phù hợp.

I. ĐÁNH GIÁ TRẺ HÀNG NGÀY

1. Mục đích đánh giá

Đánh giá nhằm kịp thời điều chỉnh kế hoạch hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ hàng ngày.

2. Nội dung đánh giá

- Tình trạng sức khỏe của trẻ.
- Trạng thái cảm xúc, thái độ và hành vi của trẻ.
- Kiến thức, kỹ năng của trẻ.

3. Phương pháp đánh giá

Sử dụng một hay kết hợp nhiều phương pháp sau đây để đánh giá trẻ:

- Quan sát.
- Trò chuyện, giao tiếp với trẻ.
- Phân tích sản phẩm hoạt động của trẻ.
- Trao đổi với cha, mẹ/người chăm sóc trẻ.

Hàng ngày, giáo viên theo dõi và ghi chép lại những thay đổi rõ rệt của trẻ và những điều cần lưu ý để kịp thời điều chỉnh kế hoạch chăm sóc, giáo dục.

II - ĐÁNH GIÁ TRẺ THEO GIAI ĐOẠN

1. Mục đích đánh giá

Xác định mức độ đạt được của trẻ ở các lĩnh vực phát triển theo từng giai đoạn, trên cơ sở đó điều chỉnh kế hoạch chăm sóc, giáo dục cho giai đoạn tiếp theo.

2. Nội dung đánh giá

Đánh giá mức độ phát triển của trẻ theo giai đoạn về thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, tình cảm, kỹ năng xã hội và thẩm mỹ.

3. Phương pháp đánh giá

Sử dụng một hay kết hợp nhiều phương pháp sau đây để đánh giá trẻ:

- Quan sát.
- Trò chuyện, giao tiếp với trẻ.
- Phân tích sản phẩm hoạt động của trẻ.
- Sử dụng bài tập tình huống.
- Trao đổi với cha, mẹ/người chăm sóc trẻ

Kết quả đánh giá được giáo viên lưu giữ trong hồ sơ cá nhân trẻ.

4. Thời điểm và căn cứ đánh giá

- Đánh giá cuối độ tuổi (6, 12, 18, 24, 36 tháng) dựa vào kết quả mong đợi.
- Đánh giá mức độ phát triển thể chất của trẻ cần sử dụng thêm chỉ số về cân nặng, chiều cao cuối độ tuổi.

DỰ KIẾN CÁC CHỦ ĐỀ THỰC HIỆN NHÓM 12 - 18 THÁNG

Chủ đề/tháng	Tuần	Thời gian thực hiện	Chủ đề nhánh	Ghi chú
Tháng thứ 1 Bé vui đến trường	1	05/9 - 9/9/23	Lớp học của bé	- Bé vui đến trường - Vui hội trăng rằm
	2	11/9 - 16/9/23		
	3	18/9 - 23/9/23		
	4	25/9 - 30/9/23		
Tháng thứ 2 Các cô chú trong trường mầm non	5	02/10 - 07/10/23	Cô giáo và các bạn	Ngày phụ nữ VN
	6	9/10- 14/10/23		
	7	16/10 -21/10/23		
	8	23/10 - 28/10/23		
Tháng thứ 3 Bé là ai?	9	30/10 - 04/11/23	Bé thật xinh	Ngày NGVN
	10	06/11 - 11/11/23		
	11	13/11 - 18/11/23		
	12	20/11 - 25/11/23		
Tháng thứ 4 Gia đình của	13	27/11 - 02/12/23	Ba mẹ của bé	Ngày QĐNDVN
	14	04/12- 09/12/22		

bé	15	11/12 - 16/12/23		
	16	18/12 - 23/12/23		
Tháng thứ 5 Bé thích quả nào?	17	25/12 - 30/12/23	Quả cam nho nhỏ	
	18	01/01 - 06/01/24		
	19	08/01 - 13/01/24	Sơ kết học kỳ 1	
	20	15/01 - 20/01/24	Quả cam nho nhỏ	
Tháng thứ 6 Những con vật đáng yêu	22	29/01 - 03/02/24	Những con vật trong gia đình	Nghỉ tết nguyên đán
	23	05/02 - 10/02/24	Ôn tập	
	24	12/02 - 17/02/24	Nghỉ tết nguyên đán	
	25	19/02 - 24/02/24		
Tháng thứ 7 Bé yêu bầu trời	26	26/02 - 02/03/24	Những tia nắng vui nhộn	Ngày hội bà, mẹ và cô giáo
	27	04/03 - 09/03/24		
	28	11/03 - 16/03/24		
	29	18/03 - 23/03/24		
Tháng thứ 1 Bé vui đến trường	30	25/03 - 30/03/24	Lớp học của bé	Giải phóng thành phố Đà Nẵng
	31	01/04 - 06/04/24		
	32	08/04 - 13/04/24		
	33	15/04 - 20/04/24		
Tháng thứ 2 Lớp học của bé	34	22/04 - 27/04/24	Lớp bé có nhiều đồ chơi	Sinh nhật Bác Hồ
	35	29/04 - 04/05/24		
	36	06/05 - 11/05/24		
	37	13/05 - 18/05/24		
Tổng kết năm học	38	20/05 - 25/05/24 27/5 - 31/5/24	Phát thưởng, tổng kết năm học	

**DỰ KIẾN CÁC CHỦ ĐỀ THỰC HIỆN
ĐỘ TUỔI: 24-36 THÁNG**

Chủ đề	Chủ đề nhánh	Tuần	Thời gian thực hiện	Ghi chú
HỌC KỲ I				
	Ổn định nề nếp	1	28/8-31/8	
CÁC BÁC CÁC CÔ TRONG NHÀ TRẺ (4 tuần)	- Ngày hội đến trường	2	04/9 - 10/9	
	- Cô giáo của bé	3	11/9 - 16/9	
	- Bé yêu cô cấp	4	18/9 - 23/9	

	duỡng			
	- Công việc của cô giáo (lễ hội trung thu)	5	25/9 – 30/9	Trung thu
MẸ VÀ NHỮNG NGƯỜI THÂN YÊU CỦA BÉ (3 tuần)	- Mẹ yêu	6	2/10 - 07/10	
	- Gia đình của bé	7	09/10 - 14/10	
	- Đồ dùng trong gia đình bé (Ngày hội của bà, của mẹ)	8	16/10 - 21/10	PNVN 20/10
BẢN THÂN (4 tuần)	- Các bạn của bé	9	23/10 - 28/10	
	- Bé và các bạn cùng chơi	10	30/10 - 04/11	
	- Bé biết nhiều thứ	11	06/11 - 11/11	
	- Các bộ phận trên cơ thể bé	12	13/11 - 18/11	
PHƯƠNG TIỆN GIAO THÔNG (3 tuần)	-Bé yêu xe đạp – xe máy	13	20/11 - 25/11	NGVN 20/11
	- Tàu ,thuyền bé thích	14	27/11 - 02/12	
	- Bé thích đi máy bay	15	04/12 - 09/12	
ĐỒ CHƠI CỦA BÉ (4 tuần)	-Đồ chơi quen thuộc của bé	16	11/12 - 16/12	
	- Đồ chơi bé yêu thích	17	18/12 - 23/12	QĐND VN 22/12

	- Đồ chơi lắp ráp xây dựng	18	25/12 – 30/12	
	- Đồ chơi chuyên động	19	01/01-06/1/23	
	Ôn tập-Sơ kết HK I	20	8/01-13/01	
HỌC KỲ II				
MÙA XUÂN ĐẾN RỜI (3 TUẦN)	- Ngày tết quê em	21	15/01-20/01	
	- Bé vui hội xuân	22	22/01-27/01	
	- Bánh kẹo, hoa quả ngày tết	23	29/01-03/02	
		24	05/02-10/02	Nghỉ tết Nguyên Đán
		25	12/02-17/02	
NHỮNG CON VẬT ĐÁNG YÊU (4 tuần)	- Bé yêu gà, vịt	26	19/02-24/02	
	- Chó con, mèo con đáng yêu	27	26/02-03/03	
	- Bé yêu tôm,cá, cua	28	05/03-10/03	QTPN 8/3
	- Những con vật trong rừng	29	12/03-17/03	
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG CỦA EM (3 tuần)	Thành phố của em tên gì?	30	19/03-24/03	
	Thành phố em có những cây cầu nổi tiếng	31	26/03-30/03	Giải phóng TP ĐN
	Công viên 29-3	32	02/04-07/04	
MÙA HÈ CỦA BÉ (3 Tuần)	-Thời tiết mùa hè	33	09/04-14/04	
	- Quần áo trang phục mùa hè	34	16/04-21/04	

	- Bé được làm gì trong mùa hè	35	23/04-28/04	
BÉ LÊN MẪU GIÁO (3 Tuần)	- Bé yêu lớp	36	30/04-05/05	
	- Bé lên 3 tuổi	37	07/05-12/05	
	- Hoạt động của bé trong lớp	38	14/05-19/05	Sinh nhật Bác
TỔNG KẾT – PHÁT THƯỞNG		39	21/05-26/05	TỔNG KẾT

Phần ba

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC MẪU GIÁO

A. MỤC TIÊU

Chương trình giáo dục mẫu giáo nhằm giúp trẻ em từ 3 đến 6 tuổi phát triển hài hòa về các mặt thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, tình cảm, kỹ năng xã hội và thẩm mỹ; trẻ mạnh dạn, tự tin, hạnh phúc, biết phối hợp và chia sẻ.

I. PHÁT TRIỂN THỂ CHẤT

- Khỏe mạnh, cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi.
- Có một số tố chất vận động: nhanh nhẹn, mạnh mẽ, khéo léo và bền bỉ[35].
- Thực hiện được các vận động cơ bản một cách vững vàng, đúng tư thế.
- Có khả năng phối hợp các giác quan và vận động; vận động nhịp nhàng, biết định hướng trong không gian.
- Có kỹ năng trong một số hoạt động cần sự khéo léo của đôi tay.
- Có một số hiểu biết về thực phẩm và ích lợi của việc ăn uống đối với sức khỏe.
- Có một số thói quen, kỹ năng tốt trong ăn uống, giữ gìn sức khỏe và đảm bảo sự an toàn của bản thân.

II. PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC

- Ham hiểu biết, thích khám phá, tìm tòi các sự vật, hiện tượng xung quanh.
- Có khả năng quan sát, so sánh, phân loại, phán đoán, chú ý, ghi nhớ có chủ định.
- Có khả năng phát hiện và giải quyết vấn đề đơn giản theo những cách khác nhau.

- Có khả năng diễn đạt sự hiểu biết bằng các cách khác nhau (bằng hành động, hình ảnh, lời nói...) với ngôn ngữ nói là chủ yếu.
- Có một số hiểu biết ban đầu về con người, sự vật, hiện tượng xung quanh và một số khái niệm sơ đẳng về toán.

III. PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ

- Có khả năng lắng nghe, hiểu lời nói trong giao tiếp hằng ngày.
- Có khả năng biểu đạt bằng nhiều cách khác nhau (lời nói, nét mặt, cử chỉ, điệu bộ...).
- Diễn đạt rõ ràng và giao tiếp có văn hóa trong cuộc sống hàng ngày.
- Có khả năng nghe và kể lại sự việc, kể lại truyện.
- Có khả năng cảm nhận vần điệu, nhịp điệu của bài thơ, ca dao, đồng dao phù hợp với độ tuổi.
- Có một số kỹ năng ban đầu về việc đọc và viết.
- Trẻ thể hiện sự tự tin, mạnh dạn khi sử dụng ngôn ngữ để thể hiện hiểu biết, tình cảm, ý kiến bản thân.

IV. PHÁT TRIỂN TÌNH CẢM VÀ KỸ NĂNG XÃ HỘI

- Có ý thức về bản thân.
- Có khả năng nhận biết và thể hiện tình cảm với con người, sự vật, hiện tượng xung quanh.
- Có một số phẩm chất cá nhân: mạnh dạn, tự tin, tự lực.
- Có một số kỹ năng sống: tôn trọng, hợp tác, thân thiện, quan tâm, chia sẻ.
- Thực hiện một số quy tắc, quy định trong sinh hoạt ở gia đình, trường lớp mầm non, cộng đồng gần gũi.
- Trẻ thể hiện sự tự tin, mạnh dạn khi sử dụng ngôn ngữ để thể hiện hiểu biết, tình cảm, ý kiến bản thân.

V. PHÁT TRIỂN THẨM MỸ

- Có khả năng cảm nhận vẻ đẹp trong thiên nhiên, cuộc sống và trong tác phẩm nghệ thuật.
- Có khả năng thể hiện cảm xúc, sáng tạo trong các hoạt động âm nhạc, tạo hình.
- Yêu thích, hào hứng tham gia vào các hoạt động nghệ thuật; có ý thức giữ gìn và bảo vệ cái đẹp[36].

B. KẾ HOẠCH THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

I. PHÂN PHỐI THỜI GIAN[37]

Chương trình thiết kế cho 35 tuần, mỗi tuần làm việc 5 ngày, áp dụng trong các cơ sở giáo dục mầm non. Kế hoạch chăm sóc, giáo dục hằng ngày thực hiện

theo chế độ sinh hoạt cho từng độ tuổi phù hợp với sự phát triển của trẻ và điều kiện của cơ sở giáo dục mầm non.

Thời điểm nghỉ hè, lễ tết, nghỉ học kỳ theo quy định chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

II. CHẾ ĐỘ SINH HOẠT

Chế độ sinh hoạt là sự phân bổ thời gian và các hoạt động trong ngày ở cơ sở giáo dục mầm non một cách hợp lý nhằm đáp ứng nhu cầu về tâm lý và sinh lý của trẻ, qua đó giúp trẻ hình thành thái độ, nề nếp, thói quen và những kỹ năng sống tích cực.

CHẾ ĐỘ SINH HOẠT CHO TRẺ MẪU GIÁO

Thời gian	Hoạt động
80 - 90 phút	Đón trẻ, chơi, thể dục sáng
30 - 40 phút	Học
40 - 50 phút	Chơi, hoạt động ở các góc
30 - 40 phút	Chơi ngoài trời
60 - 70 phút	Ăn bữa chính
140 - 150 phút[38]	Ngủ
20 - 30 phút	Ăn bữa phụ
70 - 80 phút	Chơi, hoạt động theo ý thích
60 -70 phút	Trẻ chuẩn bị ra về và trả trẻ

C. NỘI DUNG

I. NUÔI DƯỠNG VÀ CHĂM SÓC SỨC KHỎE

1. [39] Tổ chức ăn

- Xây dựng chế độ ăn, khẩu phần ăn phù hợp với độ tuổi:

+ Nhu cầu khuyến nghị năng lượng của 1 trẻ trong một ngày là: 1230 - 1320 Kcal.

+ Nhu cầu khuyến nghị năng lượng tại trường của 1 trẻ trong một ngày chiếm 50 - 55% nhu cầu cả ngày: 615 - 726 Kcal.

- Số bữa ăn tại cơ sở giáo dục mầm non: Một bữa chính và một bữa phụ.

+ Năng lượng phân phối cho các bữa ăn: Bữa chính buổi trưa cung cấp từ 30% đến 35% năng lượng cả ngày. Bữa phụ cung cấp từ 15% đến 25% năng lượng cả ngày.

+ Tỷ lệ các chất cung cấp năng lượng theo cơ cấu:

Chất đạm (Protit) cung cấp khoảng 13% - 20% năng lượng khẩu phần.

Chất béo (Lipit) cung cấp khoảng 25% - 35% năng lượng khẩu phần.

Chất bột (Gluxit) cung cấp khoảng 52% - 60% năng lượng khẩu phần.

- Nước uống: khoảng 1,6 - 2,0 lít/trẻ/ngày (kể cả nước trong thức ăn).

- Xây dựng thực đơn hàng ngày, theo tuần, theo mùa.

2. Tổ chức ngủ

Tổ chức cho trẻ ngủ một giấc buổi trưa (khoảng 150 phút).

3. Vệ sinh

- Vệ sinh cá nhân.

- Vệ sinh môi trường: Vệ sinh phòng nhóm, đồ dùng, đồ chơi. Giữ sạch nguồn nước và xử lý rác, nước thải.

4. Chăm sóc sức khỏe và an toàn

- Khám sức khỏe định kỳ. Theo dõi, đánh giá sự phát triển của cân nặng và chiều cao theo lứa tuổi. Phòng chống suy dinh dưỡng, béo phì.

- Phòng tránh các bệnh thường gặp. Theo dõi tiêm chủng.

- Bảo vệ an toàn và phòng tránh một số tai nạn thường gặp.

II. GIÁO DỤC

1. Giáo dục phát triển thể chất

Nội dung giáo dục phát triển thể chất bao gồm: phát triển vận động và giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe.

a) Phát triển vận động:

- [40] Động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp.

- [41] Các kỹ năng vận động cơ bản và phát triển các tố chất trong vận động.

- [42] Các cử động bàn tay, ngón tay và sử dụng một số đồ dùng, dụng cụ.

b) Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe:

- Nhận biết một số món ăn, thực phẩm thông thường và ích lợi của chúng đối với sức khỏe.

- Tập làm một số việc tự phục vụ trong sinh hoạt.

- Giữ gìn sức khỏe và an toàn.

NỘI DUNG GIÁO DỤC THEO ĐỘ TUỔI

a) Phát triển vận động

Nội dung	3 - 4 tuổi	4 - 5 tuổi	5 - 6 tuổi
1. [43] Động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp	- Hô hấp: Hít vào, thở ra.		
	- Tay: + Đưa 2 tay lên cao, ra phía trước, sang 2 bên. + Co và duỗi tay, bắt chéo 2 tay trước ngực. + Hai tay đưa dang ngang, đưa lên cao + Hai cánh tay xoay tròn trước ngực, đưa lên cao. + Hai tay đánh chéo nhau về phía trước và sau + Từng tay đưa lên cao, hai tay dang ngang	- Tay: + Đưa 2 tay lên cao, ra phía trước, sang 2 bên (kết hợp với vẫy bàn tay, nắm, mở bàn tay). + Co và duỗi tay, vỗ 2 tay vào nhau (phía trước, phía sau, trên đầu).	- Tay: + Đưa 2 tay lên cao, ra phía trước, sang 2 bên (kết hợp với vẫy bàn tay, quay cổ tay, kiễng chân). + Co và duỗi từng tay, kết hợp kiễng chân. Hai tay đánh xoay tròn trước ngực, đưa lên cao.
	- Lưng, bụng, lườn: + Cúi về phía trước, ngả người ra sau. + Quay sang trái, sang phải. + Nghiêng người sang trái, sang phải. + Đứng nghiêng người sang bên, kết hợp tay đưa cao hoặc đặt sau gáy	- Lưng, bụng, lườn: + Cúi về phía trước, ngả người ra sau. + Quay sang trái, sang phải. + Nghiêng người sang trái, sang phải.	- Lưng, bụng, lườn: + Ngửa người ra sau kết hợp tay giơ lên cao, chân bước sang phải, sang trái. + Quay sang trái, sang phải kết hợp tay chống hông hoặc hai tay dang ngang, chân bước sang phải, sang trái. + Nghiêng người sang hai bên, kết hợp tay chống hông, chân bước sang phải, sang trái.

	<ul style="list-style-type: none"> - Chân: + Co duỗi chân. + Bước lên phía trước, bước sang ngang; ngồi xổm; đứng lên; + Bật tại chỗ + Đứng khụy gối. +Bật chân - tách chân tại chỗ + Bật lên trước, lùi lại, sang bên 	<ul style="list-style-type: none"> - Chân: + Nhún chân. + Ngồi xổm, đứng lên, bật tại chỗ. + Đứng, lần lượt từng chân co cao đầu gối. 	<ul style="list-style-type: none"> - Chân: + Đưa ra phía trước, đưa sang ngang, đưa về phía sau. + Nhảy lên, đưa 2 chân sang ngang; nhảy lên đưa một chân về phía trước, một chân về sau.
<p>2. [44] Các kỹ năng vận động cơ bản và phát triển các tố chất trong vận động</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Đi và chạy: + Đi kiễng gót. + Đi, chạy thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh. + Đi, chạy thay đổi hướng theo đường đích dắc. + Đi trong đường hẹp. + Chạy đổi hướng theo theo đường đích dắc 	<ul style="list-style-type: none"> - Đi và chạy: + Đi bằng gót chân, đi khụy gối, đi lùi. + Đi trên ghế thể dục, đi trên vạch kẻ thẳng trên sàn. + Đi, chạy thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh, đích dắc (đổi hướng) theo vật chuẩn. + Đi trên ghế thể dục đầu đội túi cát + Đi trên ván kê dốc + Đi nổi bàn chân tiến + Chạy 15m trong khoảng 10 giây. + Chạy chậm 60 - 80m. 	<ul style="list-style-type: none"> - Đi và chạy: + Đi bằng mép ngoài bàn chân, đi khụy gối. + Đi trên dây (dây đặt trên sàn), đi trên ván kê dốc. + Đi nổi bàn chân tiến, lùi. + Đi, chạy thay đổi tốc độ, hướng, đích dắc theo hiệu lệnh. + Chạy 18m trong khoảng 10 giây. + Chạy chậm khoảng 100 - 120m.
	<ul style="list-style-type: none"> - Bò, trườn, trèo: + Bò, trườn theo hướng thẳng, đích dắc. 	<ul style="list-style-type: none"> - Bò, trườn, trèo: + Bò bằng bàn tay và bàn chân 3 - 4m. + Bò đích dắc qua 5 	<ul style="list-style-type: none"> - Bò, trườn, trèo: + Bò trong đường hẹp + Bò bằng bàn tay và bàn chân 4m -

	<ul style="list-style-type: none"> + Bò chui qua cổng. + Trườn về phía trước. + Bước lên, xuống bực cao (cao 30cm). 	<p>điểm.</p> <ul style="list-style-type: none"> + Bò chui qua cổng, ống dài 1,2m x 0,6m. + Trườn theo hướng thẳng. + Trèo qua ghế dài 1,5m x 30cm. + Trèo lên, xuống 5 giống thang. 	<p>5m.</p> <ul style="list-style-type: none"> + Bò dích dắc qua 7 điểm. + Bò chui qua ống dài 1,5m x 0,6m. + Trườn kết hợp trèo qua ghế dài 1,5m x 30cm. + Trèo lên xuống 7 giống thang.
	<ul style="list-style-type: none"> - Tung, ném, bắt: + Lăn, đập, tung bắt bóng với cô. + Ném xa bằng 1 tay. Ném xa bằng 2 tay + Ném trúng đích bằng 1 tay. + Chuyển bắt bóng 2 bên theo hàng ngang, hàng dọc. 	<ul style="list-style-type: none"> - Tung, ném, bắt: + Tung bóng lên cao và bắt. + Tung bắt bóng với người đối diện. + Đập và bắt bóng tại chỗ. + Ném xa bằng 1 tay, 2 tay. + Ném trúng đích bằng 1 tay, 2 tay + Chuyển, bắt bóng qua đầu, qua chân. 	<ul style="list-style-type: none"> - Tung, ném, bắt: + Tung bóng lên cao và bắt. + Tung, đập bắt bóng tại chỗ. + Đi và đập bắt bóng. + Ném xa bằng 1 tay, 2 tay. + Ném trúng đích bằng 1 tay, 2 tay. + Chuyển, bắt bóng qua đầu, qua chân, qua bên trái, qua bên phải,
	<ul style="list-style-type: none"> - Bật - nhảy: + Bật tại chỗ. + Bật về phía trước. + Bật xa 20 - 25 cm. 	<ul style="list-style-type: none"> - Bật - nhảy: + Bật liên tục về phía trước. + Bật xa 35 - 40cm. + Bật - nhảy từ trên cao xuống (cao 30 - 35cm). + Bật tách chân, khép chân qua 5 ô. + Bật qua vật cản cao 10 - 15cm. 	<ul style="list-style-type: none"> - Bật - nhảy: + Bật liên tục vào vòng. + Bật xa 40 - 50cm. + Bật - nhảy từ trên cao xuống (40 - 45cm). + Bật tách chân, khép chân qua 7 ô. + Bật qua vật cản 15 - 20cm.

		+ Nhảy lò cò 3m.	+ Nhảy lò cò 5m.
3. [45] Các cử động của bàn tay, ngón tay, phối hợp tay - mắt và sử dụng một số đồ dùng, dụng cụ	<ul style="list-style-type: none"> - Gập, đan các ngón tay vào nhau, co duỗi ngón tay, quay ngón tay cổ tay, cuộn cổ tay, lòng bàn tay vào nhau. - Đan, tết, cuộn, luồn, đóng mở nắp chai, lọ, hộp,; đập, gõ, đóng... - Xếp chồng các hình khối lên nhau - Xé, dán giấy, vò giấy, gấp giấy - Sử dụng kéo, bút. - Tô, vẽ nguệch ngoạc, vẽ tự do bằng bàn tay, ngón tay, phấn, bút, vạch xung quanh hình, di màu. - Cài, cời, cúc 	<ul style="list-style-type: none"> - Vo, xoáy, xoắn, vặn, búng ngón tay, vè, véo, vuốt, miết, ấn bàn tay, ngón tay, gấn, nôi... - Gập giấy. - Lắp ghép hình. - Xé, cắt đường thẳng và tập cắt các đường viền của hình vẽ theo khả năng - Tô, vẽ hình. - Cài, cời cúc, khâu, buộc dây. 	<ul style="list-style-type: none"> - Các loại cử động bàn tay, ngón tay và cổ tay. - Bè, nắn. - Lắp ráp. - Xé, cắt đường vòng cung. - Tô, đồ theo nét. - Cài, cời cúc, kéo khóa (phéc mớ tuya), khâu, luồn, buộc dây. + Tết sợi đôi, đan lát

b) Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe

Nội dung	3 - 4 tuổi	4 - 5 tuổi	5 - 6 tuổi
1. Cân nặng, chiều cao theo tuổi	<ul style="list-style-type: none"> - Trẻ trai: CN: 12,7 kg-21,2 kg CC: 94,9 cm-111,7 cm - Trẻ gái: CN: 12,3 kg – 21,5 kg CC: 94,1 cm – 111,3 cm 	<ul style="list-style-type: none"> - Trẻ trai: cân nặng từ 12,7 – 14,1kg; chiều cao từ 111,7 – 119,2cm - Trẻ gái: cân nặng từ 12,3 – 13,8kg; chiều cao từ 111,2 – 119,2cm 	<ul style="list-style-type: none"> - Trẻ trai: cân nặng từ 15,9 – 27,1kg; chiều cao từ 106,1 – 125,8cm - Trẻ gái: cân nặng từ 15,3 – 27,8kg; chiều cao từ 104,9 – 125,4cm
2. Nhận biết một số món ăn, thực	- Nhận biết một số thực phẩm và món	- Nhận biết, phân loại một số thực phẩm thông thường	- Nhận biết, phân loại một số thực phẩm thông thường

phẩm thông thường và ích lợi của chúng đối với sức khỏe	ăn quen thuộc.	trong các nhóm thực phẩm (trên tháp dinh dưỡng).	theo 4 nhóm thực phẩm. - Làm quen với một
		- Nhận biết dạng chế biến đơn giản của một số thực phẩm, món ăn.	số thao tác đơn giản trong chế biến một số món ăn, thức uống.
	<p>- Nhận biết các bữa ăn trong ngày và ích lợi của ăn uống đủ lượng và đủ chất.</p> <p>- Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (ỉa chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì...).</p>		
3. Tập làm một số việc tự phục vụ trong sinh hoạt	<p>- Làm quen cách đánh răng, lau mặt.</p> <p>- Tập rửa tay bằng xà phòng.</p>	<p>- Rèn luyện thao tác rửa tay bằng xà phòng. Tập đánh răng, lau mặt.</p>	<p>- Tập luyện kỹ năng: đánh răng, lau mặt, rửa tay bằng xà phòng.</p>
	<p>- Thể hiện bằng lời nói về nhu cầu ăn, ngủ, vệ sinh.</p>	<p>- Đi vệ sinh đúng nơi quy định.</p> <p>- Thay quần áo khi bị ướt bẩn và để vào nơi quy định.</p> <p>- Chăm bát, thìa xúc ăn gọn gàng, không rơi vãi, đổ thức ăn.</p>	<p>- Đi vệ sinh đúng nơi quy định, sử dụng đồ dùng vệ sinh đúng cách.</p> <p>- Xếp bàn ghế gọn gàng, đúng nơi quy định. Tự lấy, cất, bảo quản đồ dùng cá nhân.</p>
4. Giữ gìn sức khỏe và an toàn	<p>- Tập luyện một số thói quen tốt trong ăn uống và giữ gìn sức khỏe.</p>		
	<p>- Lợi ích của việc giữ gìn vệ sinh thân thể, vệ sinh môi trường đối với sức khỏe con người.</p>		
	<p>- Tập luyện một số về giữ gìn sức khỏe.</p>	<p>- Tập luyện một số thói quen tốt trong ăn uống và giữ gìn sức khỏe : Mời cô, mời bạn khi ăn; ăn từ tốn, nhai kỹ. Giờ</p>	<p>- Tập luyện một số thói quen tốt trong ăn uống và giữ gìn sức khỏe.</p>

		<p>ăn không đùa nghịch, không làm vương vãi thức ăn. Biết ăn rau và ăn nhiều loại thức ăn khác nhau, không bỏ thức ăn không ăn được qua tô của bạn, không mang quà vật lên lớp ăn. Không uống nước lã</p>	
	<p>- Lợi ích của việc giữ gìn vệ sinh thân thể, vệ sinh môi trường đối với sức khỏe con người.</p>	<p>- Lợi ích của việc giữ gìn vệ sinh thân thể, vệ sinh môi trường đối với sức khỏe con người: Vệ sinh răng miệng, đội mũ khi ra nắng, mặc áo ấm, đi tất khi trời lạnh. đi dép giầy khi đi học. Đi vệ sinh đúng nơi quy định. Bỏ rác đúng nơi quy định...</p>	<p>Lợi ích của việc giữ gìn vệ sinh thân thể, vệ sinh môi trường đối với sức khỏe con người.</p>
	<p>- Nhận biết trang phục theo thời tiết.</p>	<p>- Lựa chọn trang phục phù hợp với thời tiết. - Ích lợi của mặc trang phục phù hợp với thời tiết.</p>	<p>- Lựa chọn và sử dụng trang phục phù hợp với thời tiết. - Ích lợi của mặc trang phục phù hợp với thời tiết.</p>
	<p>- Nhận biết một số biểu hiện khi ốm.</p>	<p>- Nhận biết một số biểu hiện khi ốm và cách phòng tránh đơn giản. Biết nói với người lớn khi bị đau, chảy máu hoặc sốt....</p>	<p>- Nhận biết một số biểu hiện khi ốm, nguyên nhân và cách phòng tránh.</p>

		<p>Thực hiện được một số quy định ở trường, nơi công cộng về an toàn:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Không tự ý đi chơi. + Đi bộ trên hè; đi sang đường phải có người lớn dắt; đội mũ an toàn khi ngồi trên xe máy. + Không leo trèo cây, ban công, tường 	
	<p>- Nhận biết và phòng tránh những hành động nguy hiểm, những nơi không an toàn, những vật dụng nguy hiểm đến tính mạng.</p>	<p>- Nhận biết và phòng tránh những hành động nguy hiểm, những nơi không an toàn, những vật dụng nguy hiểm đến tính mạng.</p> <ul style="list-style-type: none"> + Không cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt.... - Không ăn thức ăn có mùi ôi; không ăn lá, quả lạ... không uống rượu, bia, cà phê; không tự ý uống thuốc khi không được phép của người lớn. + Không được ra khỏi trường khi không được phép của cô giáo. 	<p>- Nhận biết và phòng tránh những hành động nguy hiểm, những nơi không an toàn, những vật dụng nguy hiểm đến tính mạng.</p>
	<p>- Nhận biết một số trường hợp khẩn cấp</p>	<p>- Nhận biết một số trường hợp khẩn</p>	<p>- Nhận biết một số trường hợp khẩn</p>

	và gọi người giúp đỡ.	cấp và gọi người giúp đỡ. + Biết gọi người lớn khi gặp một số trường hợp khẩn cấp: cháy, có người rơi xuống nước, ngã chảy máu. + Biết gọi người giúp đỡ khi bị lạc. Nói được tên, địa chỉ gia đình, số điện thoại người thân khi cần thiết.	cấp và gọi người giúp đỡ.
--	-----------------------	--	---------------------------

2. Giáo dục phát triển nhận thức

a) Khám phá khoa học:

- Các bộ phận của cơ thể con người.
- Đồ vật.
- Động vật và thực vật.
- Một số hiện tượng tự nhiên.

b) Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán:

- Tập hợp, số lượng, số thứ tự và đếm.
- Xếp tương ứng.
- So sánh, sắp xếp theo quy tắc.
- Đo lường.
- Hình dạng.
- Định hướng trong không gian và định hướng thời gian.

c) Khám phá xã hội:

- Bản thân, gia đình, họ hàng và cộng đồng.
- Trường mầm non.
- Một số nghề phổ biến.
- Danh lam, thắng cảnh và các ngày lễ, hội.

NỘI DUNG GIÁO DỤC THEO ĐỘ TUỔI

a) Khám phá khoa học:

Nội dung	3 - 4 tuổi	4 - 5 tuổi	5 - 6 tuổi
----------	------------	------------	------------

1. Các bộ phận của cơ thể con người	Chức năng của các giác quan và một số bộ phận khác của cơ thể.	Chức năng các giác quan và các bộ phận khác của cơ thể.	
2. Đồ vật: <i>Đồ dùng, đồ chơi</i>	Đặc điểm nổi bật, công dụng, cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi.	<ul style="list-style-type: none"> - Đặc điểm, công dụng và cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi. - Một số mối liên hệ đơn giản giữa đặc điểm cấu tạo với cách sử dụng của đồ dùng, đồ chơi quen thuộc. - Đặc điểm, công dụng và cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi. 	
		<ul style="list-style-type: none"> - So sánh sự khác nhau và giống nhau của 2 - 3 đồ dùng, đồ chơi. - Phân loại đồ dùng, đồ chơi theo 1 - 2 dấu hiệu. 	<ul style="list-style-type: none"> - So sánh sự khác nhau và giống nhau của đồ dùng, đồ chơi và sự đa dạng của chúng. - Phân loại đồ dùng, đồ chơi theo 2 - 3 dấu hiệu.
<i>Phương tiện giao thông</i>	Tên, đặc điểm, công dụng của một số phương tiện giao thông quen thuộc.	Đặc điểm, công dụng của một số phương tiện giao thông và phân loại theo 1 - 2 dấu hiệu.	Đặc điểm, công dụng của một số phương tiện giao thông và phân loại theo 2 - 3 dấu hiệu.
3. Động vật và thực vật	- Đặc điểm nổi bật và ích lợi của con vật, cây, hoa, quả quen thuộc.	- Đặc điểm bên ngoài của con vật, cây, hoa, quả gần gũi, ích lợi và tác hại đối với con người.	<ul style="list-style-type: none"> - Đặc điểm, ích lợi và tác hại của con vật, cây, hoa, quả. - Quá trình phát triển của cây, con vật; điều kiện sống của một số loại cây, con vật.
		- So sánh sự khác nhau và giống nhau của 2 con vật, cây, hoa, quả.	- So sánh sự khác nhau và giống nhau của một số con vật, cây, hoa, quả.
		- Phân loại cây,	- Phân loại cây,

		hoa, quả, con vật theo 1 - 2 dấu hiệu.	hoa, quả, con vật theo 2 - 3 dấu hiệu.
	- Mỗi liên hệ đơn giản giữa con vật, cây quen thuộc với môi trường sống của chúng.	- Quan sát, phán đoán mỗi liên hệ đơn giản giữa con vật, cây với môi trường sống.	
	- Cách chăm sóc và bảo vệ con vật, cây gần gũi.	- Cách chăm sóc và bảo vệ con vật, cây.	
4. Một số hiện tượng tự nhiên: <i>Thời tiết, mùa</i>	Hiện tượng nắng, mưa, nóng, lạnh và ảnh hưởng của nó đến sinh hoạt của trẻ.	Một số hiện tượng thời tiết theo mùa và ảnh hưởng của nó đến sinh hoạt của con người.	- Một số hiện tượng thời tiết thay đổi theo mùa và thứ tự các mùa. Sự thay đổi trong sinh hoạt của con người, con vật và cây theo mùa.
<i>Ngày và đêm, mặt trời, mặt trăng</i>	Một số dấu hiệu nổi bật của ngày và đêm.	Sự khác nhau giữa ngày và đêm.	Sự khác nhau giữa ngày và đêm, mặt trời, mặt trăng.
<i>Nước</i>	- Một số nguồn nước trong sinh hoạt hàng ngày. - Ích lợi của nước với đời sống con người, con vật, cây.	- Các nguồn nước trong môi trường sống. - Ích lợi của nước với đời sống con người, con vật và cây. - Các nguồn nước trong môi trường sống.	
		- Một số đặc điểm, tính chất của nước. - Nguyên nhân gây ô nhiễm nguồn nước và cách bảo vệ nguồn nước. - Một số đặc điểm, tính chất của nước.	
<i>Không khí, ánh sáng,</i>	Một số nguồn ánh sáng trong sinh hoạt hàng ngày.	Không khí, các nguồn ánh sáng và sự cần thiết của nó với cuộc sống con người, con vật và cây.	

<i>Đất đá, cát, sỏi</i>	Một vài đặc điểm, tính chất của đất, đá, cát, sỏi.
-------------------------	--

b) Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán

b) Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán

Nội dung	3 - 4 tuổi	4 - 5 tuổi	5 - 6 tuổi
1. Tập hợp, số lượng, số thứ tự và đếm	- Đếm trên đối tượng trong phạm vi 5 và đếm theo khả năng.	- Đếm trên đối tượng trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng.	- Đếm trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng.
	- [46] 1 và nhiều.	- [47] Chữ số, số lượng và số thứ tự trong phạm vi 5	- [48] Các chữ số, số lượng và số thứ tự trong phạm vi 10.
	- Gộp hai nhóm đối tượng và đếm.		- Gộp/tách các nhóm đối tượng bằng các cách khác nhau và đếm[49].
	- Tách một nhóm đối tượng thành các nhóm nhỏ hơn.		
			- [50] - [51]
			- Nhận biết ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày (số nhà, biển số xe,...).
2. Xếp tương ứng	Xếp tương ứng 1 - 1, ghép đôi.		Ghép thành cặp những đối tượng có mối liên quan.
3. So sánh, sắp xếp theo quy tắc	- So sánh 2 đối tượng về kích thước. - Xếp xen kẽ.	- So sánh, phát hiện quy tắc sắp xếp và sắp xếp theo quy tắc. -	- Tạo ra quy tắc sắp xếp.
4. Đo lường		- Đo độ dài một vật bằng một đơn vị đo.	- Đo độ dài một vật bằng các đơn vị đo khác nhau. - Đo độ dài các vật,

			so sánh và diễn đạt kết quả đo.
		- Đo dung tích bằng một đơn vị đo.	- Đo dung tích các vật, so sánh và diễn đạt kết quả đo.
5. Hình dạng	- Nhận biết, gọi tên các hình: hình vuông, hình tam giác, hình tròn, hình chữ nhật và nhận dạng các hình đó trong thực tế.	- Nhận biết, gọi tên hình vuông, hình chữ nhật, hình tròn và nhận dạng các hình đó trong thực tế. - So sánh sự khác nhau và giống nhau của các hình: hình vuông, hình tam giác, hình tròn, hình chữ nhật.	- Nhận biết, gọi tên khối cầu, khối vuông, khối chữ nhật, khối trụ và nhận dạng các khối hình đó trong thực tế.
	- Sử dụng các hình hình học để ghép.	- Chắp ghép các hình hình học để tạo thành các hình mới theo ý thích và theo yêu cầu.	
			- Tạo ra một số hình hình học bằng các cách khác nhau.
6. Định hướng trong không gian và định hướng thời gian	Nhận biết phía trên - phía dưới, phía trước - phía sau, tay phải - tay trái của bản thân.	- Xác định vị trí của đồ vật so với bản thân trẻ và so với bạn khác (phía trước - phía sau; phía trên - phía dưới; phía phải - phía trái).	- Xác định vị trí của đồ vật (phía trước - phía sau; phía trên - phía dưới; phía phải - phía trái) so với bản thân trẻ, với bạn khác, với một vật nào đó làm chuẩn.
		- Nhận biết các buổi: sáng, trưa, chiều, tối. - Nhận biết hôm qua-hôm nay-ngày mai. Nhận biết các thứ trong tuần, các mùa trong năm.	- Nhận biết hôm qua, hôm nay, ngày mai. - Gọi tên các thứ trong tuần.

c) Khám phá xã hội

Nội dung	3 - 4 tuổi	4 - 5 tuổi	5 - 6 tuổi
1. Bản thân, gia đình, trường mầm non, cộng đồng	<ul style="list-style-type: none"> - Tên, tuổi, giới tính của bản thân. - Tên của bố mẹ, các thành viên trong gia đình. Địa chỉ gia đình. 	<ul style="list-style-type: none"> - Họ tên, tuổi, giới tính, đặc điểm bên ngoài, sở thích của bản thân. - Họ tên, tuổi, giới tính, công việc của bố mẹ, những người thân trong gia đình và công việc của họ. Một số nhu cầu của gia đình. Địa chỉ gia đình. 	<ul style="list-style-type: none"> - Họ tên, ngày sinh, giới tính, đặc điểm bên ngoài, sở thích của bản thân và vị trí của trẻ trong gia đình. - Các thành viên trong gia đình, nghề nghiệp của bố, mẹ; sở thích của các thành viên trong gia đình; quy mô gia đình (gia đình nhỏ, gia đình lớn). Nhu cầu của gia đình. Địa chỉ gia đình.
	<ul style="list-style-type: none"> - Tên lớp mẫu giáo, tên và công việc của cô giáo. - Tên các bạn, đồ dùng, đồ chơi của lớp, các hoạt động của trẻ ở trường. 	<ul style="list-style-type: none"> - Tên của trường lớp. Tên và công việc của cô giáo và các cô bác ở trường. - Họ tên và một vài đặc điểm của các bạn; các hoạt động của trẻ ở trường. 	<ul style="list-style-type: none"> - Những đặc điểm nổi bật của trường lớp mầm non; công việc của các cô bác trong trường. - Đặc điểm, sở thích của các bạn; các hoạt động của trẻ ở trường.
2. Một số nghề trong xã hội	Tên gọi, sản phẩm và ích lợi của một số nghề phổ biến.	Tên gọi, công cụ, sản phẩm, các hoạt động và ý nghĩa của các nghề phổ biến, nghề truyền thống của địa phương.	
3. Danh lam thắng cảnh, các ngày lễ hội, sự kiện văn hóa	Cờ Tổ quốc, tên của di tích lịch sử, danh lam, thắng cảnh, ngày lễ hội của địa phương.	Đặc điểm nổi bật của một số di tích, danh lam, thắng cảnh, ngày lễ hội, sự kiện văn hóa của quê hương, đất nước. Đặc điểm nổi bật của một số di tích, danh lam, thắng cảnh, ngày lễ hội, sự kiện văn hóa của quê hương, đất nước.	

3. Giáo dục phát triển ngôn ngữ

a) Nghe

- Nghe các từ chỉ người, sự vật, hiện tượng, đặc điểm, tính chất, hoạt động và các từ biểu cảm, từ khái quát.

- Nghe lời nói trong giao tiếp hằng ngày, nghe các phương tiện truyền thông.

- Nghe kể chuyện, đọc thơ, ca dao, đồng dao phù hợp với độ tuổi.

b) Nói

- Phát âm rõ các tiếng trong tiếng Việt.

- Bài tỏ nhu cầu, tình cảm và hiểu biết của bản thân bằng các loại câu khác nhau.

- Sử dụng đúng từ ngữ và câu trong giao tiếp hằng ngày. Trả lời và đặt câu hỏi.

- Đọc thơ, ca dao, đồng dao và kể chuyện.

- Lễ phép, chủ động và tự tin trong giao tiếp.

c) Làm quen với việc đọc, viết

- Làm quen với cách sử dụng sách, bút.

- Làm quen với một số ký hiệu thông thường trong cuộc sống.

- Làm quen với chữ viết, chữ số, với việc đọc sách.

NỘI DUNG GIÁO DỤC THEO ĐỘ TUỔI

Nội dung	3 - 4 tuổi	4 - 5 tuổi	5 - 6 tuổi
1. Nghe	- Hiểu các từ chỉ người, tên gọi đồ vật, sự vật, hành động, hiện tượng gần gũi, quen thuộc.	- Hiểu các từ chỉ đặc điểm, tính chất, công dụng và các từ biểu cảm.	- Hiểu các từ khái quát, từ trái nghĩa.
	- Hiểu và làm theo yêu cầu đơn giản.	- Hiểu và làm theo được 2, 3 yêu cầu.	- Hiểu và làm theo được 2, 3 yêu cầu liên tiếp.
	- Nghe hiểu nội dung các câu đơn, câu mở rộng.	- Nghe hiểu nội dung các câu đơn, câu mở rộng, câu phức.	
	- Nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi.		
	- Nghe các bài hát, bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, câu đố, hò, vè phù hợp với độ tuổi.		

2. Nói	- Phát âm các tiếng của tiếng Việt.	- Phát âm các tiếng có chứa các âm khó.	- Phát âm các tiếng có phụ âm đầu, phụ âm cuối gần giống nhau và các thanh điệu.
	- Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân bằng các câu đơn, câu đơn mở rộng.	- Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân bằng các câu đơn, câu ghép.	- Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân rõ ràng, dễ hiểu bằng các câu đơn, câu ghép khác nhau.
	- Trả lời và đặt các câu hỏi: ai? cái gì? ở đâu? khi nào?	- Trả lời và đặt các câu hỏi: ai? cái gì? ở đâu? khi nào? để làm gì?.	- Trả lời các câu hỏi về nguyên nhân, so sánh: tại sao? có gì giống nhau? có gì khác nhau? do đâu mà có? - Đặt các câu hỏi: tại sao? như thế nào? làm bằng gì?.
	- Sử dụng các từ biểu thị sự lễ phép.	- Sử dụng các từ biểu thị sự lễ phép.	- Sử dụng các từ biểu cảm, hình tượng.
	- Nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp.		
	- Đọc thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, hò vè.		
	Kể lại một vài tình tiết của truyện đã được nghe[52].	- Kể lại truyện đã được nghe một cách có trình tự theo khả năng	- Kể lại truyện đã được nghe theo trình tự.
	- Mô tả sự vật, hiện tượng... tranh ảnh có sự giúp đỡ.	- Mô tả sự vật, hiện tượng, tranh ảnh.	- Kể chuyện theo đồ vật, theo tranh.
	- Kể lại sự việc.	- Kể lại sự việc có nhiều tình tiết.	- Kể lại sự việc theo trình tự.
	- Đóng vai theo lời dẫn chuyện	- Đóng kịch.	

	của giáo viên.	
3. Làm quen với đọc, viết	- Làm quen với một số ký hiệu thông thường trong cuộc sống (nhà vệ sinh, lối ra, nơi nguy hiểm, biển báo giao thông: đường cho người đi bộ,...)	
	- Tiếp xúc với chữ, sách truyện.	- Nhận dạng một số chữ cái.
		- Nhận dạng các chữ cái.
		- Tập tô, tập đồ các nét chữ.
		- Sao chép một số ký hiệu, chữ cái, tên của mình.
		- Sao chép một số ký hiệu, chữ cái, tên của mình.
		- Xem sách truyện song ngữ (Việt – Anh)
	<p>- Xem và nghe đọc các loại sách khác nhau.</p> <p>- Làm quen với cách đọc và viết tiếng Việt:</p> <p>+ Hướng đọc, viết: từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới.</p> <p>+ Hướng viết của các nét chữ; đọc ngắt nghỉ sau các dấu.</p> <p>- Xem và nghe đọc các loại sách khác nhau.</p> <p>- Làm quen với cách đọc và viết tiếng Việt:</p> <p>+ Hướng đọc, viết: từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới.</p> <p>- Xem và nghe đọc các loại sách khác nhau.</p> <p>- Làm quen với cách đọc và viết tiếng Việt:</p> <p>+ Hướng đọc, viết: từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới.</p>	
- Cầm sách đúng chiều, mở sách, xem tranh và “đọc” truyện.	- Phân biệt phần mở đầu, kết thúc của sách.	
	- “Đọc” truyện qua các tranh vẽ.	
	- Phân biệt phần mở đầu, kết thúc của sách.	
- Giữ gìn sách.	- Giữ gìn, bảo vệ sách.	

4. Giáo dục phát triển tình cảm và kỹ năng xã hội

a) Phát triển tình cảm:

- Ý thức về bản thân.

- Nhận biết và thể hiện cảm xúc, tình cảm với con người, sự vật và hiện tượng xung quanh.

b) Phát triển kỹ năng xã hội:

- Hành vi và quy tắc ứng xử xã hội trong sinh hoạt ở gia đình, trường lớp mầm non, cộng đồng gần gũi.

+ Kỹ năng tự phục vụ (gấp khăn, lau bàn, rót nước, gấp áo...) (Phương pháp Montessori)

- Quan tâm bảo vệ môi trường.

- Kỹ năng sống biết cách tự bảo vệ bản thân và tự tin hơn (với các bài tình huống kỹ năng thoát hiểm, biết xử lý khi đi lạc, ở trên xe ô tô một mình, khi bị bắt cóc ...) (Phương pháp Montessori)

- Kỹ năng lễ giáo: Ăn uống lịch sự, chào hỏi lễ phép, giơ tay phát biểu ý kiến, cảm ơn xin lỗi, đưa 2 tay ra nhận khi người khác đưa một vật gì.....(Phương pháp Montessori)

NỘI DUNG GIÁO DỤC THEO ĐỘ TUỔI

Nội dung	3 - 4 tuổi	4 - 5 tuổi	5 - 6 tuổi
1. Phát triển tình cảm - Ý thức về bản thân	- Tên, tuổi, giới tính. - Những điều bé thích, không thích.	- Tên, tuổi, giới tính. - Sở thích, khả năng của bản thân.	- Sở thích, khả năng của bản thân. - Điểm giống và khác nhau của mình với người khác. - Vị trí và trách nhiệm của bản thân trong gia đình và lớp học.
		- Thực hiện công việc được giao (trực nhật, xếp dọn đồ chơi...).	- Thực hiện công việc được giao (trực nhật, xếp dọn đồ chơi...) - Chủ động và độc lập trong một số hoạt động. - Mạnh dạn, tự tin bày tỏ ý kiến.
- Nhận biết và thể hiện cảm xúc, tình cảm	- Nhận biết một số trạng thái cảm xúc (vui, buồn, sợ hãi, tức giận) qua nét	- Nhận biết một số trạng thái cảm xúc (vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc	- Nhận biết một số trạng thái cảm xúc (vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, xấu

<i>với con người, sự vật và hiện tượng xung quanh.</i>	mặt, cử chỉ, giọng nói.	nhiên) qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói, tranh ảnh.	hồ) qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói, tranh ảnh, âm nhạc.
	- Biểu lộ trạng thái cảm xúc qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói; trò chơi; hát, vận động.	- Biểu lộ trạng thái cảm xúc, tình cảm phù hợp qua cử chỉ, giọng nói; trò chơi; hát, vận động; vẽ, nặn, xếp hình.	- Bày tỏ tình cảm phù hợp với trạng thái cảm xúc của người khác trong các tình huống giao tiếp khác nhau. - Mối quan hệ giữa hành vi của trẻ và cảm xúc của người khác.
	- Kính yêu Bác Hồ. - Quan tâm đến cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, đất nước.	- Kính yêu Bác Hồ. - Quan tâm đến di tích lịch sử, cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, đất nước. - Kính yêu Bác Hồ.	
2. Phát triển kỹ năng xã hội	- Một số quy định ở lớp và gia đình (để đồ dùng, đồ chơi đúng chỗ).	- Một số quy định ở lớp, gia đình và nơi công cộng (để đồ dùng, đồ chơi đúng chỗ; trật tự khi ăn, khi ngủ; đi bên phải lề đường).	
<i>- Hành vi và quy tắc ứng xử xã hội</i>	- Cử chỉ, lời nói lễ phép (chào hỏi, cảm ơn). - Chờ đến lượt.	- Lắng nghe ý kiến của người khác, sử dụng lời nói và cử chỉ lễ phép. - Chờ đến lượt, hợp tác.	- Lắng nghe ý kiến của người khác, sử dụng lời nói, cử chỉ, lễ phép, lịch sự. - Tôn trọng, hợp tác, chấp nhận.
	- Yêu mến bố, mẹ, anh, chị, em ruột.	- Yêu mến, quan tâm đến người thân trong gia đình.	
	- Chơi hòa thuận với bạn.	- Quan tâm, giúp đỡ bạn.	- Quan tâm, chia sẻ, giúp đỡ bạn.
	- Nhận biết hành vi “đúng” - “sai”, “tốt” - “xấu”.	- Phân biệt hành vi “đúng” - “sai”, “tốt” - “xấu”.	- Nhận xét và tỏ thái độ với hành vi “đúng” - “sai”, “tốt” - “xấu”.

- <i>Quan tâm đến môi trường</i>	<ul style="list-style-type: none"> - Tiết kiệm điện, nước. - Giữ gìn vệ sinh môi trường. - Bảo vệ chăm sóc con vật và cây cối. - Giữ gìn vệ sinh môi trường.
	<ul style="list-style-type: none"> * Kỹ năng tự phục vụ - Gấp khăn, lau bàn, trải bàn ghế, rót nước, gấp áo, thắt nút... - Tự chuẩn bị một số đồ ăn uống đơn giản, tự dọn dẹp vệ sinh. (Phương pháp Montessori) * Kỹ năng sống - Ăn uống lịch sự, chào hỏi lễ phép, giơ tay phát biểu ý kiến, cảm ơn xin lỗi, đưa 2 tay ra nhận khi người khác đưa một vật gì.....(Phương pháp Montessori)

5. Giáo dục phát triển thẩm mỹ

a) Cảm nhận và thể hiện cảm xúc trước vẻ đẹp của thiên nhiên, cuộc sống gần gũi xung quanh trẻ và trong các tác phẩm nghệ thuật.

b) Một số kỹ năng trong hoạt động âm nhạc (nghe, hát, vận động theo nhạc) và hoạt động tạo hình (vẽ, nặn, cắt, xé dán, xếp hình).

c) Thể hiện sự sáng tạo khi tham gia các hoạt động nghệ thuật (âm nhạc, tạo hình).

NỘI DUNG GIÁO DỤC THEO ĐỘ TUỔI

Nội dung	3 - 4 tuổi	4 - 5 tuổi	5 - 6 tuổi
1. Cảm nhận và thể hiện cảm xúc trước vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng trong thiên	Bộc lộ cảm xúc khi nghe âm thanh gọi cảm, các bài hát, bản nhạc gần gũi và ngắm nhìn vẻ đẹp nổi bật của các sự vật, hiện tượng trong	Bộc lộ cảm xúc phù hợp khi nghe âm thanh gọi cảm, các bài hát, bản nhạc và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc	Thể hiện thái độ, tình cảm khi nghe âm thanh gọi cảm, các bài hát, bản nhạc và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật.
nhiên, cuộc sống và nghệ thuật [53].	thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật.	sống và tác phẩm nghệ thuật.	

2. Một số kỹ năng trong hoạt động âm nhạc[54] và hoạt động tạo hình[55].	- Nghe các bài hát, bản nhạc (nhạc thiếu nhi, dân ca).	- Nghe và nhận ra các loại nhạc khác nhau (nhạc thiếu nhi, dân ca).	- Nghe và nhận biết các thể loại âm nhạc khác nhau (nhạc thiếu nhi, dân ca, nhạc cổ điển). - Nghe và nhận ra sắc thái (vui, buồn, tình cảm tha thiết) của các bài hát, bản nhạc.
	- Hát đúng giai điệu, lời ca bài hát.	- Hát đúng giai điệu, lời ca và thể hiện sắc thái, tình cảm của bài hát.	
	- Vận động đơn giản theo nhịp điệu của các bài hát, bản nhạc.	- Vận động nhịp nhàng theo giai điệu, nhịp điệu của các bài hát, bản nhạc.	- Vận động nhịp nhàng theo giai điệu, nhịp điệu và thể hiện sắc thái phù hợp với các bài hát, bản nhạc.
	- Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp.	- Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp, tiết tấu[56].	- Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp, tiết tấu[57].
	- Sử dụng các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra các sản phẩm.	- Phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu trong thiên nhiên để tạo ra các sản phẩm.	- Lựa chọn, phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu trong thiên nhiên, phế liệu để tạo ra các sản phẩm.
	- Sử dụng một số kỹ năng vẽ, nặn, cắt, xé dán, xếp hình để tạo ra sản phẩm đơn giản.	- Sử dụng các kỹ năng vẽ, nặn, cắt, xé dán, xếp hình để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng/đường nét.	- Phối hợp các kỹ năng vẽ, nặn, cắt, xé dán, xếp hình để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng/đường nét và bố cục.
	- Nhận xét sản phẩm tạo hình.	- Nhận xét sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng/đường nét.	- Nhận xét sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng/đường nét và bố cục.

3. Thể hiện sự sáng tạo khi tham gia các hoạt động nghệ thuật (âm nhạc, tạo hình)	- Vận động theo ý thích khi hát/nghe các bài hát, bản nhạc quen thuộc.	- Lựa chọn, thể hiện các hình thức vận động theo nhạc. - Lựa chọn dụng cụ âm nhạc để gõ đệm theo nhịp điệu bài hát.	- Tự nghĩ ra các hình thức để tạo ra âm thanh, vận động theo các bài hát, bản nhạc yêu thích. - Đặt lời theo giai điệu một bài hát, bản nhạc quen thuộc (một câu hoặc một đoạn).
	- Tạo ra các sản phẩm đơn giản theo ý thích.	- Tự chọn dụng cụ, nguyên vật liệu để tạo ra sản phẩm theo ý thích.	- Tìm kiếm, lựa chọn các dụng cụ, nguyên vật liệu phù hợp để tạo ra sản phẩm theo ý thích.
		- Nói lên ý tưởng tạo hình của mình.	
	- Đặt tên cho sản phẩm của mình.		

D. KẾT QUẢ MONG ĐỢI

I. GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN THỂ CHẤT

a) Phát triển vận động

Kết quả mong đợi	3 - 4 tuổi	4 - 5 tuổi	5 - 6 tuổi
1. Thực hiện được các động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp	Thực hiện đủ các động tác trong bài tập thể dục theo hướng dẫn.	Thực hiện đúng, đầy đủ, nhịp nhàng các động tác trong bài thể dục theo hiệu lệnh. Bắt đầu và kết thúc động tác đúng nhịp	Thực hiện đúng, thuần thục các động tác của bài thể dục theo hiệu lệnh hoặc theo nhịp bản nhạc/bài hát. Bắt đầu và kết thúc động tác đúng nhịp.
2. Thể hiện kỹ năng vận động cơ bản và các tố chất trong vận động	2.1. Giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động: - Đi hết đoạn đường hẹp (3m x 0,2m). - Đi kiễng gót liên tục 3m.	2.1. Giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động (đi) - Bước đi liên tục trên ghế thể dục hoặc trên vạch kẻ thẳng trên sàn.	2.1. Giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động: - Đi lên, xuống trên ván dốc (dài 2m, rộng 0,30m) một đầu kê cao 0,30m.

	- Đi bước lùi liên tiếp khoảng 3 m.	- Không làm rơi vật đang đội trên đầu khi đi trên ghế thể dục. - Đứng một chân và giữ thẳng người trong 10 giây.
2.2. Kiểm soát được vận động: - Đi/chạy thay đổi tốc độ theo đúng hiệu lệnh. - Chạy liên tục trong đường đích dắc (3 - 4 điểm đích dắc) không chệch ra ngoài.	2.2. Kiểm soát được vận động: Đi/chạy Đi/chạy thay đổi hướng vận động đúng tín hiệu vật chuẩn (4 - 5 vật chuẩn đặt đích dắc).	2.2. Kiểm soát được vận động: Đi/chạy thay đổi hướng vận động theo đúng hiệu lệnh (đổi hướng ít nhất 3 lần).
2.3. Phối hợp tay - mắt trong vận động: - Tung bắt bóng với cô: bắt được 3 lần liên không rơi bóng (khoảng cách 2,5 m). - Tự đập - bắt bóng được 3 lần liên (đường kính bóng 18cm).	2.3. Phối hợp tay - mắt trong vận động: tung, bắt, ném, chuyên. - Tung bắt bóng với người đối diện (cô/bạn): bắt được 3 lần liên không rơi bóng (khoảng cách 3 m). - Ném trúng đích đứng (xa 1,5 m x cao 1,2 m). - Tự đập bắt bóng được 4 - 5 lần liên tiếp.	2.3. Phối hợp tay - mắt trong vận động: - Bắt và ném bóng với người đối diện (khoảng cách 4 m). - Ném trúng đích đứng (xa 2 m x cao 1,5 m). - Đi, đập và bắt được bóng nảy 4 - 5 lần liên tiếp.
2.4. Thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp (chạy, ném, bò, trườn, trèo, bật) - Chạy được 15 m	2.4. Thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp (chạy, ném, bò, trườn, trèo):	2.4. Thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp: - Chạy liên tục theo hướng thẳng 18 m trong 10 giây.

	<p>liên tục theo hướng thẳng.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ném trúng đích ngang (xa 1,5 m). - Bò trong đường hẹp (3 m x 0,4 m) không chệch ra ngoài. 	<ul style="list-style-type: none"> - Chạy liên tục theo hướng thẳng 15 m trong 10 giây. - Ném trúng đích ngang (xa 2 m). - Bò trong đường đích dắc (3 - 4 điểm đích dắc, cách nhau 2m) không chệch ra ngoài. 	<ul style="list-style-type: none"> - Ném trúng đích đứng (cao 1,5 m, xa 2m). - Bò vòng qua 5 - 6 điểm đích dắc, cách nhau 1,5 m theo đúng yêu cầu.
		<p>2.5. Trẻ có kỹ năng thực hiện các vận động bật, nhảy khéo léo, nhanh nhẹn theo sự hướng dẫn (bật – nhảy)</p>	
<p>3. Thực hiện và phối hợp được các cử động của bàn tay, ngón tay, phối hợp tay - mắt</p>	<p>3.1. Thực hiện được các vận động:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xoay tròn cổ tay. - Gập, đan ngón tay vào nhau. 	<p>3.1. Thực hiện được các vận động:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cuộn - xoay tròn cổ tay. - Gập, mở, các ngón tay. 	<p>3.1. Thực hiện được các vận động:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Uốn ngón tay, bàn tay; xoay cổ tay. - Gập, mở lần lượt từng ngón tay.
	<p>3.2. Phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay trong một số hoạt động: vẽ, tô, cắt, xé, xếp chồng, cài, cời, đan tết, cuộn, luồn, đóng mở nắp chai, lọ, hộp; đập, gõ, đóng...</p>	<p>3.2. Phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay, phối hợp tay - mắt trong một số hoạt động:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vẽ hình người, nhà, cây. - Cắt thành thạo theo đường thẳng. - Xây dựng, lắp ráp với 10 - 12 khối. - Biết tết sợi đôi. - Tự cài, cời cúc, buộc dây giày. 	<p>3.2. Phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay, phối hợp tay - mắt trong một số hoạt động:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vẽ hình và sao chép các chữ cái, chữ số. - Cắt được theo đường viền của hình vẽ. - Xếp chồng 12 - 15 khối theo mẫu. - Ghép và dán hình đã cắt theo mẫu. - Tự cài, cời cúc, khâu

			dây giày, cài quai dép, kéo khóa (phéc mơ tuya).[58]
--	--	--	--

b) Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe

Kết quả mong đợi	3 - 4 tuổi	4 - 5 tuổi	5 - 6 tuổi
1. Có cân nặng chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi.	Trẻ khỏe mạnh, có cân nặng chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi.		
2. Biết một số món ăn, thực phẩm thông thường và ích lợi của chúng đối với sức khỏe	1.1. Nói đúng tên một số thực phẩm quen thuộc khi nhìn vật thật hoặc tranh ảnh (thịt, cá, trứng, sữa, rau...).	1.1. Biết một số thực phẩm cùng nhóm và có thể lựa chọn được thực phẩm khi được gọi tên nhóm: - Thịt, cá,... có nhiều chất đạm. - Rau, quả chín có nhiều vitamin.	1.1. Lựa chọn được một số thực phẩm khi được gọi tên nhóm: - Thực phẩm giàu chất đạm: thịt, cá... - Thực phẩm giàu vitamin và muối khoáng: rau, quả...
	1.2. Biết tên một số món ăn hàng ngày: trứng rán, cá kho, canh rau...	1.2. Nói được tên một số món ăn hàng ngày và dạng chế biến đơn giản: rau có thể luộc, nấu canh; thịt có thể luộc, rán, kho; gạo nấu cơm, nấu cháo...	
	1.3. Biết ăn để chóng lớn, khỏe mạnh và chấp nhận ăn nhiều loại thức ăn khác nhau.	1.3. Biết ăn nhiều loại thức ăn khác nhau để có đủ chất dinh dưỡng; ăn chín, uống nước đun sôi để khỏe mạnh; uống nhiều nước ngọt, nước có gas, ăn nhiều đồ ngọt dễ béo phì không có lợi cho	1.3. Biết ăn nhiều loại thức ăn, ăn chín, uống nước đun sôi để khỏe mạnh; uống nhiều nước ngọt, nước có gas, ăn nhiều đồ ngọt dễ béo phì không có lợi cho sức khỏe.

		sức khỏe.	
2. Thực hiện được một số việc tự phục vụ trong sinh hoạt	2.1. Thực hiện được một số việc đơn giản với sự giúp đỡ của người lớn: - Rửa tay, lau mặt, súc miệng. - Tháo tất, cởi quần, áo...	2.1. Thực hiện được một số việc khi được nhắc nhở: - Tự rửa tay bằng xà phòng. Tự lau mặt, đánh răng. - Tự thay quần, áo khi bị ướt, bẩn. - Đi vệ sinh đúng nơi quy định...	2.1. Thực hiện được một số việc đơn giản: - Tự rửa tay bằng xà phòng. Tự lau mặt, đánh răng. - Tự thay quần, áo khi bị ướt, bẩn và để vào nơi quy định. - Đi vệ sinh đúng nơi quy định, biết đi xong dội/giặt nước cho sạch.
	2.2. Sử dụng bát, thìa, cốc, nĩa, dao, kẹp... đúng cách.	2.2. Dùng được nĩa, dao, kẹp... Tự cầm bát, thìa xúc ăn gọn gàng, không rơi vãi, đổ thức ăn.	2.2. Sử dụng đồ dùng phục vụ ăn uống thành thạo.
3. Có một số hành vi và thói quen tốt trong sinh hoạt và giữ gìn sức khỏe	3.1. Có một số hành vi tốt trong ăn uống khi được nhắc nhở: uống nước đã đun sôi...	3.1. Có một số hành vi tốt trong ăn uống: - Mời cô, mời bạn khi ăn; ăn từ tốn, nhai kỹ. - Chấp nhận ăn rau và ăn nhiều loại thức ăn khác nhau... - Không uống nước lã.	3.1. Có một số hành vi và thói quen tốt trong ăn uống: - Mời cô, mời bạn khi ăn và ăn từ tốn. - Không đùa nghịch, không làm đổ vãi thức ăn. - Ăn nhiều loại thức ăn khác nhau. - Không uống nước lã, ăn quà vặt ngoài đường.
	3.2. Có một số hành vi tốt trong vệ sinh, phòng bệnh khi được nhắc nhở: - Chấp nhận: Vệ	3.2. Có một số hành vi tốt trong vệ sinh, phòng bệnh khi được nhắc nhở: - Vệ sinh răng	3.2. Có một số hành vi và thói quen tốt trong vệ sinh, phòng bệnh: - Vệ sinh răng miệng:

	<p>sinh răng miệng, đội mũ khi ra nắng, mặc áo ấm, đi tất khi trời lạnh, đi dép, giày khi đi học.</p> <p>Biết nói với người lớn khi bị đau, chảy máu.</p>	<p>miệng, đội mũ khi ra nắng, mặc áo ấm, đi tất khi trời lạnh. đi dép giày khi đi học.</p> <p>- Biết nói với người lớn khi bị đau, chảy máu hoặc sốt....</p> <p>- Đi vệ sinh đúng nơi quy định.</p> <p>- Bỏ rác đúng nơi quy định.</p>	<p>sau khi ăn hoặc trước khi đi ngủ, sáng ngủ dậy.</p> <p>- Ra nắng đội mũ; đi tất, mặc áo ấm khi trời lạnh.</p> <p>- Nói với người lớn khi bị đau, chảy máu hoặc sốt....</p> <p>- Che miệng khi ho, hắt hơi.</p> <p>- Đi vệ sinh đúng nơi quy định.</p> <p>- Bỏ rác đúng nơi quy định; không nhổ bậy ra lớp.</p>
4. Biết một số nguy cơ không an toàn và phòng tránh	<p>4.1. Nhận ra và tránh một số vật dụng nguy hiểm (bàn là, bếp đang đun, phích nước nóng...) khi được nhắc nhở.</p>	<p>4.1. Nhận ra và nói được bàn là, bếp đang đun, phích nước nóng... là những vật dụng nguy hiểm khi đến gần. không nghịch các vật sắc, nhọn.</p>	<p>4.1. Biết bàn là, bếp điện, bếp lò đang đun, phích nước nóng... là những vật dụng nguy hiểm và nói được mỗi nguy hiểm khi đến gần; không nghịch các vật sắc, nhọn.</p>
	<p>4.2. Có khả năng nhận ra và biết tránh nơi nguy hiểm (hồ, ao, bể chứa nước, giếng, hố vôi...) khi được nhắc nhở.</p>	<p>4.2. Nhận ra những nơi như: hồ, ao, nương nước, suối, bể chứa nước... là nơi nguy hiểm và nói được mỗi nguy hiểm khi đến gần, không được chơi gần.</p>	<p>4.2. Biết những nơi như: hồ, ao, bể chứa nước, giếng, bụi rậm... là nguy hiểm và nói được mỗi nguy hiểm khi đến gần.</p>
	<p>4.3. Biết tránh một số hành động nguy hiểm khi được nhắc nhở:</p> <p>- Không cưỡi đùa</p>	<p>4.3. Biết một số hành động nguy hiểm và phòng tránh khi được nhắc nhở:</p>	<p>4.3. Nhận biết được nguy cơ không an toàn khi ăn uống và phòng tránh:</p>

	<p>trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt....</p> <p>- Không tự lấy thuốc uống.</p>	<p>- Không cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt....</p>	<p>- Biết cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt để bị hóc sặc,....</p>
	<p>- Không leo trèo bàn ghế, lan can.</p> <p>- Không nghịch các vật sắc nhọn.</p> <p>- Không theo người lạ ra khỏi khu vực trường lớp.</p>	<p>- Không ăn thức ăn có mùi ôi; không ăn lá, quả lạ... không uống rượu, bia, cà phê; không tự ý uống thuốc khi không được phép của người lớn.</p> <p>- Không được ra khỏi trường khi không được phép của cô giáo.</p>	<p>- Biết không tự ý uống thuốc.</p> <p>- Biết ăn thức ăn có mùi ôi; ăn lá, quả lạ để bị ngộ độc; uống rượu, bia, cà phê, hút thuốc lá không tốt cho sức khỏe.</p>
		<p>4.4. Nhận ra một số trường hợp nguy hiểm và gọi người giúp đỡ:</p> <p>- Biết gọi người lớn khi gặp một số trường hợp khẩn cấp: cháy, có người rơi xuống nước, ngã chảy máu.</p>	<p>4.4. Nhận biết được một số trường hợp không an toàn và gọi người giúp đỡ:</p> <p>- Biết gọi người lớn khi gặp trường hợp khẩn cấp: cháy, có bạn/người rơi xuống nước, ngã chảy máu ...</p> <p>- Biết tránh một số trường hợp không an toàn:</p>
	<p>- Biết gọi người giúp đỡ khi bị lạc. Nói được tên, địa chỉ gia đình, số điện thoại người thân khi cần thiết.</p>		<p>+ Khi người lạ bế ẵm, cho kẹo bánh, uống nước ngọt, rủ đi chơi.</p> <p>+ Ra khỏi nhà, khu vực trường, lớp khi không được phép của người lớn, cô giáo.</p> <p>- Biết được địa chỉ nơi ở, số điện thoại gia</p>

		đình, người thân và khi bị lạc biết hỏi, gọi người lớn giúp đỡ.
	<p>4.5. Thực hiện một số quy định ở trường, nơi công cộng về an toàn:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Không tự ý đi chơi. - Đi bộ trên hè; đi sang đường phải có người lớn dắt; đội mũ an toàn khi ngồi trên xe máy. - Không leo trèo cây, ban công, tường rào... 	<p>4.5. Thực hiện một số quy định ở trường, nơi công cộng về an toàn:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sau giờ học về nhà ngay, không tự ý đi chơi. - Đi bộ trên hè; đi sang đường phải có người lớn dắt; đội mũ an toàn khi ngồi trên xe máy. - Không leo trèo cây, ban công, tường rào...

II. GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC

a) Khám phá khoa học

Kết quả mong đợi	3 - 4 tuổi	4 - 5 tuổi	5 - 6 tuổi
1. Xem xét và tìm hiểu đặc điểm của các sự vật, hiện tượng	1.1. Quan tâm, hứng thú với các sự vật, hiện tượng gần gũi, như chăm chú quan sát sự vật, hiện tượng; hay đặt câu hỏi về đối tượng.	1.1. Khám phá các sự vật, hiện tượng xung quanh như đặt câu hỏi về sự vật hiện tượng: Tại sao có mưa?... Vì sao cây lại héo?	1.1. Tò mò tìm tòi, khám phá các sự vật, hiện tượng xung quanh như đặt câu hỏi về sự vật, hiện tượng: Tại sao có mưa?...
	1.2. Sử dụng các giác quan để xem xét, tìm hiểu đối tượng: nhìn, nghe, ngửi, sờ,.. để nhận ra đặc điểm nổi bật của đối tượng.	1.2. Phối hợp các giác quan để xem xét sự vật, hiện tượng như kết hợp nhìn, sờ, ngửi, ném... để tìm hiểu đặc điểm của đối tượng.	1.2. Phối hợp các giác quan để quan sát, xem xét và thảo luận về sự vật, hiện tượng như sử dụng các giác quan khác nhau để xem xét lá, hoa, quả... và thảo luận về đặc điểm của đối tượng.

	1.3. Làm thử nghiệm đơn giản với sự giúp đỡ của người lớn để quan sát, tìm hiểu đối tượng. Ví dụ: Thả các vật vào nước để nhận biết vật chìm hay nổi.	1.3. Làm thử nghiệm và sử dụng công cụ đơn giản để quan sát, so sánh, dự đoán, nhận xét và thảo luận theo khả năng. Ví dụ: Pha màu/đường/ muối vào nước, dự đoán, quan sát, so sánh.	1.3. Làm thử nghiệm và sử dụng công cụ đơn giản để quan sát, so sánh, dự đoán, nhận xét và thảo luận. Ví dụ: Thử nghiệm gieo hạt/trồng cây được tưới nước và không tưới, theo dõi và so sánh sự phát triển.
	1.4. Thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau có sự gợi mở của cô giáo như xem sách, tranh ảnh và trò chuyện về đối tượng.	1.4. Thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau: xem sách, tranh ảnh, nhận xét và trò chuyện.	1.4. Thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau: xem sách tranh ảnh, băng hình, trò chuyện và thảo luận.
	1.5. Phân loại các đối tượng theo một dấu hiệu nổi bật.	1.5. Phân loại các đối tượng theo một hoặc hai dấu hiệu.	1.5. Phân loại các đối tượng theo những dấu hiệu khác nhau.
2. Nhận biết mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng và giải quyết vấn đề đơn giản	Nhận ra một vài mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng quen thuộc khi được hỏi.	2.1. Nhận xét được một số mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng gần gũi. Ví dụ: “Cho thêm đường/ muối nên nước ngọt/ mặn hơn”	2.1. Nhận xét được mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng. Ví dụ: “Nắp cốc có những giọt nước do nước nóng bốc hơi”.
		2.2. Sử dụng cách thức thích hợp để giải quyết vấn đề đơn giản. Ví dụ: Làm cho ván dốc hơn để ô tô đồ chơi chạy nhanh hơn.	2.2. Giải quyết vấn đề đơn giản bằng các cách khác nhau.

3. Thể hiện hiểu biết về đối tượng bằng các cách khác nhau	3.1. Mô tả những dấu hiệu nổi bật của đối tượng được quan sát với sự gợi mở của cô giáo.	3.1. Nhận xét, trò chuyện về đặc điểm, sự khác nhau, giống nhau của các đối tượng được quan sát.	3.1. Nhận xét, thảo luận về đặc điểm, sự khác nhau, giống nhau của các đối tượng được quan sát.
	3.2. Thể hiện một số điều quan sát được qua các hoạt động chơi, âm nhạc, tạo hình...[59] - [60] - [61] - [62]	3.2. Thể hiện một số hiểu biết về đối tượng qua hoạt động chơi, âm nhạc và tạo hình...[63] - [64] - [65] - [66]	3.2. Thể hiện hiểu biết về đối tượng qua hoạt động chơi, âm nhạc và tạo hình...[67] - [68] - [69] - [70]

b) Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán

Kết quả mong đợi	3 - 4 tuổi	4 - 5 tuổi	5 - 6 tuổi
1. Nhận biết số đếm, số lượng	1.1. Quan tâm đến số lượng và đếm như hay hỏi về số lượng, đếm vẹt, biết sử dụng ngón tay để biểu thị số lượng.	1.1. Quan tâm đến chữ số, số lượng như thích đếm, nói, hỏi các vật ở xung quanh: bao nhiêu? là số mấy? Đây là mấy	1.1. Quan tâm đến các con số như thích nói về số lượng và đếm, hỏi: bao nhiêu? đây là mấy?...
	1.2. Đếm trên các đối tượng giống nhau và đếm đến 5.	1.2. Đếm trên đối tượng trong phạm vi 10, đếm theo khả năng.	1.2. Đếm trên đối tượng trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng.
	1.3. So sánh số lượng hai nhóm đối tượng trong phạm vi 5 bằng các cách khác nhau và nói được các từ: bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn.	1.3. So sánh số lượng của hai nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau và nói được các từ: bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn.	1.3. So sánh số lượng của ba nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau và nói được kết quả: bằng nhau, nhiều nhất, ít hơn, ít nhất.

	1.4. Biết gộp và đếm hai nhóm đối tượng cùng loại có tổng trong phạm vi 5.	1.4. Gộp hai nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 5, đếm và nói kết quả.	1.4. Gộp các nhóm đối tượng trong phạm vi 10 và đếm.
	1.5. Tách một nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 5 thành hai nhóm.	1.5. Tách một nhóm đối tượng thành hai nhóm nhỏ hơn bằng một hoặc nhiều cách khác nhau theo khả năng	1.5. Tách một nhóm đối tượng trong phạm vi 10 thành hai nhóm bằng các cách khác nhau.
		1.6. Sử dụng các số từ 1 - 5 để chỉ số lượng, số thứ tự.	1.6. Nhận biết các số từ 5 - 10 và sử dụng các số đó để chỉ số lượng, số thứ tự.
		1.7. Trẻ nhận biết các con số được sử dụng trong cuộc sống hằng ngày	1.7. Nhận biết các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày.
2. Sắp xếp theo quy tắc	Nhận ra quy tắc sắp xếp đơn giản (mẫu) và sao chép lại.	2.1. Trẻ biết sắp xếp của ít nhất ba đối tượng theo trình tự nhất định theo yêu cầu.	2.1. Biết sắp xếp các đối tượng theo trình tự nhất định theo yêu cầu.
		2.2. Nhận ra quy tắc sắp xếp (mẫu) và sao chép lại.	2.2. Nhận ra quy tắc sắp xếp (mẫu) và sao chép lại.
			2.3. Sáng tạo ra mẫu sắp xếp và tiếp tục sắp xếp.
3. So sánh hai đối tượng	So sánh hai đối tượng về kích thước và nói được các từ: to hơn/ nhỏ hơn; dài hơn/ ngắn hơn; cao hơn/ thấp hơn; bằng nhau.	Sử dụng được[71] dụng cụ để đo độ dài, dung tích của 2 đối tượng, nói kết quả đo và so sánh.	Sử dụng được[72] một số dụng cụ để đo, đong và so sánh, nói kết quả.
4. Nhận	Nhận dạng và gọi	4.1. Trẻ biết gọi tên	Gọi tên và chỉ ra các

biết hình dạng	tên các hình: tròn, vuông, tam giác, chữ nhật.	và chỉ ra được các điểm giống, khác nhau giữa hai hình (tròn và tam giác, vuông và chữ nhật,....).	điểm giống, khác nhau giữa hai khối cầu và khối trụ, khối vuông và khối chữ nhật.
		4.2. Sử dụng các vật liệu khác nhau để tạo ra các hình đơn giản.	
5. Nhận biết vị trí trong không gian và định hướng thời gian	Sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đối tượng trong không gian so với bản thân.	5.1. Sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đồ vật so với người khác.	5.1. Sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đồ vật so với vật làm chuẩn.
		5.2. Mô tả các sự kiện xảy ra theo trình tự thời gian trong ngày. Nhận biết hôm qua- hôm nay-ngày mai. Biết các thứ trong tuần, các mùa trong năm.	5.2. Gọi đúng tên các thứ trong tuần, các mùa trong năm.

c) Khám phá xã hội

Kết quả mong đợi	3 - 4 tuổi	4 - 5 tuổi	5 - 6 tuổi
1. Nhận biết bản thân, gia đình, trường lớp mầm non và cộng đồng	1.1. Nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện.	1.1. Nói họ và tên, tuổi, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện.	1.1. Nói đúng họ, tên, ngày sinh, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện.
	1.2. Nói được tên của bố mẹ và các thành viên trong gia đình.	1.2. Trẻ nói tên, tuổi, giới tính, công việc hàng ngày của thành viên trong gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem ảnh về gia đình.	1.2. Nói tên, tuổi, giới tính, công việc hàng ngày của các thành viên trong gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem ảnh về gia đình.

	1.3. Nói địa chỉ của gia đình mình	1.3. Nói địa chỉ của gia đình mình (số nhà, đường phố/thôn, xóm) khi được hỏi, trò chuyện.	1.3. Nói địa chỉ gia đình mình (số nhà, đường phố/thôn, xóm), số điện thoại (nếu có)... khi được hỏi, trò chuyện.
	1.4. Nói được tên trường/lớp, cô giáo, bạn, đồ chơi, đồ dùng trong lớp khi được hỏi, trò chuyện.	1.4. Nói tên và địa chỉ của trường, lớp khi được hỏi, trò chuyện.	1.4. Nói tên, địa chỉ và mô tả một số đặc điểm nổi bật của trường, lớp khi được hỏi, trò chuyện.
		1.5. Nói tên, một số công việc của cô giáo trong trường khi được hỏi, trò chuyện.	1.5. Nói tên, công việc của cô giáo trong trường khi được hỏi, trò chuyện.
		1.6. Nói tên và một vài đặc điểm của các bạn trong lớp khi được hỏi, trò chuyện.	1.6. Nói họ tên và đặc điểm của các bạn trong lớp khi được hỏi, trò chuyện.
2. Nhận biết một số nghề phổ biến và nghề truyền thống ở địa phương	Kể tên và nói được sản phẩm của nghề nông, nghề xây dựng... khi được hỏi, xem tranh.	Kể tên, công việc, công cụ, sản phẩm/ích lợi... của một số nghề khi được hỏi, trò chuyện. Nói được đặc điểm của một số nghề.	Nói đặc điểm và sự khác nhau của một số nghề. Ví dụ: nói “Nghề nông làm ra lúa gạo, nghề xây dựng xây nên những ngôi nhà mới ...”
3. Nhận biết một số lễ hội và danh lam, thắng cảnh	3.1. Kể tên một số lễ hội: Ngày khai giảng, Tết Trung thu... qua trò chuyện, tranh ảnh.	3.1. Kể tên và nói đặc điểm và hoạt động nổi bật của một số ngày lễ hội.	3.1. Kể tên một số lễ hội và nói về hoạt động nổi bật của những dịp lễ hội. Ví dụ nói: “Ngày Quốc khánh (ngày 02/9) cả phố em treo cờ, bố mẹ được nghỉ làm và cho em đi chơi công viên...”.

	3.2. Kể tên một vài danh lam, thắng cảnh ở địa phương.	3.2. Kể tên và nêu một vài đặc điểm của cảnh đẹp, di tích lịch sử ở địa phương.	3.2. Kể tên và nêu một vài nét đặc trưng của danh lam, thắng cảnh, di tích lịch sử của quê hương, đất nước.
--	--	---	---

III. GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ

Kết quả mong đợi	3 - 4 tuổi	4 - 5 tuổi	5 - 6 tuổi
1. Nghe hiểu lời nói	1.1. Thực hiện được yêu cầu đơn giản, ví dụ: “Cháu hãy lấy quả bóng, ném vào rổ”.	1.1. Thực hiện được các yêu cầu trong hoạt động tập thể	1.1. Thực hiện được các yêu cầu trong hoạt động tập thể, ví dụ: “Các bạn có tên bắt đầu bằng chữ cái T đứng sang bên phải, các bạn có tên bắt đầu bằng chữ H đứng sang bên trái”.
	1.2. Hiểu nghĩa từ khái quát gần gũi: quần áo, đồ chơi, hoa, quả...	1.2. Hiểu nghĩa từ khái quát: rau quả, con vật, đồ gỗ...	1.2. Hiểu nghĩa từ khái quát: phương tiện giao thông, động vật, thực vật, đồ dùng (đồ dùng gia đình, đồ dùng học tập,...).
	1.3. Lắng nghe và trả lời được câu hỏi của người đối thoại.	1.3. Lắng nghe và trao đổi với người đối thoại. Có khả năng nghe hiểu nội dung câu chuyện, thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ, câu đố, hò, vè phù hợp với độ tuổi.	1.3. Lắng nghe và nhận xét ý kiến của người đối thoại. Nghe hiểu nội dung câu chuyện, thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ, câu đố, hò, vè phù hợp với độ tuổi.
2. Sử dụng lời nói trong cuộc sống hàng ngày	2.1. Nói rõ các tiếng.	2.1. Trẻ có thể nói rõ ràng về sự việc, hiện tượng nào đó để người nghe có thể hiểu được.	2.1. Kể rõ ràng, có trình tự về sự việc, hiện tượng nào đó để người nghe có thể hiểu được.

2.2. Sử dụng được các từ thông dụng chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm...	2.2. Sử dụng được các từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm,...	2.2. Sử dụng các từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm,... phù hợp với ngữ cảnh.
2.3. Sử dụng được câu đơn, câu ghép.	2.3. Sử dụng được các loại câu đơn, câu ghép, câu khẳng định, câu phủ định.	2.3. Dùng được câu đơn, câu ghép, câu khẳng định, câu phủ định, câu mệnh lệnh,...
2.4. Kể lại được những sự việc đơn giản đã diễn ra của bản thân như: thăm ông bà, đi chơi, xem phim,...	2.4. Kể lại sự việc theo trình tự.	2.4. Miêu tả sự việc với một số[73] thông tin về hành động, tính cách, trạng thái,... của nhân vật.
2.5. Đọc thuộc bài thơ, ca dao, đồng dao...	2.5. Đọc thuộc và đọc diễn cảm bài thơ, đồng dao, ca dao....	2.5. Đọc biểu cảm bài thơ, đồng dao, ca dao...
2.6. Kể lại truyện đơn giản đã được nghe với sự giúp đỡ của người lớn.	2.6. Kể chuyện có mở đầu, kết thúc.	2.6. Kể có thay đổi một vài tình tiết như thay tên nhân vật, thay đổi kết thúc, thêm bớt sự kiện... trong nội dung truyện.
2.7. Bắt chước giọng nói của nhân vật trong truyện.	2.7. Bắt chước giọng nói, điệu bộ của nhân vật trong truyện và có thể đóng được vai đơn giản của nhân vật trong truyện	2.7. Đóng được vai của nhân vật trong truyện.
2.8. Sử dụng các từ vâng ạ, dạ, thưa,... trong giao tiếp.	2.8. Sử dụng các từ như mời cô, mời bạn, cảm ơn, xin lỗi ... phù hợp với tình huống.	2.8. Sử dụng các từ: cảm ơn, xin lỗi, xin phép, thưa, dạ, vâng... phù hợp với tình huống.

	2.9. Nói đủ nghe, không nói lý nhí.	2.9. Điều chỉnh giọng nói phù hợp với hoàn cảnh khi được nhắc nhở.	2.9. Điều chỉnh giọng nói phù hợp với ngữ cảnh.
3. Làm quen với việc đọc - viết	3.1. Đề nghị người khác đọc sách cho nghe, tự giở sách xem tranh.	3.1. Chọn sách để “đọc” và xem.	3.1. Chọn sách để “đọc” và xem.
	3.2. Nhìn vào tranh minh họa và gọi tên nhân vật, sự vật, hiện tượng... trong tranh.	3.2. Mô tả hành động của các nhân vật trong tranh.	3.2. Kể truyện theo tranh minh họa và kinh nghiệm của bản thân.
		3.3. Cầm sách đúng chiều và giở từng trang để xem tranh ảnh. “đọc” sách theo tranh minh họa (“đọc vẹt”). Biết cách “đọc sách” từ trái sang phải, từ trên xuống dưới, từ đầu sách đến cuối sách.	3.3. Biết cách “đọc sách” từ trái sang phải, từ trên xuống dưới, từ đầu sách đến cuối sách.
		3.4. Nhận ra ký hiệu thông thường trong cuộc sống: nhà vệ sinh, cấm lửa, nơi nguy hiểm,..	3.4. Nhận ra ký hiệu thông thường: nhà vệ sinh, nơi nguy hiểm, lối ra - vào, cấm lửa, biển báo giao thông...
		3.5. Nhận dạng các chữ trong bảng chữ cái tiếng Việt.	3.5. Nhận dạng các chữ trong bảng chữ cái tiếng Việt, trong từ.
	3.3. Thích vẽ, ‘viết’ nguệch ngoạc.	3.6. Tô, đồ, xếp, sao chép các nét, các chữ cái theo mẫu.	3.6. Tô, đồ các nét chữ, sao chép một số ký hiệu, chữ cái, tên của mình.

		3.7. Trẻ có hành vi giữ gìn, bảo vệ sách.	3.7. Trẻ có hành vi giữ gìn, bảo vệ sách.
--	--	---	---

IV. GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN TÌNH CẢM VÀ KỸ NĂNG XÃ HỘI

Kết quả mong đợi	3 - 4 tuổi	4 - 5 tuổi	5 - 6 tuổi
1. Thể hiện ý thức về bản thân	1.1. Nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân.	1.1. Nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân, tên bố, mẹ.	1.1. Nói được họ tên, tuổi, giới tính của bản thân, tên bố, mẹ, địa chỉ nhà hoặc điện thoại.
	1.2. Nói được điều bé thích, không thích.	1.2. Nói được điều bé thích, không thích, những việc gì bé có thể làm được.	1.2. Nói được điều bé thích, không thích, những việc bé làm được và việc gì bé không làm được.
		1.3. Nói được mình có điểm gì giống và khác bạn (dáng vẻ bên ngoài, giới tính, sở thích và khả năng).	1.3. Nói được mình có điểm gì giống và khác bạn (dáng vẻ bên ngoài, giới tính, sở thích và khả năng).
		1.4. Biết mình là con/cháu/anh/chi/em trong gia đình.	1.4. Biết mình là con/cháu/anh/chi/em trong gia đình.
		1.5. Biết vâng lời, giúp đỡ bố mẹ, cô giáo những việc vừa sức.	1.5. Biết vâng lời, giúp đỡ bố mẹ, cô giáo những việc vừa sức.
2. Thể hiện sự tự tin, tự lực	2.1. Mạnh dạn tham gia vào các hoạt động, mạnh dạn khi trả lời câu hỏi.	2.1. Tự làm một số việc đơn giản hằng ngày (vệ sinh cá nhân, trực nhật, chơi...).	2.1. Tự làm một số việc đơn giản hằng ngày (vệ sinh cá nhân, trực nhật, chơi...).
	2.2. Cố gắng thực	2.2. Cố gắng hoàn	2.2. Cố gắng tự hoàn

	hiện công việc đơn giản được giao (chia giấy vẽ, xếp đồ chơi,...).	thành công việc được giao (trục nhật, dọn đồ chơi).	thành công việc được giao.
3. Nhận biết và thể hiện cảm xúc, tình cảm với con người, sự vật, hiện tượng xung quanh	3.1. Nhận ra cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận qua nét mặt, giọng nói, qua tranh ảnh.	3.1. Nhận biết cảm xúc vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên qua nét mặt, lời nói, cử chỉ, qua tranh, ảnh.	3.1. Nhận biết được một số trạng thái cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ qua tranh; qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói của người khác.
	3.2. Biết biểu lộ cảm xúc vui, buồn, sợ hãi, tức giận.	3.2. Biết biểu lộ một số cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên.	3.2. Biết biểu lộ cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ.
			3.3. Biết an ủi và chia vui với người thân và bạn bè.
	3.3. Nhận ra hình ảnh Bác Hồ.	3.3. Nhận ra hình ảnh Bác Hồ, lăng Bác Hồ.	3.4. Nhận ra hình ảnh Bác Hồ và một số địa điểm gắn với hoạt động của Bác Hồ (chỗ ở, nơi làm việc...)
	3.4. Thích nghe kể chuyện, nghe hát, đọc thơ, xem tranh ảnh về Bác Hồ.	3.4. Thể hiện tình cảm đối với Bác Hồ qua hát, đọc thơ, cùng cô kể chuyện về Bác Hồ.	3.5. Thể hiện tình cảm đối với Bác Hồ qua hát, đọc thơ, cùng cô kể chuyện về Bác Hồ.
		3.5. Biết một vài cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, đất nước.	3.6. Biết một vài cảnh đẹp, di tích lịch sử, lễ hội và một vài nét văn hóa truyền thống (trang phục, món ăn...) của quê hương, đất nước.

4. Hành vi và quy tắc ứng xử xã hội	4.1. Thực hiện được một số quy định ở lớp và gia đình: Sau khi chơi xếp cát đồ chơi, không tranh giành đồ chơi, vâng lời bố mẹ.	4.1. Thực hiện được một số quy định ở lớp, gia đình và nơi công cộng: Sau khi chơi cát đồ chơi vào nơi quy định, giờ ngủ không làm ồn, vâng lời ông bà, bố mẹ, không làm ồn nơi công cộng	4.1. Thực hiện được một số quy định ở lớp, gia đình và nơi công cộng: Sau khi chơi cát đồ chơi vào nơi quy định, không làm ồn nơi công cộng, vâng lời ông bà, bố mẹ, anh chị, muốn đi chơi phải xin phép.
	4.2. Biết chào hỏi và nói cảm ơn, xin lỗi khi được nhắc nhở...	4.2. Biết nói cảm ơn, xin lỗi, chào hỏi lễ phép.	4.2. Biết nói cảm ơn, xin lỗi, chào hỏi lễ phép.
	4.3. Chú ý nghe khi cô, bạn nói.	4.3. Chú ý nghe khi cô, bạn nói, không ngắt lời người khác	4.3. Chú ý nghe khi cô, bạn nói, không ngắt lời người khác.
		4.4. Biết chờ đến lượt khi được nhắc nhở.	4.4. Biết chờ đến lượt.
	4.4. Cùng chơi với các bạn trong các trò chơi theo nhóm nhỏ.	4.5. Biết trao đổi, thỏa thuận với bạn để cùng thực hiện hoạt động chung (chơi, trực nhật...).	4.5. Biết lắng nghe ý kiến, trao đổi, thỏa thuận, chia sẻ kinh nghiệm với bạn.
		4.6. Trẻ biết tìm cách để giải quyết mâu thuẫn (dùng lời, nhờ sự can thiệp của người khác, chấp nhận nhường nhịn).	4.6. Biết tìm cách để giải quyết mâu thuẫn (dùng lời, nhờ sự can thiệp của người khác, chấp nhận nhường nhịn).
5. Quan tâm đến môi trường	5.1. Thích quan sát cảnh vật thiên nhiên và chăm sóc cây.	5.1. Thích chăm sóc cây, con vật thân thuộc. 5.1. Thích chăm sóc cây, con vật thân thuộc.	
	5.2. Bỏ rác đúng nơi quy định.	5.2. Bỏ rác đúng nơi quy định.	5.2. Bỏ rác đúng nơi quy định.

		5.3. Không bẻ cành, bứt hoa.	5.3. Biết nhắc nhở người khác giữ gìn, bảo vệ môi trường (không xả rác bừa bãi, bẻ cành, hái hoa...).
		5.4. Không để tràn nước khi rửa tay, tắt quạt, tắt điện khi ra khỏi phòng.	5.4. Tiết kiệm trong sinh hoạt: tắt điện, tắt quạt khi ra khỏi phòng, khóa vòi nước sau khi dùng, không để thừa thức ăn.

V. GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN THẨM MỸ

Kết quả mong đợi	3 - 4 tuổi	4 - 5 tuổi	5 - 6 tuổi
1. Cảm nhận và thể hiện cảm xúc trước vẻ đẹp của thiên nhiên, cuộc sống và các tác phẩm nghệ thuật[74]	1.1. Vui sướng, vỗ tay, nói lên cảm nhận của mình khi nghe các âm thanh gợi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp nổi bật của các sự vật, hiện tượng.	1.1. Vui sướng, vỗ tay, làm động tác mô phỏng và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình khi nghe các âm thanh gợi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng.	1.1. Tán thưởng, tự khám phá, bắt chước âm thanh, dáng điệu và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình khi nghe các âm thanh gợi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng.
	1.2. Chú ý nghe, thích được hát theo, vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư theo bài hát, bản nhạc; thích nghe đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ; thích nghe kể câu chuyện[75].	1.2. Chú ý nghe, thích thú (hát, vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư, thể hiện động tác minh họa) theo bài hát, bản nhạc; thích nghe và đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ; thích nghe và kể câu chuyện[76].	1.2. Chăm chú lắng nghe và hưởng ứng cảm xúc (hát theo, nhún nhảy, lắc lư, thể hiện động tác minh họa phù hợp) theo bài hát, bản nhạc; thích nghe và đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ; thích nghe và kể câu chuyện[77].

	1.3. Vui sướng, chỉ, sờ, ngắm nhìn và nói lên cảm nhận của mình trước vẻ đẹp nổi bật (về màu sắc, hình dáng...) của các tác phẩm tạo hình.	1.3. Thích thú, ngắm nhìn, chỉ, sờ và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình (về màu sắc, hình dáng...) của các tác phẩm tạo hình.	1.3. Thích thú, ngắm nhìn và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình (về màu sắc, hình dáng, bố cục...) của các tác phẩm tạo hình.
2. Một số kỹ năng trong hoạt động âm nhạc[78] và hoạt động tạo hình[79]	2.1. Hát tự nhiên, hát được theo giai điệu bài hát quen thuộc.	2.1. Hát đúng giai điệu, lời ca, hát rõ lời, hát diễn cảm và thể hiện sắc thái của bài hát qua giọng hát, nét mặt, điệu bộ...	2.1. Hát đúng giai điệu, lời ca, hát diễn cảm phù hợp với sắc thái, tình cảm của bài hát qua giọng hát, nét mặt, điệu bộ, cử chỉ...
	2.2. Vận động theo nhịp điệu bài hát, bản nhạc (vỗ tay theo phách, nhịp, vận động minh họa).	2.2. Vận động nhịp nhàng phù hợp với sắc thái, nhịp điệu các bài hát, bản nhạc với các hình thức (vỗ tay theo nhịp, tiết tấu, múa).	2.2. Vận động nhịp nhàng phù hợp với sắc thái, nhịp điệu bài hát, bản nhạc với các hình thức (vỗ tay theo các loại tiết tấu, múa).
	2.3. Sử dụng các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra sản phẩm theo sự gợi ý.	2.3. Phối hợp và lựa chọn vật liệu thiên nhiên, các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra sản phẩm.	2.3. Phối hợp và lựa chọn các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu thiên nhiên để tạo ra sản phẩm.
	2.4. Vẽ các nét thẳng, xiên, ngang, tạo thành bức tranh đơn giản.	2.4. Vẽ phối hợp các nét thẳng, xiên, ngang, cong tròn tạo thành bức tranh có màu sắc và bố cục.	2.4. Phối hợp các kỹ năng vẽ để tạo thành bức tranh có màu sắc hài hòa, bố cục cân đối.
	2.5. Xé theo dải, xé vụn và dán thành sản phẩm đơn giản.	2.5. Xé, cắt theo đường thẳng, đường cong... và dán thành sản phẩm có màu sắc, bố cục.	2.5. Phối hợp các kỹ năng cắt, xé dán để tạo thành bức tranh có màu sắc hài hòa, bố cục cân đối.
	2.6. Lăn dọc, xoay	2.6. Làm lốm, dổ	2.6. Phối hợp các kỹ

	tròn, ấn dẹt đất nặn để tạo thành các sản phẩm có 1 khối hoặc 2 khối.	bẹt, bẻ loe, vuốt nhọn, uốn cong đất nặn để nặn thành sản phẩm có nhiều chi tiết.	năng nặn để tạo thành sản phẩm có bố cục cân đối.
	2.7. Xếp chồng, xếp cạnh, xếp cách tạo thành các sản phẩm có cấu trúc đơn giản.	2.7. Phối hợp các kỹ năng xếp hình để tạo thành các sản phẩm có kiểu dáng, màu sắc khác nhau.	2.7. Phối hợp các kỹ năng xếp hình để tạo thành các sản phẩm có kiểu dáng, màu sắc hài hòa, bố cục cân đối.
	2.8. Nhận xét các sản phẩm tạo hình.	2.8. Nhận xét các sản phẩm tạo hình về màu sắc, đường nét, hình dáng.	2.8. Nhận xét các sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng, bố cục.
3. Thể hiện sự sáng tạo khi tham gia các hoạt động nghệ thuật (âm nhạc, tạo hình)	3.1. Vận động theo ý thích các bài hát, bản nhạc quen thuộc.	3.1. Lựa chọn và tự thể hiện hình thức vận động theo bài hát, bản nhạc.	3.1. Tự nghĩ ra các hình thức để tạo ra âm thanh, vận động, hát theo các bản nhạc, bài hát yêu thích.
		3.2. Lựa chọn dụng cụ để gõ đệm theo nhịp điệu, tiết tấu bài hát.	3.2. Gõ đệm bằng dụng cụ theo tiết tấu tự chọn.
	3.2. Tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích.	3.3. Nói lên ý tưởng và tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích.	
	3.3. Đặt tên cho sản phẩm tạo hình.	3.4. Đặt tên cho sản phẩm tạo hình.	

E. CÁC HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC, HÌNH THỨC TỔ CHỨC VÀ PHƯƠNG PHÁP GIÁO DỤC

I. CÁC HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

1. Hoạt động chơi

Hoạt động chơi là hoạt động chủ đạo của trẻ em lứa tuổi mẫu giáo. Trẻ có thể chơi với các loại trò chơi cơ bản sau:

- Trò chơi đóng vai theo chủ đề.

- Trò chơi ghép hình, lắp ráp, xây dựng.
- Trò chơi đóng kịch.
- Trò chơi học tập.
- Trò chơi vận động.
- Trò chơi dân gian.
- Trò chơi với phương tiện công nghệ hiện đại.

2. Hoạt động học

Hoạt động học được tổ chức có chủ định theo kế hoạch dưới sự hướng dẫn trực tiếp của giáo viên. Hoạt động học ở mẫu giáo được tổ chức chủ yếu dưới hình thức chơi.

3. Hoạt động lao động

Hoạt động lao động đối với lứa tuổi mẫu giáo không nhằm tạo ra sản phẩm vật chất mà được sử dụng như một phương tiện giáo dục. Hoạt động lao động đối với trẻ mẫu giáo gồm: lao động tự phục vụ, lao động trực nhật, lao động tập thể.

4. Hoạt động ăn, ngủ, vệ sinh cá nhân

Đây là các hoạt động nhằm hình thành một số nền nếp, thói quen trong sinh hoạt, đáp ứng nhu cầu sinh lý của trẻ, tạo cho trẻ trạng thái thoải mái, vui vẻ.

II. HÌNH THỨC TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

1. Theo mục đích và nội dung giáo dục, có các hình thức

- Tổ chức hoạt động có chủ định của giáo viên và theo ý thích của trẻ.
- Tổ chức lễ, hội: Tổ chức kỷ niệm các ngày lễ hội, các sự kiện quan trọng trong năm liên quan đến trẻ có ý nghĩa giáo dục và mang lại niềm vui cho trẻ (Tết Trung thu, Ngày hội đến trường, lễ hội haloween, ngày hội đọc sách, ngày PNVN 20/10, ngày nhà giáo VN 20/11, ngày thành lập QĐNDVN 22/12, Tết cổ truyền, sinh nhật của trẻ, Ngày hội của các bà, các mẹ, các cô, các bạn gái (8.3), Lễ ra trường, Tết thiếu nhi (ngày 01/6), Lễ hội nước...).

2. Theo vị trí không gian, có các hình thức

- Tổ chức hoạt động trong phòng lớp.
- Tổ chức hoạt động ngoài trời, vườn trường.
- Tổ chức hoạt động tham quan, dã ngoại: Đình Làng An Khê, Bãi biển Thanh Khê, Di tích Mẹ Nhu, Làng nghề Mây tre An Khê....

3. Theo số lượng trẻ, có các hình thức

- Tổ chức hoạt động cá nhân.
- Tổ chức hoạt động theo nhóm.
- Tổ chức hoạt động cả lớp, khối lớp.

- Tổ chức hoạt động theo nhóm nhỏ.

III. PHƯƠNG PHÁP GIÁO DỤC

1. Nhóm phương pháp thực hành, trải nghiệm

- Phương pháp thực hành thao tác với đồ vật, đồ chơi: Trẻ sử dụng và phối hợp các giác quan, làm theo sự chỉ dẫn của giáo viên, hành động đối với các đồ vật, đồ chơi (cầm, nắm, sờ, đóng mở, xếp chồng, xếp cạnh nhau, xâu vào nhau,...) để phát triển giác quan và rèn luyện thao tác tư duy.

- Phương pháp dùng trò chơi: sử dụng các loại trò chơi với các yếu tố chơi phù hợp để kích thích trẻ tự nguyện, hứng thú hoạt động tích cực giải quyết nhiệm vụ nhận thức, nhiệm vụ giáo dục đặt ra.

- Phương pháp nêu tình huống có vấn đề: Đưa ra các tình huống cụ thể nhằm kích thích trẻ tìm tòi, suy nghĩ dựa trên vốn kinh nghiệm để giải quyết vấn đề đặt ra.

- Phương pháp luyện tập: Trẻ thực hành lặp đi lặp lại các động tác, lời nói, cử chỉ, điệu bộ theo yêu cầu của giáo viên nhằm củng cố kiến thức và kỹ năng đã được thu nhận.

2. Nhóm phương pháp trực quan - minh họa (quan sát, làm mẫu, minh họa)

Phương pháp này cho trẻ quan sát, tiếp xúc, giao tiếp với các đối tượng, phương tiện (vật thật, đồ chơi, tranh ảnh); hành động mẫu; hình ảnh tự nhiên, mô hình, sơ đồ và phương tiện nghe nhìn (phim vô tuyến, đài, máy ghi âm, điện thoại, vi tính) thông qua sử dụng các giác quan kết hợp với lời nói nhằm tăng cường vốn hiểu biết, phát triển tư duy và ngôn ngữ của trẻ.

3. Nhóm phương pháp dùng lời nói

Sử dụng các phương tiện ngôn ngữ (đàm thoại, trò chuyện, kể chuyện, giải thích) nhằm truyền đạt và giúp trẻ thu nhận thông tin, kích thích trẻ suy nghĩ, chia sẻ ý tưởng, bộc lộ những cảm xúc, gợi nhớ những hình ảnh và sự kiện bằng lời nói. Lời nói, câu hỏi của giáo viên cần ngắn gọn, cụ thể, gần với kinh nghiệm sống của trẻ.

4. Nhóm phương pháp giáo dục bằng tình cảm và khích lệ

Phương pháp dùng cử chỉ điệu bộ kết hợp với lời nói thích hợp để khuyến khích và ủng hộ trẻ hoạt động nhằm khơi gợi niềm vui, tạo niềm tin, cổ vũ sự cố gắng của trẻ trong quá trình hoạt động.

5. Nhóm phương pháp nêu gương - đánh giá

- Nêu gương: Sử dụng các hình thức khen, chê phù hợp, đúng lúc, đúng chỗ. Biểu dương trẻ là chính, nhưng không lạm dụng.

- Đánh giá: Thể hiện thái độ đồng tình hoặc chưa đồng tình của người lớn, của bạn bè trước việc làm, hành vi, cử chỉ của trẻ. Từ đó đưa ra nhận xét, tự nhận xét trong từng tình huống hoặc hoàn cảnh cụ thể. Không sử dụng các hình phạt làm ảnh hưởng đến sự phát triển tâm - sinh lý của trẻ.

6. Phương pháp montesori

- Tập trung phát triển theo từng giai đoạn
- Khuyến khích việc chơi đùa và hợp tác
- Lấy trẻ làm trung tâm
- Rèn luyện cho trẻ tính kỷ luật và tự giác
- Rèn luyện cho trẻ thói quen ngăn nắp, gọn gàng
- Giúp trẻ có cơ hội trải nghiệm môi trường xung quanh
- Khơi gợi cảm hứng sáng tạo cho trẻ.

7. Phương pháp steam

- Tăng khả năng sáng tạo của trẻ
- Phát triển kỹ năng làm việc nhóm
- Trẻ học được cách giải quyết vấn đề
- Tạo tiền đề cho trẻ phát triển

IV. TỔ CHỨC MÔI TRƯỜNG CHO TRẺ HOẠT ĐỘNG

1. Môi trường vật chất

a) Môi trường cho trẻ hoạt động trong phòng lớp:

- Trang trí phòng lớp đảm bảo thẩm mỹ, thân thiện và phù hợp với nội dung[80], chủ đề giáo dục. Trang trí tạo môi trường ”Lớp học hạnh phúc”

- Xây dựng góc thư viện trong và ngoài lớp cho trẻ làm quen với sách.

- Có các đồ dùng, đồ chơi, nguyên vật liệu đa dạng, phong phú, hấp dẫn trẻ.

- Sắp xếp và bố trí đồ dùng, đồ chơi hợp lý, đảm bảo an toàn và đáp ứng mục đích giáo dục.

- Có khu vực để bố trí chỗ ăn, chỗ ngủ cho trẻ đảm bảo yêu cầu quy định.

- Các khu vực hoạt động bố trí phù hợp, linh hoạt (có thể bố trí cố định hoặc có thể di chuyển), mang tính mở, tạo điều kiện dễ dàng cho trẻ tự lựa chọn và sử dụng đồ vật, đồ chơi, tham gia hoạt động và thuận lợi cho sự quan sát của giáo viên.

- Các khu vực hoạt động của trẻ gồm có: Khu vực chơi đóng vai; tạo hình; thư viện (sách, tranh truyện); khu vực ghép hình, lắp ráp/xây dựng; khu vực dành cho hoạt động khám phá thiên nhiên và khoa học; hoạt động âm nhạc và có khu vực yên tĩnh cho trẻ nghỉ ngơi. Khu vực cần yên tĩnh bố trí xa các khu vực ồn ào. Tên các khu vực hoạt động đơn giản, phù hợp với chủ đề và tạo môi trường làm quen với chữ viết.

b) Môi trường cho trẻ hoạt động ngoài trời, gồm có:

- Sân chơi và sắp xếp thiết bị chơi ngoài trời: Khu trò chơi vận động, khu vận động tinh, khu sáng tạo, khu khám phá
- Khu chơi với cát, đất, sỏi, nước.
- Bồn hoa, cây cảnh, nơi trồng cây.
- Khu ẩm thực Quê Hương (Tầng 3) khu cà phê sách cùng con (tầng 2).
- Khu vận động (tầng 1)

2. Môi trường xã hội

- Môi trường chăm sóc giáo dục trong trường mầm non cần phải đảm bảo an toàn về mặt tâm lý, tạo thuận lợi giáo dục các kỹ năng xã hội cho trẻ.
- Trẻ thường xuyên được giao tiếp, thể hiện mối quan hệ thân thiện giữa trẻ với trẻ và giữa trẻ với những người xung quanh.
- Hành vi, cử chỉ, lời nói, thái độ của giáo viên đối với trẻ và những người khác luôn mẫu mực để trẻ noi theo.

G. ĐÁNH GIÁ SỰ PHÁT TRIỂN CỦA TRẺ[81]

Đánh giá sự phát triển của trẻ là quá trình thu thập thông tin về trẻ một cách có hệ thống và phân tích, đối chiếu với mục tiêu của Chương trình giáo dục mầm non, nhận định mức độ phát triển của trẻ nhằm điều chỉnh kế hoạch chăm sóc, giáo dục trẻ một cách phù hợp.

I. ĐÁNH GIÁ TRẺ HÀNG NGÀY

1. Mục đích đánh giá

Đánh giá nhằm kịp thời điều chỉnh kế hoạch hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ hằng ngày.

2. Nội dung đánh giá

- Tình trạng sức khỏe của trẻ.
- Trạng thái cảm xúc, thái độ và hành vi của trẻ.
- Kiến thức, kỹ năng của trẻ.

3. Phương pháp đánh giá

Sử dụng một hay kết hợp nhiều phương pháp sau đây để đánh giá trẻ:

- Quan sát.
- Trò chuyện, giao tiếp với trẻ.
- Sử dụng tình huống.
- Phân tích sản phẩm hoạt động của trẻ.
- Trao đổi với cha, mẹ/người chăm sóc trẻ.

Hằng ngày, giáo viên theo dõi và ghi chép lại những thay đổi rõ rệt của trẻ và những điều cần lưu ý để kịp thời điều chỉnh kế hoạch chăm sóc, giáo dục cho phù hợp.

II. ĐÁNH GIÁ TRẺ THEO GIAI ĐOẠN

1. Mục đích đánh giá

Xác định mức độ đạt được của trẻ ở các lĩnh vực phát triển theo giai đoạn (cuối chủ đề/tháng, cuối mỗi độ tuổi) trên cơ sở đó điều chỉnh kế hoạch chăm sóc, giáo dục cho giai đoạn tiếp theo.

2. Nội dung đánh giá

Đánh giá mức độ phát triển của trẻ về thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, tình cảm và kỹ năng xã hội, thẩm mỹ.

3. Phương pháp đánh giá

Sử dụng một hay kết hợp nhiều phương pháp sau đây để đánh giá trẻ:

- Quan sát.
- Trò chuyện với trẻ.
- Phân tích sản phẩm hoạt động của trẻ.
- Sử dụng tình huống hoặc bài tập/trắc nghiệm.
- Trao đổi với cha, mẹ/người chăm sóc trẻ.

Kết quả đánh giá được giáo viên lưu giữ trong hồ sơ cá nhân của trẻ.

4. Thời điểm và căn cứ đánh giá

- Đánh giá cuối giai đoạn dựa vào mục tiêu giáo dục chủ đề/tháng, kết quả mong đợi cuối độ tuổi.
- Đánh giá mức độ phát triển thể chất cần sử dụng thêm chỉ số về cân nặng, chiều cao cuối độ tuổi.

DỰ KIẾN CÁC CHỦ ĐỀ THỰC HIỆN ĐỘ TUỔI: 3-4 TUỔI

Chủ đề	Chủ đề nhánh	Tuần	Thời gian thực hiện	Ghi chú
HỌC KỲ I				
	Ổn định nề nếp	1	28/8-31/8	
ĐẾN TRƯỜNG THẬT VUI (4 tuần)	Ngày hội đến trường của bé	2	04/9 - 10/9	
	Cô giáo như mẹ hiền	3	11/9 - 16/9	
	Các bạn của bé	4	18/9 - 23/9	
	Lớp học hạnh phúc (Lồng ghép trung thu)	5	25/9 – 30/9	Trung thu
BÉ YÊU GIA	Nhà bé có ai?	6	2/10 - 07/10	

ĐÌNH (3 tuần)	Ngôi nhà thân yêu	7	09/10 - 14/10	
	Nhà bé có gì? (Lồng ghép ngày hội 20/10)	8	16/10 - 21/10	PNVN 20/10
BẢN THÂN CỦA BÉ (4 tuần)	Bé là ai	9	23/10 - 28/10	
	Các giác quan của bé	10	30/10 - 04/11	
	Các bộ phận trên cơ thể bé	11	06/11 - 11/11	
	Bé khoẻ mạnh	12	13/11 - 18/11	
BÉ BIẾT GÌ VỀ GIAO THÔNG (3 tuần)	Bé đến trường bằng PTGT gì (Lồng ghép ngày hội 20/11)	13	20/11 - 25/11	NGVN 20/11
	Bé đi du lịch bằng máy bay	14	27/11 - 02/12	
	Bé đi du thuyền.	15	04/12 - 09/12	
BÉ CHỌN NGHỀ NÀO (4 tuần)	Nghề may	16	11/12 - 16/12	
	Chú bộ đội	17	18/12 - 23/12	QBNDVN 22/12
	Cô y tá và Bác sĩ	18	25/12 - 30/12	
	Hợp tác xã mây tre	19	01/01-06/1/23	
	Ôn tập-Sơ kết HK I	20	8/01-13/01	
HỌC KỲ II				
THỰC VẬT (4 tuần)	Một số rau-củ-quả	21	15/01-20/01	
	Một số loài hoa	22	22/01-27/01	
	Bé vui đón tết	23	29/01-03/02	
		24	05/02-10/02	Nghỉ tết Nguyên Đán
	Hạt gạo có từ đâu	25	12/02-17/02	
BÉ BIẾT MỘT SỐ CON VẬT (4 Tuần)	Con chó, con mèo nhà bé	26	19/02-24/02	
	Những con vật sống dưới nước	27	26/02-03/03	
	Những con vật sống trong rừng	28	05/03-10/03	QTPN 8/3

	(Lồng ghép ngày hội 8/3)			
	Những chú ong siêng năng.	29	12/03-17/03	
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG THÂN YÊU (3 tuần)	Thành phố của những cây cầu	30	19/03-24/03	
	Lễ hội cầu ngư	31	26/03-30/03	Giải phóng TP ĐN
	Bà Nà Hill	32	02/04-07/04	
BÉ TÌM HIỂU THIÊN NHIÊN (3 tuần)	Các mùa trong năm	33	09/04-14/04	
	Các hiện tượng tự nhiên	34	16/04-21/04	
	Nước	35	23/04-28/04	
BÁC HỒ-THỦ ĐÔ KÍNH YÊU (3 tuần)	Thủ đô	36	30/04-05/05	
	Bác Hồ với thiếu nhi	37	07/05-12/05	
	Mừng sinh nhật Bác	38	14/05-19/05	Sinh nhật Bác
TỔNG KẾT – PHÁT THƯỞNG		39	21/05-26/05	TỔNG KẾT

**DỰ KIẾN CÁC CHỦ ĐỀ THỰC HIỆN
ĐỘ TUỔI: 4-5 TUỔI**

Chủ đề	Chủ đề nhánh	Tuần	Thời gian thực hiện	Ghi chú
HỌC KỲ I (thực học 18 tuần)				
MÁI TRƯỜNG MẾN YÊU (4 tuần)	Tự trường - ổn định nề nếp	1	29/08/2023 - 31/08/2023	
	Ngày hội đến trường của bé	2	04/09/2023-09/09/2023	
	Trường mầm non Hồng Đào của em	3	11/9/2023-16/9/2023	
	Bé và các bạn	4	18/9/2023-	

			23/9/2023	
	Vàng trắng cổ tích	5	25/9/2023-30/09/2023	Trung thu
BÉ KHỎE BÉ NGOAN (4 tuần)	Bé là ai?	6	02/10/2023-07/10/2023	
	Khám phá cơ thể bé	7	09/10/2023-14/10/2023	
	Bé cần gì để lớn lên và khỏe mạnh	8	16/10/2023-21/10/2023	PNVN 20/10
	Những điều bé biết để bảo vệ mình.	9	23/10/2023-28/10/2023	
GIA ĐÌNH LÀ SỐ 1 (3 tuần)	Ngôi nhà bé ở như thế nào?		30/10/2023-04/11/2023	
	Bố mẹ và những người thân yêu	10	06/11/2023-11/11/2023	
	Nhu cầu của gia đình bé	11	13/11/2023-18/11/2023	
BÉ VÀ CÁC NGÀNH NGHỀ (3 tuần)	Cô tuyệt vời nhất	12	20/11/2023-25/11/2023	
	Bé với nghề mây tre đan.	13	27/11/2023-02/12/2023	NGVN 20/11
	Bé chọn nghề nào?	14	04/12/2023-09/12/2023	
THIÊN NHIÊN QUANH BÉ (4 tuần)	Các mùa trong năm	15	11/12/2023-16/12/2023	
	Các hiện tượng tự nhiên	16	18/12/2022-23/12/2022	QĐND VN 22/12
	Nước có từ đâu	17	25/12/2023-30/12/2023	
	Ngày và đêm	18	01/01/2024-	

			06/01/2024	
	Ôn tập-Sơ kết HK I	20	08/01/2024- 13/01/2024	
HỌC KỲ II (thực học 17 tuần)				
BÉ THÍCH CON VẬT NÀO? (4 tuần)	Những con vật nuôi trong gia đình	21	15/01/2024- 20/01/2024	Thực học tuần 1 -HKII
	Những con vật sống dưới nước	22	22/01/2024- 27/01/2024	
	Những con vật sống trong rừng	23	29/01/2024- 03/02/2024	
	Một số loại con trùng	24	05/02/2024- 10/02/2024	
		25	12/02/2023- 17/02/2023	Nghỉ tết nguyên đán
THỰC VẬT QUANH BÉ (4 tuần)	Vườn hoa mùa xuân	26	19/02/2024- 24/02/2024	
	Bé biết gì về cây lương thực	27	26/02/2024- 02/03/2024	
	Bé thích quả gì?	28	04/03/2024- 09/03/2024	Ngày Hội bà, mẹ và cô giáo
	Bé với cây xanh.	29	11/03/2024- 16/03/2024	
ĐÀ NẴNG THÀNH PHỐ EM YÊU (4 tuần)	Bé với các cây cầu	30	18/03/2024- 23/03/2024	
	Mẹ Nhu và những anh hùng dân tộc	31	25/03/2024- 30/03/2024	Giải phóng thành phố Đà Nẵng
	Lễ hội cầu ngư quê em	32	01/04/2024- 06/04/2024	

	Cảnh đẹp thành phố quê em	33	08/04/2024-13/04/2024	
BÁC HỒ NGƯỜI CHO EM TẤT CẢ (3 tuần)	Tìm hiểu về Bác Hồ	34	15/04/2024-20/04/2024	
	Bác Hồ với các cháu thiếu nhi	35	22/04/2024-27/04/2024	
	Bé biết gì về ngày 30/4 hằng năm	36	29/04/2024-04/05/2024	GP hoàn toàn Miền Nam thống nhất đất nước
MÙA HÈ ĐẾN RỒI (2 tuần)	Bé biết gì về mùa hè	37	06/05/2024-11/05/2024	
	Trang phục mùa hè	38	13/05/2024-18/05/2024	Sinh nhật Bác Hồ.
	Hoàn thành kế hoạch năm học	39	20/5/2024-25/5/2024	
TỔNG KẾT – PHÁT THƯỞNG		40	27/5/2024-31/5/2024	TỔNG KẾT

**DỰ KIẾN CÁC CHỦ ĐỀ THỰC HIỆN
ĐỘ TUỔI: 5-6 TUỔI**

Chủ đề	Chủ đề nhánh	Tuần	Thời gian thực hiện	Ghi chú
HỌC KỲ I (Thực học 18 tuần)				
TRƯỜNG MẦM NON (2 tuần)	Ngày hội đến trường của bé	1	04/9 – 9/9	
	Lớp học hạnh phúc	2	11/9 – 16/9	
BẢN THÂN (4 tuần)	Bé là ai?	3	18/9 – 23/9	
	Bé vui trung thu	4	25/9 – 30/10	Trung thu
	Cơ thể bé có gì?	5	02/10 – 7/10	

	Đảm bảo an toàn cho bé	6	9/10 – 14/10	
GIA ĐÌNH (3 tuần)	Ngôi nhà của bé ở đâu?	7	16/10 – 21/10	PNVN 20/10
	Các thành viên trong gia đình	8	23/10 – 28/10	
	Đồ dùng trong gia đình	9	30/10 – 04/11	
GIAO THÔNG (2 tuần)	Các phương tiện giao thông bé biết	10	06/11 – 11/11	
	Luật giao thông đường bộ	11	13/11 – 18/11	
NGÀNH NGHỀ (4 tuần)	Cô giáo	12	20/11 – 25/11	NGVN 20/11
	Cô y tá và bác sĩ	13	27/11 – 02/12	
	Làng nghề mây tre	14	04/12 – 9/12	
	Chú bộ đội	15	11/12 – 16/12	
CÁC CHẤT HÒA TAN (3 tuần)	Đường	16	18/12 – 23/12	QĐND VN 22/12
	Muối	17	25/12 – 30/12	
	Bé tập pha màu	18	01/01 – 06/01	
Ôn tập – Sơ kết HKI		19	8/01 – 13/01	Sơ kết HKI
HỌC KỲ II (Thực học 17 tuần)				
THỰC VẬT (3 tuần)	Một số rau-củ-quả	20	15/01 – 20/01	
	Một số loài hoa	21	22/01 – 27/01	
	Bé với mùa xuân	22	29/01 – 03/02	
	Nghỉ tết Nguyên Đán	23	05/02 – 10/02	Nghỉ tết ND
THIÊN NHIÊN (2 tuần)	Các mùa trong năm	24	12/02 – 17/02	
	Mùa mưa bão quê em	25	19/02 – 24/02	
ĐỘNG VẬT (4 tuần)	Gia súc và gia cầm	26	26/02 – 02/03	
	Cá nước ngọt và cá nước mặn	27	04/03 – 9/03	QTPN 8/03
	Thú dữ và thú hiền	28	11/03 – 16/03	
	Côn trùng có ích và có hại	29	18/03 – 23/03	
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG (3 tuần)	Mừng ngày giải phòng Đà Nẵng	30	25/03 – 30/03	Giải phóng TP ĐN
	Du lịch	31	01/04 – 06/04	
	Âm thực quê bé.	32	8/04 – 13/04	
TRƯỜNG TIỂU HỌC (2 tuần)	Bé lên Trường Tiểu học	33	15/04 – 20/04	
	Đồ dùng học tập	34	22/04 – 27/04	
Quận Thanh Khê (2 tuần)	Tượng đài Mẹ Nhu	35	29/04 – 04/05	
	Đình Làng Thanh Khê	36	06/05 – 11/05	
BÁC HỒ (1 tuần)	Mừng sinh nhật Bác	37	13/05 – 18/05	Sinh nhật Bác
TỔNG KẾT – PHÁT THƯỞNG		38	20/05 – 25/05	Tổng

			kết- Phát thường
--	--	--	---------------------------------

Phần bốn

HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

1.[82] Căn cứ vào Chương trình Giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, các sở giáo dục và đào tạo, phòng giáo dục và đào tạo hướng dẫn các cơ sở giáo dục mầm non xây dựng kế hoạch năm học, tổ chức thực hiện; phát triển chương trình giáo dục mầm non.

Ngoài những nội dung quy định tại mục C Phần hai Chương trình giáo dục nhà trẻ và mục C Phần ba Chương trình giáo dục mẫu giáo, các cơ sở giáo dục mầm non có thể lựa chọn, bổ sung một số nội dung giáo dục như: cho trẻ làm quen với ngoại ngữ, tiếp cận công nghệ số và những nội dung giáo dục khác phù hợp với mục tiêu của Chương trình giáo dục mầm non, bảo đảm tính khoa học, thiết thực, hiệu quả, phù hợp với văn hóa, điều kiện của địa phương, của cơ sở giáo dục mầm non, khả năng và nhu cầu của trẻ, theo quy định của pháp luật để phát triển chương trình giáo dục nhà trường nhằm nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em. Việc tổ chức thực hiện các nội dung giáo dục bổ sung theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2. Trên cơ sở Chương trình Giáo dục mầm non, giáo viên chủ động xây dựng kế hoạch giáo dục phù hợp với nhóm/lớp, khả năng của cá nhân trẻ và điều kiện thực tế của địa phương.

3. Nội dung của các lĩnh vực giáo dục chủ yếu được tổ chức thực hiện theo hướng tích hợp và tích hợp theo các chủ đề gần gũi thông qua các hoạt động đa dạng, thích hợp với trẻ và điều kiện thực tế của địa phương.

4. [83] Theo dõi, đánh giá thường xuyên sự phát triển của trẻ và xem xét các mục tiêu của chương trình, kết quả mong đợi để có kế hoạch tổ chức hướng dẫn hoạt động phù hợp với sự phát triển của cá nhân trẻ và của nhóm/lớp.

5. [84] Phát hiện và tạo điều kiện phát triển năng khiếu của trẻ; phát hiện sớm trẻ có khó khăn trong phát triển, can thiệp sớm và giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật.

6. Phối hợp chặt chẽ giữa cơ sở giáo dục mầm non với gia đình và cộng đồng để chăm sóc giáo dục trẻ tốt nhất./.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Đối với Ban giám hiệu

- Xây dựng kế hoạch Phát triển Chương trình giáo dục mầm non của nhà trường năm học 2023-2024. Triển khai kế hoạch đến toàn thể các giáo viên trong nhà trường.

- Hướng dẫn giáo viên xây dựng kế hoạch giáo dục tại các tổ chuyên môn, nhóm, lớp.

2. Đối với các tổ chuyên môn

- Xây dựng kế hoạch Phát triển Chương trình giáo dục mầm non năm học căn cứ vào kế hoạch của nhà trường.

- Xây dựng kế hoạch sát với điều kiện của tổ chuyên môn về các vấn đề trọng tâm.

- Các tổ chuyên môn thường xuyên tổ chức đánh giá lại việc thực hiện để kịp thời chấn chỉnh những sai sót, những nội dung chưa phù hợp đồng thời rút kinh nghiệm để đề ra các giải pháp phù hợp thực hiện trong thời gian tới. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn vướng mắc kịp thời phản ánh về lãnh đạo nhà trường để có hướng dẫn chỉ đạo kịp thời.

3. Đối với giáo viên

- Thực hiện nghiêm túc kế hoạch Phát triển Chương trình giáo dục mầm non của nhà trường và tổ chuyên môn.

Trên đây là Kế hoạch Phát triển chương trình giáo dục mầm non nhà trường năm học 2023-2024 của Trường Mầm non Hồng Đào. Đề nghị tất cả cán bộ, giáo viên, nhân viên nghiêm túc thực hiện. Trong quá trình thực hiện, nếu có những vấn đề khó khăn, vướng mắc, các bộ phận phản ánh về nhà trường để chỉ đạo, chỉnh sửa kịp thời./

Nơi nhận:

- Phòng GD&ĐT (để báo cáo)
- Phó Hiệu trưởng;
- Tổ trưởng Chuyên môn;
- Các lớp;
- Lưu: VT, HSCM .

HIỆU TRƯỞNG

Lê Hiền My